

ATISHA

ĐÈN SOI NỂO GIÁC
và Luận giải

Việt dịch: Thích nữ Trí Hải

Nhan đề Phạn ngữ: Bodhi-patha-pradīpa

Nhan đề Tạng ngữ: Byang-chub lam-gyi
sgron-ma

Nhan đề Anh ngữ: A Lamp for the
Enlightenment Path

Bản dịch Tạng-Anh : Richard Sherbune

**Đèn soi nẻo Giác
và
Luận giải**

ĐÈN SOI NỂO GIÁC

Bản dịch Anh ngữ của Richard Sherbune

Bản Việt dịch của Thích nữ Trí Hải

Trình bày bìa : Trương Duy

Làm tại Tuệ Uyển, 1996

Copyright 1996 by Tuệ Uyển & Thích nữ Trí Hải

All rights reserved

Printed in ViệtNam

mục lục

*Ot. trong chú thích chữ Kinh Tạng của Tây tạng, bản tàng
trữ ở TV Đại học Otani do D.T. Suzuki biên tập, Kyoto, 1957*

Tựa của đức Dalai Lama

Atisha tác giả Đền soi nẻo Giác được những người Tây Tạng kính nể đặc biệt. Mặc dù đã biết mình sẽ giảm thọ nếu du hành sang Tây tạng, ngài vẫn làm cuộc hành trình gian khổ qua dãy Hy mã Lạp sơn và đi khắp xứ Tây tạng để giảng dạy giáo lý. Nơi ngài từ trần không xa thủ đô Tây Tạng, đến nay vẫn còn là một thánh tích cho dân Tây tạng hành hương.

Chính cuộc đời Atisha cũng thể hiện con đường tu tập tâm linh mà đức Phật đã giảng dạy. Ngài đã đi nhiều nơi để tham học những bậc thầy có kinh nghiệm thân chứng. Sau khi học được tầm quan trọng của tâm vị tha hướng đến tất cả hữu tình, ngài đã nỗ lực tự chuyển hóa để thành hiện thân của đức từ bi. Ngài công nhận tầm quan trọng của giới, định, tuệ và thực hành cả ba môn học. Tại Ấn độ quê hương ngài, Atisha đã nổi danh là bậc thầy uyên bác về giới luật, thiền định và triết học Phật giáo. Cũng như những bậc thầy từ bi khác đến từ đất Ấn, ngài đặc biệt chú trọng đến Mật điển khi giảng dạy Phật giáo cho người Tây Tạng.

Atisha dạy rằng thông điệp của đức Phật cốt tủy là một phương pháp giải thoát hữu tình khỏi khổ đau. Ngài cố hàn gắn sự phân hóa có thể trở ngại cho việc lan truyền đạo Phật ở Tây Tạng bằng cách nêu lên những giáo lý cốt tủy, và chỉ

rõ rằng mỗi giáo lý thích hợp cho một giai đoạn và một hạng người. Ngài nhấn mạnh giá trị của tất cả các ngành giáo lý Phật.

Sách này được Atisha soạn cốt để dạy cho những đệ tử Tây Tạng, là điển hình của loại văn học Lamrim- những giai đoạn trên đường tiến đến giác ngộ - về sau đã đạt đến cực thịnh trong giới học giả và giảng sư Tây Tạng. Nó trình bày những pháp hành quan trọng bằng một lối ngắn gọn dễ hiểu và có thứ tự, tùy theo trình độ tu tập và khả năng tâm linh.

Những pháp hành như trình bày ở đây có ích lợi cho tất cả mọi người trong bất cứ thời đại nào. Trải qua nhiều thế kỷ, dân Tây Tạng chúng tôi đã được lợi lạc rất lớn nhờ các pháp này, nên tôi hy vọng dân tộc các xứ khác cũng sẽ tìm được ở đây một phương pháp để đạt đến sự an bình bền vững mà họ mong muốn. Sách này do một học giả Ki tô giáo nổi tiếng chuyển ra Anh ngữ; tinh thần hợp tác ấy đã làm con người cảm thông nhau hơn và đưa thế giới lại gần nhau trong việc thừa nhận cái cùng đích chung là cải thiện loài người.

Ngày 14-7-1982

Đức Dalai Lama thứ 14

Dẫn nhập

Đèn soi nẻo Giác cùng Luận giải được viết vào thế kỷ 11 tại tu viện Tho-ling (Bay cao) ở vùng giữa dãy Tuyết sơn, gần núi Kailas. Mặc dù bên ngoài ít ai biết đến, sách này đã được những cộng đồng Phật giáo Tây tạng và nội Á sử dụng và trân quý trên 900 năm nay. Vị tăng viết những tác phẩm này đầu tiên bằng Phạn ngữ (đã thất truyền), đồng thời dịch ra Tạng ngữ. Những tác phẩm này nằm trong thư tịch kinh Đại thừa xưa nhất ở Tây Tạng, và thuộc về luận tạng chân chính.

Tác phẩm này là một mẫu mực độc nhất vô nhị về thể loại văn học tín ngưỡng quan trọng và thịnh hành ở Tây tạng: đây là những cảm nang ngắn gọn nhưng hàm súc, trình bày những bước đường tiến đến giác ngộ, được xem như chỉ nam cho hành giả suốt cả một đời. Người sơ cơ cũng như người đã thuần thục đều tìm được một Bản đồ chỉ đường trong những kệ tụng cần học thuộc. Phần luận giải cung cấp những giải thích cho hành giả suy nghiệm và nghiên cứu thêm. Tác phẩm này là một hướng đi mới cho đời sống phật tử Tây Tạng, vì lần đầu tiên nó cho thấy tương quan mật thiết giữa căn bản đời sống tu hành và lý tưởng từ bi của bồ tát, phát triển thành kinh nghiệm Mật tông chân chính.

Tâm Đại bi, Chỉ và Quán, Tính không và Hỷ lạc trở thành những khái niệm nòng cốt mà tác phẩm này nhấn mạnh, và được xác chứng không những bằng kinh điển mà

còn bằng kinh nghiệm tâm linh của những người theo đạo Phật qua nhiều thế kỷ. Tính cách lôi cuốn của tác phẩm này đã làm cho nó trở thành chương trình huấn luyện và nghiên cứu trong tăng đoàn đặc biệt đầu tiên của Tây Tạng gọi là phái Kadampa (Ngôn giáo). Atisha mặc dù không hẳn là người sáng lập dòng tu này, song nhờ năng lực tuệ giác tâm linh của ngài (và ước muốn của ngài trước khi chết) mà các đồ đệ trực tiếp của ngài đã lập ra tăng đoàn ngày nay được biết dưới tên Hoàng Mạo phái (phái Mạo vàng) - giáo phái của các đức Dalai Lama. Những bản văn này đã có một ảnh hưởng rất lớn trong sự phát triển văn hóa tôn giáo của những dân tộc theo Phật trên vùng đất Mái nhà thế giới.

Tác giả chính của tập sách này là Atisha (982-1054), một thầy tu Ấn được dân Tây Tạng ngưỡng mộ. Tất cả sử gia Tây Tạng đều xem năm ngài đến Tho-ling 1042 như là sự phục hưng của Phật giáo trên xứ sở họ. Phật giáo được truyền đến Tây tạng lần đầu vào thế kỷ thứ 7, và lần này được xem như lần Truyền bá đợt hai.

Atisha sinh tại miền tây Bengal từ một gia đình quý tộc vào thế kỷ cuối thời vàng son Phật giáo Ấn, ngay trước khi bị đạo Hồi hủy diệt. Ngài là một học giả uyên bác về thế học cũng như đạo học. Tương truyền khi còn thanh thiếu niên ngài đã đi đến miền tây bắc Ấn và nhiều nơi khác để thọ giáo Mật tông trong nhiều năm. Năm 29 tuổi ngài thọ giới tỳ kheo rồi đi đến xứ Sumatra xa xôi để học đại thừa 10 năm. Sumatra thời ấy là một trung tâm tu viện lớn lao có nhiều liên hệ với Pala Bengal. Khi trở về Ấn độ ngài đến đại

tu viện ở Vikramasila, một cơ sở của Pala, ở đây mặc dù còn trẻ ngài đã được giữ chức giáo thọ sư được những tu sinh Tây Tạng đặc biệt yêu mến. Ngài bị cuốn hút bởi lòng nhiệt thành của họ và nhanh chóng nắm vững ngôn ngữ xứ này. Dĩ nhiên ngài đã là một bậc thầy uyên thâm về Phạn ngữ, một học giả hay hiền trí (pandita).

Mặc dù chưa đạt tới tầm vóc của một Long thọ hay Vô trước, những đại luận sư Phật giáo ngày xưa, Atisha vẫn là một con người vừa có đạo đức cá nhân thánh thiện vừa có tài văn học và khả năng sản xuất đáng kể. Tuệ giác của ngài được chiêm chước bằng năng khiếu thực tiễn như ta thấy trong nhiều bản văn ngắn gọn rõ ràng mà ngài đã viết cho chúng đệ tử ở Vikramasila và Odantapurì. Những người viết tiểu sử đều ghi nhận óc hài hước và trí thông minh nơi ngài, còn tinh thần phiêu lưu của ngài thì khởi nói: ngài làm cuộc hành trình gian nan suốt 12 tháng đến Tho-ling khi đã 60 tuổi- một cuộc hành trình làm cho người du lịch ngày nay cũng phải chùn chân.

Cuộc truyền giáo của ngài ở Tây Tạng kéo dài hơn 13 năm bắt đầu từ Tho-ling nơi ngài soạn tác phẩm Đèn soi nẻo Giác và luận giải vào khoảng năm 1042; sau đó ngài đi đến Lasha giảng dạy ở nhiều tu viện, viết lách và cổ võ tinh thần mới. Ngài mất tại Snye-thang phía nam Lasha ở đây di cốt của ngài được thờ trong một ngôi chùa nhìn ra sông Skyid-chu gần chỗ hợp lưu sông Brahmaputra rộng lớn.

Đời sống tu viện ở Tây tạng vào thời Atisha có phần nào hỗn độn là do những ảnh hưởng chính trị và tôn giáo. Vào thế kỷ thứ bảy khi Phật giáo du nhập Tây tạng lần đầu, được triều đình bảo trợ, thì chùa chiền và tu viện mọc lên như nấm khắp nơi cho đến biên giới Trung quốc và Thổ nhĩ kỳ, lan tràn khắp vòng cung Hy mã Lạp sơn từ Kashmir đến Miến Điện. Nhưng 200 năm phát triển bị chặn đứng đột ngột bởi cuộc đàn áp tàn bạo của vua Langdarma bắt đầu từ năm 836. Khi vua này bị ám sát, đế quốc Tây tạng cũng tan rã. Sau một thế kỷ rưỡi bị đàn áp và suy tàn, những tăng sĩ di cư lần lượt trở về những tu viện đổ nát và được các gia đình tại địa phương ủng hộ. Những hậu duệ của hoàng gia cũ ở miền tây xứ Tây tạng là những người nhiệt tình phục hưng đời sống tín ngưỡng Phật giáo, xây nhiều tu viện lớn như Tho-ling, và hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo tăng tài Tây tạng ở Kashmir và vùng bắc Ấn.

Khi nghe tiếng Atisha qua những sinh viên Tây tạng du học ở Vikramasila, một hoàng thân tên Byang-chub-od- một tăng sĩ cháu nội người xây dựng chùa Tho-ling- vội vàng mời ngài đến Tây Tạng để giúp chấn hưng đời sống tăng lữ.

Tính cấp bách của lời thỉnh cầu này một phần do sự đòi hỏi hiện hữu trong đời sống tu sĩ, nhưng phần chính yếu là do những hiểu lầm nghiêm trọng về lý tưởng Phật giáo và sự thực hành Mật tông. Phong trào này qua nhiều thế kỷ thịnh hành trong giới bà la môn và Phật giáo Ấn, đã lôi cuốn những người Tây Tạng. Nhưng đồng thời người ta cũng biết rằng Con đường nhanh này có nhiều yếu tố tế nhị sâu xa

khoác những hình ảnh đầy dục tính làm cho những người không được hướng dẫn dễ lạm dụng. Atisha là người đầu tiên đã hội nhập và đem lại một thế quân bình cho những con đường tu tập Phật giáo, và có được một thính giả tiếp nối giáo lý ngài giảng dạy. *Đèn soi nẻo Giác và luận giải này là tác phẩm chính yếu nêu rõ những quan điểm của ngài.*

Đèn soi nẻo Giác

do Atisha soạn

Phạn ngữ: Bodhi-patha-pradīpa

Tạng ngữ: Byang-chub lam-gyi sgron-ma

Kính lễ đức bồ tát Ma-ni-thù-đồ-như-tử !

1. **Kính lễ chư Phật quá khứ hiện tại vị lai**
Cùng giáo pháp các ngài và thánh chúng
Con sẽ đốt lên một ngọn Đèn soi nẻo Giác
Theo yêu cầu đệ tử thiện xảo Byang-chub-od
2. **Tất cả mọi người thuộc vào ba hạng:**
Thấp kém, trung bình và thù thắng:
Những đặc tính của chúng rất rõ ràng
Tôi sẽ nói những chỗ khác nhau.
3. **Người nào tìm đủ mọi cách**
Để theo đuổi lạc thú trong sinh tử
Và chỉ lo nghĩ cho bản thân mình
Đấy là hạng người Thấp kém
4. **Người nào không kể lạc thú cuộc đời**
Lại tránh xa những hành vi tội lỗi
Nhưng cũng chỉ mong mình được an vui
Người ấy được xem là hạng Tầm thường
5. **Người nào chỉ lo chấm dứt hoàn toàn**

Những khổ đau của kẻ khác
Vì tâm luôn nghĩ đến nỗi khổ chúng sinh
Kẻ ấy thuộc hạng người Thù thắng

6. Với những người trong sạch
Mong muốn đạt giác ngộ tối cao
Tôi sẽ giải thích những phương tiện chính
Mà các bậc thầy tôi đã dạy.
7. Hãy đối trước tượng tranh đáng Toàn giác
Hoặc trước xá lợi thiêng liêng
Mà dâng cúng hương hoa
Và bất cứ cúng phẩm nào có được.
8. Rồi với sự cầu nguyện bảy phần
Được nói trong Phổ hiền hạnh nguyện
Và với tâm chí không thoái chuyển
Cho đến khi đạt Vô thượng Bồ đề.
9. Với niềm tin lớn vào Ba ngôi báu
Quy gối sát đất
Hai tay chắp lại
Trước kết hầy ba lần đánh lễ quy y.

10. Rồi với điều kiện tiên quyết
Là tâm Từ đối với chúng sinh:
Ta nhìn khắp thế gian
Bị khổ vì sinh tử luân hồi
Và tái sinh trong ba ác đạo:
11. Ta đau đớn trước cảnh khổ ấy,
Và ai muốn giải thoát thế gian
Khởi ngay cái nhân của khổ,
Thì phải phát tâm Vô thượng bồ đề,
Thề không bao giờ lui bước.
12. Mọi đức tính liên hệ
Đến việc lập thế nguyện này
Đã được đức Di Lặc giải thích rõ
Trong phẩm kinh Hoa nghiêm.
13. Hãy đọc kinh này hoặc nghe thầy giảng
Và khi thấy được những lợi ích vô biên
Của tâm mong cầu giác ngộ
Thì ngày đêm ta sẽ liên tục phát tâm này.
14. Công đức của Phát tâm được nói rõ
Trong kinh Nghi vấn của Viradatta
Nói về cốt tủy của kinh ấy

Tôi sẽ trích ba đoạn sau đây:

15. Nếu công đức đầy đủ của tâm bồ đề
Mà có một hình tướng
Thì nó sẽ vượt quá
Giới hạn của không gian.
16. Vì như có người sở hữu nhiều châu báu
Chất đầy khắp các cõi Phật
Số lượng hơn cát sông Hằng,
Đem hiến cúng đức Thế tôn;
17. Còn một người khác chỉ chấp tay
Hương tâm đến việc mong cầu giác ngộ
Sự cúng dường này thù thắng hơn
Vì đó là một cúng dường không giới hạn.
18. Khi bạn phát tâm mong cầu giác ngộ,
Hãy nỗ lực triển khai toàn vẹn tâm ý
Muốn nhớ lại nguyện mình đời trước
Hãy tu tập đầy đủ theo giải thích đây.
19. Tâm nguyện bồ đề sẽ không tăng tiến
Nếu không lập thế tuân tự thọ giới
Nên ai mong cầu tăng trưởng nguyện bồ đề

Thì hãy thiết tha lập thế thọ giới.

20. *Chỉ người nào đã lập thế lâu bền
Giữ một trong bảy hạng giới Biệt giải thoát
Mới đủ tư cách lập nguyện Bồ đề
Không có cách nào khác.*

21. *Đức Như lai đã dạy
Trong bảy hạng giới Biệt giải thoát,
Sự sống trong sạch là thù thắng nhất
Nghĩa là thế nguyện giữ giới tỳ kheo.*

22. *Theo nghi thức được nói trong kinh
Chương nói về Giới của bồ tát địa
Người ta thọ giới từ một bậc minh sư
Có những đức tính thích hợp.*

23. *Nghĩa là người am hiểu nghi thức thọ giới
Và bản thân sống đúng theo giới đã thọ
Lại có đức nhẫn nhục từ bi
Để truyền trao Giới pháp.*

24. *Nhưng nếu đã tìm mà không gặp
Một bậc thầy nào như thế cả,*

Thì sau đây là nghi thức khác
Để thọ giới cho đúng cách.

25. Đồi quá khứ khi làm vương tử,
Đức Văn thù đã phát tâm bồ đề
Như được nói trong kinh
Trang hoàng cõi Phật Văn thù
Tôi sẽ ghi rõ lại như sau.
26. "Trước chư Phật thế tôn, con xin
Phát tâm Vô thượng bồ đề
Con mời tất cả chúng sinh lại
Nguyện cứu chúng thoát chu kỳ sinh tử.
27. "Khởi từ giờ phút này trở đi
Cho đến khi đạt Vô thượng bồ đề
Con sẽ không để cho gian dữ, ác ý
Tham lam hay ganh tị, xâm chiếm tâm con.
28. "Con sẽ sống đời phạm hạnh thanh tịnh
Từ bỏ tội lỗi và dục vọng thấp hèn
Con sẽ sống như Phật sống
Là hoan hỷ trong Giới hạnh vô biên.
29. "Con không có trí tuệ mãi tiếp

Để đạt bề đề một cách nhanh chóng
Nên dù vì một chúng sinh duy nhất
Con nguyện ở trong sinh tử đến cùng.

30. "Con sẽ làm sạch vô lượng
Vô biên cõi nước trong vũ trụ
Và từ lúc nhận tên mới này
Con sẽ ở trong khắp mười phương.

31. "Đã làm sạch hoàn toàn
Thân nghiệp và ngữ nghiệp
Con sẽ làm sạch luôn ý nghiệp
Và không bao giờ làm điều phi công đức."

32. Cốt yếu sự thanh tịnh thân lời ý
Là giữ giới với tâm cầu tiến
Vì nhờ thực hành Ba loại Giới
Mà thấy chúng có giá trị lớn lao

33. Do vậy, khi đã nỗ lực tu các giới
Bao hàm Giới Bồ Tát trong sạch toàn vẹn
Thì hành giả sẽ kiện toàn được
Chính hành trang để đạt toàn giác.

34. Tất cả chư Phật đã dạy rằng
Căn bản hành trang ấy là Phước và Trí
Và muốn thành tựu hai thứ ấy
Cốt yếu phải thành tựu các thần thông.
35. Như con chim với đôi cánh chưa vững
Không thể bay cao trên bầu trời
Cũng vậy không năng lực của thắng trí
Người ta không thể lợi lạc hữu tình.
36. Công đức tạo được trong một ngày
Của người có thần thông
Vượt xa công đức người không thần thông
Tạo nên trải qua trăm đời kiếp.
37. Người nào mong kiện toàn nhanh chóng
Hành trang cho trí Toàn giác
Hãy nỗ lực tinh tiến để được các thần thông
Thần thông không thể có do lưới biếng.
38. Khi người ta chưa đạt đến tinh chỉ
Thì thắng trí không thể phát sinh;
Bởi thế muốn thành tựu tinh chỉ
Thì phải luôn luôn nỗ lực tinh tiến.

39. Người xao lãng những yếu tố của Định
Thì dù có nỗ lực thiên quán
Trải qua hàng ngàn năm
Cũng không thể đắc định.
40. Bởi thế, khi đã an lập trong các yếu tố
Nói trong Chương Hành trạng của Định
Thì mới có thể đặt tâm viên mãn giới
Tập trung vào đề mục nào mình chọn.
41. Khi viên mãn pháp thiên Tịnh chỉ
Thì sẽ chứng đắc các thắng trí
Nhưng chướng ngại vẫn chưa tiêu diệt
Nếu không có sự viên mãn Tuệ.
42. Bởi thế, muốn trừ tất cả chướng ngại
Do phiền não và do cái biết
Thì hành giả phải liên tục đào luyện
Tuệ viên mãn với Phương tiện đi kèm.
43. Kinh điển dạy ở đời còn bị trôi
Uì Tuệ giác còn tách biệt Phương tiện,
Và Phương tiện còn tách biệt Tuệ giác
Bởi thế, đừng bỏ quên sự hợp nhất này.

44. Muốn tịnh trừ hoài nghi thức mắc
Gì là Tuệ giác, gì là Phương tiện
Tôi sẽ giải rõ sự khác nhau
Giữa Phương tiện và Tuệ giác.
45. Các đấng Chiến thắng đã giải thích
Phương tiện là mọi trang bị về Giới
Khởi từ Bồ thí ba la mật
Và các thứ khác, trừ trí tuệ ba la mật
46. Người nào phối hợp Làm chủ Phương tiện
Với Chân chính tu tập Tuệ Bát nhã
Thì sẽ mau chóng đạt giác ngộ
Không phải chỉ nhờ tu vô-ngã.
47. Tuệ giác được giải thích đầy đủ
Là biết Tính không, không thực chất nội tại.
Khi hiểu rằng các Uẩn,
Và Xứ và Giới vốn không sinh.
48. Sự sinh khởi của hữu không thể có
Của phi hữu như hoa đốm hư không
Một vật vừa có vừa không hoàn toàn vô lý
Cũng vậy không thể cả hai đều không.

49. Một thực thể không sinh ra từ chính nó
Không sinh từ cái khác, hoặc từ cả hai,
Cũng chẳng phải không do nhân gì sinh,
Nên không tự tính, vì không bản chất nội tại
50. Lại nữa, nếu phân tích các pháp
Theo tính Một hay Nhiều
Ta không thấy hiện hữu riêng rẽ
Nên quyết định bản chất nội tại là phi hữu.
51. Bảy mươi bài kệ về Tính Không
Và Kệ tụng căn bản về Trung đạo
Đều giải thích chứng cứ tất cả pháp
Không có bản chất nội tại.
52. Bởi thế tôi không triển khai thêm
Vì ngại bản văn sẽ quá dài,
Mà chỉ giải thích những điều đã xác chứng
Để xúc tiến sự quán tưởng.
53. Như vậy, không thấy bản chất nội tại
Trong bất cứ hiện tượng nào
Chính là quán vô ngã của nó;
Đấy cũng là quán sát với trí tuệ.

54. *Và cái trí tuệ không thấy
Bản chất nội tại trong bất cứ pháp nào
Chính là tuệ được giải thích là Bát nhĩ.
Hãy đào luyện nó không tưởng phân biệt.*
55. *Thế giới của biến dịch nổi lên
Từ Phân biệt tưởng- bản chất của thế gian
Sự hoàn toàn dứt trừ phân biệt tưởng
Chính là Niết bàn tối thượng.*
56. *Hơn nữa, đức Thế tôn tuyên bố:
"Tưởng phân biệt chính là đại vô minh
Ném con người vào biển lớn sinh tử
Người nào an trú trong Định vô tưởng
Tâm quán ấy trong sáng như bầu trời."*
57. *Ngài cũng nói trong Kệ Tu Vô tưởng:
"Khi một Pháp vương tử thiền định
Không tưởng phân biệt về Diệu pháp này,
Và đã vượt qua gian nan lối mòn tư tưởng
Vị ấy dần đạt đến vô phân biệt."*
58. *Khi nhờ kinh điển và lý luận
Ta đã thâm nhập được bản chất phi tự tính*

Cửa tất cả pháp không sinh
Thì hãy tu quán không tướng phân biệt.

59. Khi hành giả đã quán chân như
Và từng giai đoạn đạt Noãn vị vân vân
Vị ấy sẽ đạt đến Hoan hỉ địa trở lên:
Trí toàn giác không còn xa lắm.
60. Nhờ phép "Trần tịnh" và "Sung mãn"
Vân vân, có hiệu lực do thần chú
Và nhờ năng lực tám phép gia trì
Khởi từ "Bửu Bình" và các pháp khác,
61. Mà Hành trang cho Giác ngộ
Được kiện toàn một cách dễ dàng;
Và nếu muốn hành mật chú như được cho
Trong các mật điển Hành động, vân vân.
62. Thì phải thọ pháp "Đạo sư Gia trì"
Bằng cách tìm một vị thầy thánh thiện,
Rồi hầu hạ, cúng dường báu vật
Và tuân phục để làm hài lòng vị ấy.
63. Và khi đã được bậc thầy
Làm lễ truyền pháp "Đạo sư Gia trì"

Thì ta sẽ tính hóa kết tội lỗi
Và đủ tư cách thực thi các quyền năng.

64. Những pháp gia trì Bí mật và Tuệ giác
Không nên cho người xuất gia thọ,
Vì các pháp ấy đặc biệt bị cấm
Trong đại mật điển của đức Phật Tối sơ.

65. Nếu một người thọ những pháp gia trì ấy
Trong khi sống đời phạm hạnh xuất gia
Nó sẽ khiến người ấy phạm giới
Khi phải thực hành những điều cấm chỉ.

66. Những sự phạm giới khi xảy ra
Sẽ đánh bại người giữ giới xuất gia;
Và do chướng chấn sa vào ác đạo
Việc tu mật tông người ấy cũng không thành.

67. Sau khi đã thọ pháp Đạo sư Gia trì
Thì được nghe và giải thích tất cả mật điển
Thì triển Dâng lễ, Cúng dường, vân vân :
Không gì sai quấy trong tuệ giác về thực tại.

68. Tôi, trưởng lão Dipamkarasrì,

**Đã đọc giải thích này trong các kinh điển
Và theo lời khẩn cầu của Byang-chub-od
Đã giải thích rõ Con Đường đến Giác ngộ.**

Luận giải về những điểm khó trong Đền soi nẻo Giác

Bài kệ quy kính :

Kính lễ bồ tát Quan Âm.
Kính lễ bồ tát Văn Thù, Pháp vương tử.
Kính lễ Cakra Samvara.
Kính lễ Thế Tự Tại và Tara thần nữ.
Thành kính đảnh lễ những bậc thầy :
Theo đức Di Lạc: Vô Trước và Suvarnadvipa.
Theo đức Văn Thù: Sàntideva và Trí Hiền.
Con xin viết luận giải này
để đem lại ánh sáng.

*Đền soi nẻo Giác chỉ là ánh trăng
Trên đường đến trái tim giác ngộ;
Bất cứ chi tiết nào không rõ ràng trong đó
Luận này như mặt trời soi sáng đường đi.*

Mặc dù không có tài soạn luận giải,
Tôi vẫn viết lời giải thích này,
Theo yêu cầu đệ tử nhiệt thành

Để giáo lý Phật được thịnh hành,
Và tranh luận về kinh điển chấm dứt

Muốn cho bậc trí phát thần thông
Người trung bình triển khai tâm trí,
Và người hạ liệt dẹp bỏ dục vọng,
Tôi giải bày về những điểm khó thông.
Nhiều nghĩa ít lời thật khó hiểu
Nếu không có những bậc thánh dẫn đường
Thì người ta sẽ hoàn toàn lạc lỏng.

Bởi vậy một người thông minh
Nên tìm ân huệ của một bậc thầy
Và cầu xin được hướng dẫn thích đáng
Phù hợp với truyền thống Đạo Sư.

Luận văn

Những chỉ giáo mà tôi trình bày ở đây đã đến với tôi như những giọt cam lồ từ những bậc thầy thánh thiện quang vinh là Suvarnadvīpa và Bodhibhadra. Theo lời khẩn cầu tha thiết của đệ tử tôi, một người hoàng tộc tên Byang-chub-od và của tu sĩ Tshul-khrimsrgyal-ba một đệ tử cốt cán, tôi sẽ tập hợp những giọt cam lồ mà tôi nhận được khi thọ giáo riêng, chiếu theo những điều các bậc thầy đã chỉ dạy và những điều kinh luận nói.

Vì Byang-chub-od cứ hỏi tôi
Về bảy điều cần giải thích, bảo rằng
"Trong bản gốc, ý nghĩa không rõ ràng"
Nên tôi sẽ viết theo yêu cầu ông ấy.

Ông ấy muốn ám chỉ bảy điều mà Đại Luận Sư Thế Thân đã nói như sau:

"Những người giảng dạy ý nghĩa của một bản kinh cần đưa ra những chỉ giáo ngắn gọn gồm bảy điều: Một là lợi ích, hai là tóm tắt, ba là định nghĩa danh từ, bốn là tính hợp lý, năm là những phản bác, sáu là trả lời, và bảy là giải thích." (Thuật thuyết giảng, Ot. 5562)

Nếu nương tựa một bậc thầy và được dạy theo phương pháp ấy, người có trí sẽ nhanh chóng hiểu được con đường

Đại thừa - đường đi của những Cổ xe lớn và đường lối của bậc thiện nhân.

Như vậy tôi sẽ giải thích
Con đường của những Bồ tát
Chiếu theo kinh luận
Và chỉ giáo của các bậc thầy tôi.

Giải thích của tôi bắt đầu ở đâu ? Ngay trong bản văn gốc, từ bài kệ đầu tiên:

Kính lễ chư Phật quá khứ hiện tại vị lai
Cùng giáo pháp các ngài và thánh chúng
Con sẽ đốt lên ngọn Đèn soi nẻo Giác
Theo yêu cầu đệ tử thiện xảo Byang-chub-od.

Nửa đầu bài kệ dễ hiểu. Nửa sau, danh từ đệ tử thiện xảo có nghĩa là một pháp khí thích hợp cho Đại thừa. Ai là đệ tử thiện xảo ấy ? Đó là người có tên Byang-chub-od.
Theo yêu cầu ám chỉ lời ông ta nói với tôi như sau:

"Trong xứ Tây tạng này có những người hiểu lầm con đường đại thừa của giáo lý Phật. Những bậc thầy và bạn đạo không ngớt cãi nhau về những điều mà chính họ không nắm vững. Ai cũng có những lập luận riêng để phân tích những giải thuyết của mình về Tri Kiến Sáu Xa và Hành Vi Quảng Đại. Vì thấy quá nhiều điểm bất đồng từ mọi phía, nên con xin thầy làm sáng tỏ những mối nghi này cho chúng con."

Vậy, do lời yêu cầu tha thiết ấy, và vì người đệ tử này mà tôi sẽ thắp lên ngọn Đèn soi nẻo Giác, chiếu theo giáo lý trong kinh điển và theo truyền thống.

Nếu bạn hỏi, tìm đâu ra Ngọn Đèn Soi Nẻo Đường đến Giác ngộ ấy, thì đấy là phần chính yếu trong bản văn gốc của tôi, từ bài kệ về Hạng Người Thù Thắng (kệ 6) suốt cho đến bài kệ cuối cùng (67) về mật điển.

Ba hạng người

Trong những bài kệ mở đầu nói về ba hạng người, tôi đã trình bày ai là pháp khí đại thừa, và ai không. Những định nghĩa về hạng người Thấp Kém và Trung Bình đã rõ. Bài kệ sau đây giải thích ai là pháp khí thích hợp với đại thừa:

Người nào chỉ lo chấm dứt hoàn toàn
Những khổ đau của người khác
Vì tâm họ luôn nghĩ đến nỗi khổ chúng sinh
Kẻ ấy thuộc hạng người Thù thắng (kệ 5)

Sau đây là những điều mà Luận giải cần nói về đề tài này:

Bồ tát thương tất cả chúng sinh
Tận đáy lòng mình
Như người thương yêu đứa con độc nhất
Luôn mong cầu cho nó được an vui

(Trang Hoàng Kinh Điển, Ot. 5521).

Hoặc:

Như bồ câu mẹ yêu bầy con nhỏ,
Ấp ủ chúng dưới lồng ngực bà;
Cũng như vậy, vượt qua thù hận,
Hãy đối xử mọi loài với tình thương yêu.

Và Đại luận sư Vasubandhu (Thế Thân) cũng nói:

"Người hạ liệt dùng hết khả năng mình chỉ để làm cho tâm mình được hạnh phúc. Người tầm thường thấy mình khổ nên chỉ mong thoát khổ, do vậy mà khổ mãi. Còn người thánh thiện vì thấy gốc khổ nằm ngay trong dòng tâm thức mình, nên chuyên lo trừ cái gốc khổ và đem lại hạnh phúc cho người. Vì người thánh thiện thì đau cái đau của người khác."*

Và ngài lại thêm:

"Những người khổ vì kẻ khác khổ, vui vì người khác vui, thuộc về hạng người không còn cái gì là của tôi nữa. Họ không tìm hạnh phúc cho riêng mình, mà làm nỗ lực lớn để cứu người ra khỏi biển khổ. Lòng bi mẫn của họ có bản chất đặc biệt là vui vẻ trước sự khổ của mình và trước hạnh phúc của người, do năng lực họ đã đào luyện về tâm đại bi.

*(*CT. Lời trích dẫn này vô cùng quan trọng, vì đây là nguồn gốc của sự phân biệt thành ba hạng người trong các tác phẩm Lam rim Tây Tạng về sau. Phương tiện giảng dạy gồm những nhóm ba pháp trong khi trình bày về mức độ phẩm chất thành ra hạng thấp, trung bình và cao, là điều khá phổ thông trong mọi nền văn học, nhất là trong văn học Phật giáo. Nhưng về ba hạng người mà Thế Thân trình bày ở đây, và Atisha nối gót, thì không nên xem như là cách phân chia thành ba con đường Thanh văn, Duyên Giác, Bồ tát mà văn học Bát nhã thường làm. Vì hạng người hạ liệt ở đây còn không quan tâm đến giải thoát, như Thanh văn, Duyên giác quan tâm. Ấng hơn, ở đây phân chia ba hạng gồm hạ liệt là phàm phu, tầm thường là Thanh văn, Duyên giác và thù thắng là Bồ tát, những người tìm giác ngộ vì lòng bi mẫn chứ không phải vì giải thoát cho riêng mình.)*

Do vậy, người nào tự bản chất không chịu nổi trông thấy người bên cạnh mình bị tai ách, người nào tình nguyện chịu khổ cho người được hạnh phúc, người nào xem mọi chúng sinh như đứa con độc nhất của mình - như một người cha không nỡ nhìn đứa con một bị kẹt trong lửa dữ, bị rơi xuống hố sâu hay bị nước lũ cuốn- tôi ca ngợi hạng người như vậy ở đây là một pháp khí thích hợp với Đại thừa."

Phương tiện chính cho người thù thắng

Chính nhắm tới hạng người vĩ đại như thế mà tôi đã viết:

Tôi sẽ giải thích những phương tiện chính
Mà các bậc thầy đã dạy cho tôi. (bài kệ 6)

Những bậc thầy là thượng tọa Trí Hiền và thượng tọa
Suvarnadīpa. *Phương tiện chính sẽ được giải thích đầy đủ
theo thứ tự sau đây:*

- A. Quy y tam bảo
- B. Hai phương diện của tâm Bồ đề
- C. Phát sinh các thắng trí để làm việc lợi ích cho người.
- D. Tích lũy hai thứ trang bị nhờ phối hợp phương tiện và trí tuệ
- E. Trang bị nhờ phương pháp phi thường là Thần Chú, hệ thống đại thừa lớn lao nhanh chóng kiện toàn lợi lạc cho bản thân và tha nhân.

Bát nhã thừa

PHẦN MỘT

Tăng thượng giới

Chương 1

Quy y

Quy y tam bảo

Có thể nói quy y Tam bảo là ngõ vào đô thị Giải Thoát, và là nền tảng của tâm bồ đề. Điều này được dạy trong 3 bài kệ 7,8,9 khởi đầu bằng hai câu :

Hãy đối trước tượng tranh đấng Toàn giác
Hoặc trước xá lợi thiêng liêng

Đối trước có nghĩa là như ta thường thấy trong các kinh đại thừa như Lời Khuyên Vua, rút từ cổ thư nhan đề Những hành vi quang vinh :

"Tâm bồ đề được phát sinh nhờ đối diện và trông thấy thân thể của một đức Như Lai."

Và tất cả những bạn lành đều công nhận điều này đúng.

Một lễ quy y đầy đủ có thể được nói sau, nhưng ở đây tôi sẽ nói vắn tắt. Trước hết hãy cầu xin rằng hình ảnh của Ba Ngôi Báu được họa trong 27 đồ hình* hiện ra trước mặt bạn,

rồi triệu thỉnh Ba Ngôi Báu ở khắp nơi trong mười phương thế giới. Hoặc bạn có thể tự đặt mình vào trong những cõi Phật, và với một dáng điệu cung kính, quán tưởng mình đang ở trước mặt mỗi đức Phật và Bồ tát. Rồi hai tay chắp lại trên đỉnh đầu để sám hối tội lỗi, tùy hỷ công đức và thỉnh chuyển pháp luân. Sau đó khi bạn đã dâng cúng bậc thầy một lễ vật, thì có thể quy y. Đương nhiên trước đó nên hiểu rõ sự khác nhau giữa Ba Ngôi Báu kể như thực tại tối hậu và Ba Ngôi Báu đang hiện diện trước mặt ta.

Bảy phần cầu nguyện: Hành trì thiện xảo

Dâng cúng hoa và hương (kệ 7b) là cúng dường bằng phẩm vật làm đẹp ý. Và với sự cầu nguyện bảy phần (kệ 8) là cúng dường bằng thiện định. Một bồ tát ở đạo lộ hành trang (Tứ lương vị), người sẽ thành một giáo thọ sư, thì phải thiện xảo về vấn

*(*CT. Có thể đây là loạt thangka hay tranh lụa phổ biến được thờ tại Tho-ling vào thời Atisha. Hoặc có thể là mandala gồm 27 phần gọi là Sitatapatra- Bạch tán cái- thuộc Như Lai Bộ trong Mật điển Hành động, một trong Bốn mật điển chính.)*

đề cúng dường, vì nó làm tăng trưởng hành trang phước đức.

Rồi với sự cầu nguyện gồm bảy phần
Được nói trong Đại hạnh của Phổ hiền
(kệ 8a)

Hai câu này ám chỉ kinh Phổ hiền nguyện vương một chương của kinh Hoa nghiêm. Những bậc hiền trí và minh sư đã xem kinh này là ngọn đèn soi sáng các kinh thuộc cỗ xe Ba la mật của Bồ tát. Đây là pháp hành toàn thiện (phổ hiền, samantabhadra) của một bồ tát đã đạt địa vị cao, của những người đã khám phá được kho tàng hạnh nguyện vô tận như biển cả. Và đây cũng là hạnh nguyện của một bậc Toàn Thiện, Phổ Hiền.

(Nguyện lớn)

1. Đối trước tất cả chư Phật
Ở khắp nơi trong vũ trụ
Đã vượt ngoài mọi chiều thời gian,
Con xin kính lễ bằng cả thân, lời, ý.
2. Nhờ năng lực thực hành Nguyện lớn
Con dùng vô số thân nhiều hơn cát bụi
Để kính lễ các đấng Chiến thắng
Mà tâm con có thể nghĩ lường.
3. Con đặt hết niềm tin nơi chư Phật
Và những giới đức vượt bậc của các Ngài-
Vô số Phật đang an tọa
Giữa chúng Bồ tát nhiều hơn vi trần,
4. Con ca tụng tất cả các đấng Thiện thế

Bằng biển cả ngôn từ vô tận tán dương;
Con hát ca công đức các đấng Chiến thắng
Với toàn thể âm thanh của tiếng hải triều.

5. Với hoa tươi và những tràng hoa tốt đẹp
Âm thanh của nã bạt, dầu thoa và lọng báu
Với đèn dầu và hương trầm hảo hạng
Con xin cúng dường tất cả Như lai.
6. Với vải mịn nhất và các hương thù thắng
Bình đựng hương bột cao như núi Tu di
Với những đồ trang hoàng đặc biệt quý hiếm
Con dâng cúng lên các đấng Chiến thắng.
7. Con xin dâng hiến lên chư Phật
Tất cả phẩm vật trang lệ thù thắng;
Với năng lực đức tin vào các thiện hành
Con xin kính lễ chư Như lai.
8. Bất cứ tội lỗi nào con đã phạm
Do tham dục, giận dữ, si mê,
Bằng thân, lời hay ý
Con xin sám hối tất cả.
9. Con xin vui theo những công đức
Của chư Bồ tát và Độc giác

Của các bậc còn học và hết học
Con tán thành việc tốt trong cả thế gian.

10. Với các bậc làm Ngọn đèn của thế gian
Con thỉnh chuyển Bánh xe Pháp vô thượng-
Những người trải qua từng bước đến giác ngộ
Đã đạt thành Phật quả thânh thang.

11. Với những vị nào mong nhập Niết bàn
Con xin chấp tay khẩn cầu các ngài
Vì hạnh phúc an vui của chúng sinh
Hãy lưu lại thêm vô số kiếp.

12. Chút ít công đức nào con có được
Do Kính lễ, Cúng dường, hay Sám hối,
Do Vui theo, Cung thỉnh, Khẩn cầu
Tất cả con xin dồn cho mục đích Giác ngộ.

13. Con xin kính lễ chư Phật quá khứ hiện tại
Nơi các ngài an trú trong khắp mười phương.
Và cầu mong chư phật vị lai chóng thành đạt
Qua những bước đường tiến đến Toàn giác.

Giải thích 1

Một số các bậc thầy giải thích Bảy cách cúng dường như sau:

1. Bài kệ đầu dạy Cúng dường bằng thân, lời, ý lễ kính.
2. Bài kệ 2 dạy Cúng dường bằng Thân lễ.
3. Bài kệ 3 dạy Cúng dường bằng Đức tin mà đối tượng là chư Phật.
4. Bài kệ 4 dạy Cúng dường bằng Ca tụng tán dương.
5. Bài kệ 5, 6 dạy Cúng dường bằng những phẩm vật thông thường.
6. Bài kệ 7 dạy cách Cúng dường tối thượng.
7. Bài kệ 8, 9, 10 dạy Cúng dường bằng Ba Tụ là Sám hối, Vui theo và Khẩn cầu. Phần còn lại là hồi hướng công đức của sự Cúng dường này cho Giác ngộ.

Giải thích 2

Một số bậc thầy khác lại giải thích Bảy cách cúng dường (chỉ khởi từ bài kệ thứ năm) là: 1. Hoa tốt nhất 2. Tràng hoa tốt nhất. 3. Âm nhạc tốt nhất 4. Hương thoa tốt nhất 5. Án tốt nhất. 6. Hương trầm tốt nhất. 7. Vải tốt nhất. Họ cho rằng hương và bình hương bột trong bài kệ 6 đã gồm trong dầu

thoa và hương trầm, còn những đồ trang hoàng đặc biệt là làm bằng những thứ nói trên, cùng các thứ khác.

Giải thích 3

Những bậc thầy đa văn khác thì giải thích Bảy cúng dường bằng cách tóm thâu thành Bài Cầu nguyện bằng thiền định gồm Bảy phần, do hai câu trong bài kệ cuối:

Con xin kính lễ chư Phật quá khứ hiện tại
Nơi các ngài an trú trong khắp mười phương.

Ba lối giải thích đều không có gì trái nhau; ta có thể theo cách nào cũng được.

Những loại cúng dường

Có hai cách cúng dường: bằng phẩm vật làm đẹp lòng, và bằng thiền định.

Cúng dường bằng phẩm vật

Có thể có hai loại: phẩm vật có sẵn hay phẩm vật do tâm tạo. Phẩm vật có sẵn có thể là những loại hoa, hương, âm nhạc, cung điện hay ngọc báu. Cũng có thể là tâm của ta với cơ sở của nó (trái tim), hay con trai, con gái, vợ, tôi tớ, vân vân. Những phẩm vật do tâm tạo là tất cả những thứ tuyệt

hảo trong vũ trụ không thuộc về ai và cũng không ai có thể chiếm làm sở hữu- loại phẩm vật nói trong kinh Mây châu ngọc, mật điển Tràng hoa ý, Ấn tín, Cúng dường, và kinh Trọng tâm của Định, Châu báu rực rỡ và Tiến trình hành đạo. Những vật do tâm tạo khác nữa là những đồ cúng được trưng bày như trong Kho tàng thiên giới, đó là bảy báu vật của một vua Chuyển luân cùng các châu báu, vàng, bạc, pha lê, xa cừ, hổ phách, ngọc bích, ngọc trai, trân châu, hồng ngọc, kim cương, ngọc dạ quang, hoàng ngọc, lưu ly, lam ngọc có vân, ngọc thạch, san hô, thạch anh- những trận mưa châu báu như thế, và vô số cung điện trang hoàng bằng cờ, tràng phan và lọng báu. Hơn nữa, ta có thể dùng vô lượng thứ này để dâng cúng như nói trong thần chú Châu báu Rực rỡ:

Phóng ra một đạo hào quang đầy hoa
Với những lọng hoa, núi hoa cao ngất
Hoa tung rải tràn lan khắp nơi,
Các bậc đại hữu tình cúng dường chư Phật.

Bằng thần chú này, ta cũng có thể dâng hiến những đồ cúng la liệt trầm, hương, tràng hoa, hương bột, lụa là, châu báu, hoa sen, tràng hoa chiến thắng và bảo cái rực rỡ màu sắc.

Cũng theo cách ấy, hãy tưởng tượng một lọng báu có tay cầm, trang hoàng đủ thứ châu ngọc làm thành một chỗ trú tuyệt vời cho tất cả cung điện của chư Phật. Rồi làm một

tràng phan hoặc cờ chiến thắng cũng được trang hoàng như lọng báu.

Hoặc tưởng tượng những trận mưa hoa đủ màu sắc, hình dáng và mùi hương tuyệt hảo, những trận mưa tràng hoa và lọng báu, cờ chiến thắng, tràng phan, với đủ thứ trang trí kỳ diệu cho những lâu đài thần tiên. Tương tự, hãy tưởng tượng cúng dường bằng đèn và những trận mưa hương, đồ ăn uống và giải khát với màu sắc mùi vị tuyệt hảo, cùng những thứ y phục lụa là láng mịn thơm tho.

Những đồ cúng dường do tâm tạo khác nữa là những điệu nhạc du dương êm dịu của đàn, sáo, trống lớn, trống nhỏ, chiêng, công, xập xỏa, chuông, và những tiếng ca mê ly ở cõi trời cõi người. Hoặc chỉ cần nghe ca ngợi Ba ngôi báu và quán tưởng một trong những lợi ích của sự nghe ấy cũng lợi ích hơn cả số lượng hạt bụi trong ngàn triệu núi Tu di bột trầm. Sự cúng dường ấy cũng được mô tả trong kinh Mây châu ngọc.

Cúng dường bằng thiên định

Loại cúng dường thứ hai gồm hai cách:

1. Cúng dường bằng cách quán tưởng, và
2. Cúng dường tối thượng.

Cách thứ nhất là sự Cúng dường gồm bảy thành phần là:

- a. Lễ kính
- b. Phẩm vật đẹp ý
- c. Sám hối tội lỗi
- d. Vui theo công đức
- e. Thỉnh Phật chuyển Pháp luân
- f. Khấn cầu Phật ở đời
- g. Hồi hướng công đức cho người khác.

(a). *Lễ kính chư Phật gồm sự lễ bái bằng thân cũng như lời.* Lễ bái bằng thân được tả trong ba bài kệ đầu của Hạnh nguyện Phổ hiền, nói rõ đối tượng chú ý, ý nghĩa của thân cúng dường, và cách thức lễ kính. Cùng một đề tài ấy được nói trong kinh Ba tụ như sau:

"Khi gối trái chạm đất...gối phải chạm đất...tay phải đặt xuống đất...hãy khởi lên ý tưởng: Mong cho tất cả chúng sinh ở phương này ở lại trong chính đạo..."

Khi tay trái và đầu chạm đất cũng thế. Kinh cũng nói đến sự hồi hướng công đức lễ kính ấy như sau:

"Khi sụp lạy năm vóc sát đất, mong cho năm chướng ngại của tất cả hữu tình được tịnh hóa. Mong họ lọc sạch năm mắt, năm giác quan họ được toàn hảo. Mong cho họ ở trong Năm thừa, đạt năm thắng trí. Mong cho tất cả chúng sinh trong Năm đường vượt lên khỏi năm đường, đạt đến Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Mong

cho họ thấy được Phật, nghe Pháp và gia nhập Tăng đoàn."

Sự kính lễ bằng lời được làm đồng lúc với thân lễ, tụng những bài tán như Ca tụng Ba ngôi báu hay bất cứ bài nào hành giả ưa chuộng.

b. *Cúng dường bằng phẩm vật đẹp ý đã được trình bày.*

c. Về sự cúng dường bằng Sám hối tội lỗi, người ta có thể tham cứu những bản văn như Ánh Hoàng Kim, hay Sám Hối Lỗi Lầm, kinh Ba Tụ, hay Tịnh Trì Nghiệp Chương.

Aksayamati chứng minh rằng chính sự sám hối tội lỗi cũng là một cách cúng dường:

"Ngay cả sự sám hối tội lỗi của bản thân con và của những người khác cũng chuyển thành công đức."

d. *Vui theo công đức (tùy hỉ) cũng là cúng dường, được minh xác bằng những đoạn kinh văn trong đó ta thấy (e) Thỉnh Phật chuyển Pháp luân, (f) Khẩn cầu Phật ở đời lâu, và (g) Hồi hướng công đức, tất cả đều được xem như sự Cúng dường.*

Sự Cúng dường tối thượng có hai phần: có đối tượng và không.

Về sự Cúng dường có đối tượng, kinh Phạm thiên thỉnh vấn nói:

"Này Phạm thiên, có ba điều tối thượng nên theo, ba điều này là cách cúng dường Như lai thù thắng nhất. Đó là Phát tâm cầu giác ngộ, hiểu rõ thánh Pháp, và khởi tâm thương xót các hữu tình."

Và kinh Tăng dần nói:

"Bạch Thế tôn, Bồ tát cúng dường Như lai là người tìm kiếm bốn công đức chắc chắn. Bốn công đức ấy là gì? Một là đức tin vào đối tượng thù thắng của sự cung kính; hai là hữu tình khác khi thấy bồ tát cúng dường sẽ làm theo; ba là do cúng dường Như lai mà tâm mong cầu giác ngộ nơi bồ tát sẽ được kiên cố; bốn là do thấy 32 tướng bậc đại nhân, bồ tát sẽ có được các căn lành."

Và trong một kinh khác, Dòng sông Brine, đức Thế tôn nói:

"Đem niềm vui đến cho hữu tình cũng là một hình thức cúng dường tối thượng."

Luận sư Santideva nói:

"Khi người khác được hạnh phúc, bậc đại hiền vui mừng. Khi người khác sầu khổ, bậc hiền cũng sầu khổ. Khi mọi người được vừa lòng, tất cả hiền thánh hoan hỉ. Làm hại người khác cũng là làm hại bậc thánh hiền."

Ngài lại thêm:

Bởi thế, vì muốn vui lòng chư Phật

Tôi đi làm tôi mọi cho thế nhân
Để cho chúng đặt chân trên đầu
Hay chém giết cũng không sao -
Miễn làm cho Thế tôn đẹp ý.
Cả thế gian này đã thuộc về chư Phật
Thì chúng sinh cũng là Phật trá hình
Thế sao ta lại không tôn trọng ?
Tôn trọng chúng sinh
Chính là làm hài lòng chư Phật.

Ngài cũng nói trong một bản Luận khác, Yếu chỉ của sự tu hành:

Cúng dường với ý niệm từ bi
Làm nên sự vĩ đại của chúng sinh
Công đức do lòng tin Phật
Làm nên tính vĩ đại của Phật.

Hoặc trong Tiến trình tu tập:

Không có cách nào làm hài lòng chư Phật
Ngoài ra là thương xót chúng hữu tình.

Toàn thể đề tài này được giải thích cặn kẽ trong bản Luận ấy, cần nên tham khảo.

Về sự cúng dường không đối tượng :

Đấy là thiền quán bằng Tuệ viên mãn (bát nhã ba la mật.) Trong trường hợp này không có đối tượng của sự cúng dường hay người cúng, hay thực chất để cúng dường. Bởi thế kinh Bát nhã ba la mật nói:

"Ai thấy ta qua một hình tướng, nghe ta qua một âm thanh, kẻ ấy thấy ta một cách sai lạc. Kẻ ấy không thấy ta. Chư Phật là Pháp thân hay thân Chân lý, người nào được hướng dẫn thì đã học chân lý ấy, nhưng bản chất thực của nó không thể thấy được. Không ai có thể ý thức về nó như một đối tượng."

Chương nói về Thường khốc cần nên tham khảo, ở đây đề tài này được giảng rõ. Và trong kinh Sư tử rống có đoạn:

"Ta có khái niệm về Phật, nhưng không thấy ngài, thì làm sao nói đến chuyện cúng dường ngài. Vậy cúng dường Phật có nghĩa gì? Nó có nghĩa là cúng dường mà không sinh khởi dấu hiệu nào về một tư tưởng, khái niệm. Sự cúng dường Như lai là cúng dường không tâm, không có những sản phẩm của tâm, không có những khái niệm về Phật, về Tăng, về Người hay Tự Ngã hay Kẻ Khác."

Cần tham khảo chính bản kinh ấy để biết ý nghĩa đầy đủ.

Ta cũng có thể trích dẫn bậc thánh Vô trước :

"Đức Thế tôn không hài lòng với sự cúng dường phẩm vật cho bằng với sự cúng dường bằng thiền định."

Về thân Phật là Pháp thân, là thân Chân lý, thì một chương trong luận Những tràng hoa của Phật nói:

Chư Phật là pháp thân;
Đức Như lai không hiện hữu,
Ngài thuần tịnh như Hư không.

Và kinh Kho tàng thiên giới nói:

"Nếu không thể tìm thấy thực thể cốt yếu làm nên đức Thế tôn, thì đâu sẽ là cơ sở khách quan để nhìn ngài như một hình thể có các đặc tướng?"

Như đại luận sư Long Thụ đã nói:

Mọi sự vật vì không có hiện hữu tự nội
Nên có gì để ngợi khen, và ai khen?
Không sinh, không diệt,
Không giữa, không các cực đoan
Chủ thể và đối tượng không chỗ đứng-
Ngay nơi ấy, toàn thể khả năng để tán dương.

Vậy, đấy là những loại cúng dường khác nhau, mà những bồ tát có khả năng cùn nhụt hay linh mãnh cần học những gì thích hợp cho mình.

Trái tim của Giác ngộ

Bây giờ ta hãy quay về với bản văn gốc, và hai câu trong bài kệ 8 của Đền soi nẻo giác :

Và với tâm chí không thối chuyển

Cho đến khi đạt được tâm Giác ngộ

Theo nghĩa thông thường, Trái tim của giác ngộ này là trí giác Vô thượng bồ đề, chỗ ngồi quang vinh Kim cương tòa; hay chỗ gọi là Sắc cứu cánh (Akanistha), thiên đường nói trong kinh Đại trang nghiêm. Cả hai nơi này đều gọi là trái tim hay tâm điểm, vì tại đây đức Thế tôn đã đạt đến Định vững chắc như kim cương (kim cang đại định). Nhưng theo nghĩa chân chính nhất, thì nơi ngài đắc định ấy không nên gọi là tâm điểm, vì kỳ thực trái tim của giác ngộ chính là tinh chất của Pháp hay chân lý. Kinh Đại trang nghiêm nói :

Trái tim của giác ngộ là Không gian

Giác ngộ có đặc tính của không gian.

Không lùi bước (bất thối)

Những từ và với một tâm không lùi bước ám chỉ sự kiên trì của một bồ tát không thối lui trước mục tiêu giác ngộ. Có ba lối giải thích điều này: (1) Bồ tát không lùi bước sau khi đạt đến đạo lộ Thực hành (Gia hạnh vị); (2) Không lùi bước sau khi thấy được chân lý (Kiến đạo vị); (3) Không lùi bước

sau khi đạt đến địa thứ tám trong 10 địa của bồ tát. Có thể khảo sát ý nghĩa đầy đủ về vấn đề này trong Trang Hoàng cho Thực Chứng: Luận về Trí tuệ rốt ráo.

Hoặc cũng có thể có nghĩa là bồ tát không lùi bước sau khi đạt đến các đạo lộ thuộc thế gian; hoặc sau khi thấy chân lý; hoặc sau địa vị thứ bảy trong 10 địa bồ tát. Về lối giải thích này, xem tác phẩm luận sư Jnànakirti nhan đề Nhân của vinh quang: Luận về Tiến trình đạt đến Chân như.

Về sự không lùi bước, còn một cách chia khác gồm bốn: (1) Không lui bước sau khi Phát tâm bồ đề; (2) Không lui bước trong bí mật (CT. *Tạng ngữ: gsang-ste phyir-mo-ldog-pa, được truyền thống các Lạt ma giải thích là ngang Sơ địa Bồ tát; nhưng ý nghĩa của từ trong bí mật hay riêng tư, thì đã thất truyền.*) (3) Không lui bước sau khi đạt đến Nhẫn vị (trong 4 vị là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất) - nghĩa là do thấy các pháp vốn không sinh (nên có thể chịu đựng tối đa.) (4) (thiếu trong nguyên văn) (Do sơ suất của người chép; cần hiểu là địa thứ 7 hoặc 8 trong 10 địa bồ tát.)

Quy y

Câu Trước hết hãy ba lần đánh lễ quy y (kệ 9) có nghĩa phải quy y ba lần trước mỗi ngôi báu trong ba ngôi. Ở đây tôi sẽ tóm tắt những đề tài khi nói đến quy y: (1) Sự hài lòng, (2) Giới tử, (3) ý định, (4), Thời gian, (5) Huấn luyện, (6) Khuynh hướng tính tình, (7)Tiêu chuẩn, (8) Phương pháp, (9)

Những hành vi, (10) Phân loại, (11) Giải thích, (12) Ví dụ, (13) Hình phạt, (14) Những nhu yếu, (15) lợi lạc. Bây giờ tôi sẽ nói đến vấn đề quy y.

Giới tử Đại thừa

Một số người sống không lỗi về giới hạnh của một trong bảy hàng ngũ của Biệt giải thoát giới. Đó là những người quay về Tam bảo do thấy khổ sinh tử. Họ luôn luôn nhớ nghĩ đến cái chết. Và tự bản chất, họ có được Trí tuệ lớn và tâm Đại bi. Nếu là gia chủ còn ở đời, thì họ có Giới Ưu bà tắc gồm 5 giới và 45 hành pháp thích hợp cho họ. Nếu là người xuất gia thì họ có cách tu tập riêng, ví dụ những điều được giải thích trong Cấp bực Thanh văn: Những trang hoàng cho Giới hạnh, và Những đặc tính của sự tịnh hóa, Bốn tài nguyên (ăn mặc ở bệnh) và Bốn hình thái của sự sống (đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực và thiền duyệt thực), vân vân. Họ cũng có những nghi lễ tốt nhất, những con đường tu tập, các chính mạng, (chính) giới và (chính) kiến. Lại nữa, lối sống của họ gồm có tinh tấn trong thiền định và tỉnh giác đầu đêm cuối đêm, biết đủ với thực phẩm và chế ngự các giác quan, biết sợ hãi đối với cả đến sự vi phạm nhỏ nhất (đối với giới luật.)

Bây giờ, giả sử một người như vậy, sau khi nghĩ kỹ, tự nhủ: "Nếu bằng tất cả kỹ luật Biệt giải thoát này mà tôi vẫn không tìm được lợi ích cho bản thân và cho người khác, thì thực sự tôi phải làm sao? Pháp gọi là Đại thừa vốn nổi tiếng

là thành tựu cả tự lợi và lợi tha, vậy tôi sẽ tìm pháp ấy từ một bậc Bạn lành." Rồi người ấy nỗ lực một thời gian dài để làm vừa lòng đẹp ý một bậc thánh thiện xứng đáng làm bậc thầy mình. Khi đã có được một bậc thầy như thế, với tâm chân thành người ấy đặt đầu mình chạm chân bậc thầy mà nói:

"Hỡi người thánh thiện, xin thương xót con. Con khẩn cầu thầy giảng cho con nghe về đạo Đại thừa, phương tiện để hoàn tất lợi lạc cho bản thân con và cho người khác."

Chuẩn bị nơi chốn (làm lễ)

Khi ấy bậc thầy (Bạn lành) xét tư cách của đệ tử theo ba cách: tập quán, chiêm bao, và những cảm hứng của y đối với những vị thần thuộc phạm vi thế gian và xuất thế. Nếu xét thấy đệ tử là một pháp khí thích hợp, bậc thầy sẽ mỉm cười hoan hỉ. Không nghĩ đến danh tiếng lợi lộc, mà chỉ vì lòng thương tưởng đệ tử, vị thầy đi sửa soạn một nơi chốn để làm lễ. Chỗ ấy cần phải dễ chịu, bảo đảm, một vùng biệt lập, xa con mắt những kẻ tội lỗi. Ông dùng năm vật liệu lấy từ con bò mà lót và đánh bóng để làm sạch chỗ ấy. Rồi ông phải rưới nước thơm (trầm, v.v.) và rải hoa thơm lên. Ông phải tôn trí tượng tranh về Ba ngôi báu ở chỗ ấy, cùng những sách nhỏ và đồ đạc của ông đặt trên một cái kệ hay tòa ngồi của Bồ tát, trên có lọng che, và xử dụng bất cứ đồ thờ cúng nào mà ông có, như hoa, thực phẩm, đồ trang trí, và đủ loại âm nhạc.

Lễ cầu Giới

Khi làm xong những điều nói trên, người đệ tử phải tắm rửa sạch sẽ, thay y phục sạch, rồi cung thỉnh bậc thầy (Bà lành) an tọa trên tòa cao trang hoàng bằng bông hoa. Người đệ tử ấy phải quán tưởng thầy như Phật, đấng đạo sư, và tự nhủ: Thầy là Người che chở, là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh. Với lòng thành, đệ tử nói:

"Kính bạch thầy, xin gia tâm mà nghe con đây. Trong vòng luân hồi từ vô thủy kiếp, con đã bị nhiều khổ đau xâu xé, làm con kiệt sức. Con không có một bậc thầy, không người che chở, không chỗ tựa nương."

Lặp lại ba lần như trên. Khi ấy bậc thầy tuyên bố:

"Này thiện nam, người đã khốn đốn mệt mỏi vì sinh tử luân hồi, người nay muốn đi vào đạo Đại thừa là đúng lắm. Bây giờ người sẽ học đạo ấy. Bởi vì Ba ngôi báu có thể làm bậc thầy, làm người che chở, làm chỗ nương tựa cho những ai không có thầy, không người che chở, không chỗ tựa nương. Người hãy quy y Tam bảo với trí thuần tịnh và tâm vui mừng. Hãy lấy sự an vui của tất cả chúng sinh làm mục đích của người. Hãy tom góp bất cứ phẩm vật nào mà người có, để chứng tỏ lòng cung kính cúng dường của người đối với Ba ngôi báu."

Khi ấy người đệ tử quỳ gối chấp tay và dâng một cái hoa rồi lặp lại ba lần như sau:

Xin bậc thầy thương xót nghĩ:
Từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay
Con đã lang thang trong vòng sinh tử
Rất mệt mỏi vì nỗi khổ đau.
Con xin Thầy giảng dạy cho con
Con đường chấm dứt tất cả khổ.

Khi ấy bậc thầy quán tưởng Ba ngôi báu trong các cõi nước khắp vũ trụ và quán tưởng mình biến thành vô số thân để đánh lễ Tam Bảo. Mỗi thân có vô số đầu, bậc thầy dùng những cái lưỡi trong vô số đầu ấy để ca tụng Tam bảo. Sau khi đã cử hành sự cầu nguyện gồm bảy phần như trên, lễ quy y Tam bảo được trao truyền.

Tu tập sau khi quy y

Sau khi quy y không được làm lễ những trời thần khác; không làm tổn hại kẻ khác; không giao thiệp với người ngoại giáo hay bày tỏ lòng kính tín đối với họ.

Ý thức rõ những đức tính siêu việt của ba ngôi báu, người ấy lập lại sự quy y nhiều lần. Ý thức rõ lòng từ bi rộng lớn của Tam bảo, người ấy luôn luôn nhiệt tình lễ bái, mỗi khi ăn khi uống đều cúng dường Tam bảo trước. Ý thức về tâm đại bi, người ấy phổ biến sự quy y trong tất cả hữu tình.

Mỗi khi người đệ tử cần làm việc gì, vị ấy làm lễ khẩn cầu ba ngôi báu, từ bỏ tất cả phương tiện khác của thế gian.

Những lợi lạc đến từ ba ngôi báu là: (1) vào thời gian gieo nhân; (2) Vào thời gian hành đạo; (3) vào thời gian kết quả. Vào thời gian gieo nhân là những lợi lạc trong đời sống hiện tại; hai mục kia cần được học từ một bậc thầy.

(CT 1) Vào thời gian gieo nhân: nghĩa là, trong đời hiện tại và trong các đời tái sinh về sau, sự quy y làm cho người ta thoát khỏi Tám Nỗi Sợ Hãi lớn và làm bạn với ngàn vị trời hoan hỷ trong giáo lý Phật, những vị trời không làm quấy. Vào lúc chết người ta được tâm hoan hỷ .v.v.. Trong các đời tái sinh khác, sự quy y dắt dẫn ta ra khỏi khổ sinh tử luân hồi và thoát khỏi khổ của các đọa xứ, lại còn đem lại niềm vui của những tái sinh thù thắng và Niết Bàn.

2) Vào thời gian hành đạo, sự quy y đem lại việc thực hành con đường Tám Chính và Bảy Chi Phần Giác Ngộ .v.v...

3) Vào thời gian kết quả: người ta đạt đến hai Niết Bàn - còn thân và không thân- và Ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.)

Chương 2

Phát tâm Bồ đề

Sau khi chỉ dẫn cách quy y đặc biệt trong đại thừa, tôi nói đến đề tài Phát Tâm Bồ Đề trong 23 bài kệ sau, khởi đầu bằng:

Rồi vì điều kiện tiên quyết

Là tâm từ đối với tất cả hữu tình (kệ 10)

Rồi có nghĩa là người ta sau khi đã quy y. Tất cả hữu tình có nghĩa là đối tượng của sự phát tâm không có giới hạn. Như kinh dạy:

"Nếu tất cả cõi đất khắp vũ trụ đều biến thành nước, và một người dùng một cọng tóc nhúng vào nước ấy trải qua hàng trăm ngàn năm, thì nước có thể với bớt phần nào; nhưng số lượng các hữu tình thì không giảm bớt."

Và trong kinh Phổ Hiền Nguyên Vương cũng nói:

"Giới hạn của chúng hữu tình cũng bao la như giới hạn của không gian."

Khi một người xem tất cả chúng sinh trong giới hạn ấy là đối tượng của mình, thì vị ấy có thể phát tâm Bồ đề.

Tâm Từ

Vì điều kiện tiên quyết là tâm từ ám chỉ sự xem tất cả chúng sinh như mẹ mình (*) - từ đấy khởi lên ý tưởng đền đáp lòng thương của họ: đấy là tâm Từ. Rồi từ tâm Từ ấy phát sinh tâm Bi, và từ tâm Bi, tâm Bồ Đề xuất hiện. Đó là lý do tôi nói tâm Từ là điều kiện tiên quyết. Bảy dòng sau đó cũng theo một đề tài này.

(* CT. mar 'du-sheś. Câu này có hai nghĩa; một là xử với người khác như mẹ đối xử với con, hai là công nhận trong vòng luân hồi từ vô thủy, tất cả chúng sinh đều đã làm mẹ mình. Phương pháp phát triển tâm bi mà Atisha trình bày, trở thành một pháp luyện tâm rất phổ thông gọi là Chỉ giáo về bảy bước nhân quả. Từ bốn bước của Atisha, Tsong-kha-pa và những người sau đã thêm thành bảy: 1. Xem như Mẹ, 2. Nhớ đến tình thương của mẹ, 3. Đền đáp tình thương ấy, 4. Tâm từ, 5. Tâm đại bi, 6. Tâm vị tha, 7, Tâm bồ đề)

Nghi thức phát tâm

Phải phát khởi tâm Bồ Đề này có nghĩa sau khi quy y Tam bảo và hiến dâng những gì mình có thể, để cúng dường ba ngôi báu và bậc thầy (Bạn lành), người ta sẽ làm một mandala trước mặt bậc thầy. Bằng tâm nguyện thành khẩn vị ấy suy nghĩ :

Bậc thầy cũng như Phật đang ngồi trước mặt tôi. Tôi cũng sẽ hoàn tất mọi hành vi vĩ đại của tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

Quy cả hai gối và dâng một cành hoa, hai tay chắp lại, giới tử nói ba lần:

Hỡi đáng Biến Tri, mẫu mực của trí tuệ,
Người tịnh hóa bánh xe sinh tử,
Con không có nơi chốn nào để nương tựa,
Ngoại ra dưới chân thầy, như hoa sen
Hỡi bậc anh hùng của loài hữu tình,
Xin bậc Đại Hiền gia tâm thương xót con !
Xin đáng thánh ban cho con
Tâm Bồ Đề tối cao, thù thắng !

Khi ấy bậc thầy triệu thỉnh tất cả chư Phật Thế Tôn trong mười phương vũ trụ đến làm chứng, cũng như thỉnh cầu tất cả chư Bồ tát ở địa vị cao và các bậc Bậc lành trong quá khứ và hiện tại. Đối trước những vị này, giới tử thanh lọc dòng tâm thức bằng nghi lễ nói trong kinh Thiện Hành và kinh Tiến Trình Bồ Tát hạnh. Khi người đệ tử đã hoàn toàn tịnh hóa được dòng tâm thức, vị ấy lại cầm hoa khấn cầu bậc thầy. Không nghĩ đến lợi lộc, danh tiếng, sự tán dương hay quà tặng của người đệ tử, vị thầy nghĩ: "Thật là kỳ diệu, vào thời đại khủng khiếp này lại có một chúng sinh thánh thiện như thế. Kỳ diệu thay !"

Đây là cách cử hành lễ phát tâm Bồ Đề với một ý hướng cao cả.

Giải thích tâm Bồ Đề

Những bậc thầy ngày xưa trong xứ tôi như Long Thọ, Đề Bà, Vô Trước, ... và những vị khác có những lối giải thích khác nhau về tâm Bồ Đề. Quan điểm của họ bất đồng về những điểm: 1/ Về bản thân Tâm bồ đề 2/ Về nghi thức phát Tâm Bồ đề 3/ Về những phương pháp phát triển tâm Bồ Đề 4/Về phương pháp tu tập tâm Bồ đề.

1. Về điểm đầu tiên, một vài bậc thầy cho rằng tâm bồ đề là Tâm Nguyên bồ đề được nuôi dưỡng trong các đạo lộ thuộc thế gian, khi một người tu tập bằng đức tin. Những bậc thầy khác bảo rằng Tâm Nguyên bồ đề là tâm Bồ đề khi nó tùy thuộc vào một đối tượng (chúng sinh), và tâm nguyện ấy thuộc tục đế (chân lý tương đối). Một số bậc thầy lại cho rằng Tâm Nguyên bồ đề là bồ đề tâm khi nó phát sinh những đức tính căn bản tương đương với "Những trợ duyên cho Giải thoát" (Giải thoát phần) thuộc đạo lộ Hành trang (Tư lương vị). Có những bậc thầy lại cho rằng Tâm và Nguyên thực thi công đức, chính là tâm bồ đề. Một số khác cho rằng chỉ cần lập Nguyên lấy Toàn Giác làm mục tiêu của mình, đã là bồ đề tâm, như sự khác nhau giữa muốn đi và thực sự đi. Ngoài ra còn nhiều quan điểm khác không thể kể hết.

2. Về những nghi thức khác nhau để phát tâm bồ đề, nên tham khảo những bản văn của các học giả nói trên.

3. Về những phương pháp tăng trưởng tâm bồ đề, một số người cho rằng bồ đề tâm tăng trưởng nhờ phát tâm trước một người; một số khác nói rằng chỉ có thể tăng trưởng tâm bồ đề trước một đức Phật; những người khác cho rằng tâm Bồ đề tăng trưởng nhờ thực hành bốn sắc thái của tâm đại bi: xem hữu tình như mẹ, trả ơn, tâm đại bi, tâm bồ đề.

4. Về phương pháp huấn luyện tâm bồ đề, có khác nhau tùy theo năm hạng bồ tát:

- a. Những người mới phát tâm
- b. Những người ở đạo lộ thực hành (gia hạnh vị)
- c. Những bậc bồ tát bất thối
- d. Những bậc bồ tát đã đạt đến vô sinh nhẫn, vì thấy rằng các pháp tự bản chất vốn không sinh;
- e. Bồ tát chỉ còn một lần tái sinh (nhất sinh bổ xứ)

Một số luận sư cho rằng sự tu tập chỉ cần cho hai hạng đầu tiên. Một số nói rằng những gì giảng trong các kinh đều phải được tuân hành. Một số người nói rằng chỉ có đạo lộ Tư Lương mới cần sự tu tập. Những người khác cho rằng những tu tập này không cần phải tuân theo, cũng không cần theo bất cứ sự tu luyện nào. Lại có những người cho rằng chỉ có tu luyện chính thức dành cho hạng người đã quy y mới cần tuân theo, đó là những chỉ giáo được tìm thấy trong các kinh điển

như: kinh Hoa Nghiêm v.v...Nhưng tám giáo lý về sự quên hay không quên tâm bồ đề trong kinh Ca Diếp hỏi là cần phải ghi nhớ.

Đây chỉ là một vài ví dụ về những điểm khác nhau. Nếu phải ghi lại tất cả những chủ trương của các học giả vĩ đại trong thời quá khứ, thì sách này sẽ quá lớn. Những đại luận sư này là những con người lỗi lạc của Đại thừa, được chuyển hóa bởi tâm đại từ bi, tâm các ngài đã vững chắc về cả hai phương diện Nguyên và Hạnh của tâm bồ đề. Một vài vị đã đạt đến năng lực Đại thủ ấn. (*CT trang sau)

Một vài vị đã thấy chân lý một cách trực tiếp. Còn có những người đã thành bậc đạo đức thù thắng nhất đời**.

Họ đã nhận chỉ giáo từ các hóa thân Phật. Ta phải nhớ rằng những con người này đại diện cho chính Con đường Lớn, vì những lối họ giải thích kinh cũng là những điều mà chính đức Phật đã tuyên bố. Tuy thế, theo các thầy tôi, thì ta nên theo hệ thống nào mà chính bậc thầy mình đã chỉ dạy.

Ít nhất không có khác biệt nào trong quan điểm về phương pháp hay Nghi thức phát tâm bồ đề. Các luận sư Long Thụ, Vô Trước và Santideva đều nhất trí. Và các thầy tôi là thượng tọa Trí hiền và Suvarnadīpa, những bậc hiền trí đương thời, cũng theo hệ thống của họ. Đến lượt tôi cũng theo các bậc thầy để soạn một nghi thức nhỏ cho nhóm đệ tử tôi; bởi thế sự trình bày của tôi chẳng qua là của Long Thụ, Vô Trước và Santideva. Có thể tóm tắt như sau.

(** CT. phyag-rgya chen-po. Đây là một phần của pháp gia trì về hai loại mật điển Du già và Tối thượng Du già, để có những năng lực thần thông -dngos-grub/siddhi - được nói trong chương cuối bản luận giải của Atisha.*)

(***Thế đệ nhất: bực đạo đức thù thắng nhất đời, sắp sửa bước qua kinh nghiệm thân chứng Bốn chân lý trong lộ trình Thấy đạo - kiến đạo vị.*)

Dẫn nhập Phát tâm Bồ đề

Có hai điều tiên quyết có thể xem như việc tưới nước cho Cây Ước bồ đề tâm:

- (1) thanh lọc tâm
- (2) dâng hiến lễ vật

Sự dâng hiến lễ vật cần làm theo như nói trong kinh Thời hoàng kim và Tâm Đại Bi (289a) Sự thanh lọc tâm là những điều tôi đã đề cập trong Những đại nguyện Phổ Hiền và có thể thực hành với phương pháp nói trong Tiến trình hành đạo Bồ tát. Rồi, dùng nghi thức của Vô Trước hay Santideva, sau khi đào luyện Bốn tâm vô lượng làm điều kiện tiên quyết, hãy phát khởi tâm bồ đề. Đây là con đường của những Cỗ xe lớn, và là truyền thống tâm linh của hạng Người thù thắng, được truyền xuống qua những bậc thầy.

Ca tụng tâm bồ đề

Gì là điểm độc nhất vô nhị của Tâm bồ đề khi nó khởi lên trong dòng tâm thức của người đệ tử phát tâm ? Đức Thế tôn đã trả lời câu hỏi ấy trong đoạn kinh Aksayamati khải thỉnh (Tâm bất hoại):

"Bấy giờ Aksayamati hỏi: Thưa thượng tọa Xá lợi phất, tâm bồ đề ngay khi bồ tát mới phát khởi đã là bất hoại. Vì sao thế ? Vì nó trong suốt. Nó khởi lên không do ảnh hưởng của dục vọng. Nó khởi lên với sự bao dung, vì không màng đến những cỗ xe khác. Nó khởi lên với sự quyết định, vì không ưa tranh cãi với những kẻ chống đối. Nó không thể bị bất cứ Ác ma nào tấn công".

Tâm bồ đề là rắn chắc, bởi nó toàn chủ động mọi góc rẽ của đức hạnh. Nó trường cửu, vì biết rõ tất cả pháp hữu vi đều vô thường. Nó khởi lên không ngần ngại, vì bao hàm một cách chính xác tất cả giáo lý của Phật. Nó không phiền não, vì không sử dụng những năng lực tà ngụy. Nó khởi lên liên tục, vì không ai lay chuyển nổi.

Tâm ấy vô song, vì không có gì tương tự. Nó như kim cương vì cắt đứt mọi giả tướng. Nó vô biên, vì chứa vô lượng công đức. Nó khởi lên với tình yêu bình đẳng hướng đến tất cả hữu tình. Nó hoàn toàn thanh tịnh, vì tuyệt đối không nhiễm ô. Nó vô cấu, vì có ánh sáng tuệ trong suốt. Nó khởi lên với niềm xác tín lớn lao, vì không bỏ ý hướng thù thắng. Nó lan trải rất xa, vì giống như không gian. Nó vươn lên thật lớn, vì phạm vi của nó là tất cả hữu tình.

"Tâm bồ đề vươn lên không chướng ngại, vì nó hướng đến trí vô dục. Nó phục vụ tất cả vì lòng bi mẫn lớn, bền. Nó phát khởi liên tục vì biết rõ giá trị của Hồi hướng công đức. Vì tâm bồ đề được đấng Biến tri giảng dạy, nên nó là điều kiện tiên quyết. Tâm bồ đề đáng được học, vì không có trong các cỗ xe khác, ở đây dù có chúng sinh nào muốn tìm học tâm bồ đề cũng không tìm được.

Tâm bồ đề này khi phát khởi thì được trang hoàng bằng hành trang công đức. Nó phát khởi với thực chứng, do hành trang trí tuệ. Nó là hạt giống của tất cả đức hạnh Phật. Nó không bị tan vỡ vì bất cứ hiện tượng nào. Nó là nhà ở của mọi phúc lạc.

Tâm bồ đề khi phát khởi là đã tích lũy hành trang Bồ thí. Nó phát khởi với quyết định mãnh liệt do hành trang Giới hạnh. Nó phát khởi trong niềm cung kính vì được trang bị với hành trang Nhẫn nhục. Nó phát khởi thì vô địch do hành trang Tinh tấn. Nó phát khởi với những đặc tướng của tịnh chỉ do hành trang Thiền định. Nó phát khởi không bị chướng ngại do hành trang Tuệ giác.

Vì đã tích tụ đại Từ, nên tâm bồ đề phát khởi không có ác ý. Vì đã tích tụ đại Bi, nên tâm bồ đề phát khởi với những gốc rễ vững chắc. Vì đã tích tụ đại Hỷ, nên tâm bồ đề trú trong hỉ lạc và niềm vui tối thượng. Trong đại Xả, tâm bồ đề không bị giao động vì khổ hay vui.

Tâm bồ đề được gia trì bởi sự gia trì của Phật. Phương pháp của nó vững bền, vì những hàng ngũ tín đồ của Ba ngôi

báo không bao giờ đứt đoạn. Khi Tâm bồ đề phát khởi thì tất cả chúng hội chư Phật mười phương đều ca ngợi Lành thay.

Thưa tôn giả Xá lợi phất, có thể nào một cái tâm của đấng Biến tri như vậy sẽ bị hủy diệt không ?

Xá lợi phất đáp: Thiện nam tử, không thể được. Cho rằng một tâm như vậy hủy diệt thì cũng như nói hư không có thể hủy diệt.

Khi ấy Aksayamati nói: Thưa thượng tọa Xá lợi phất, đúng thế. Tâm của đấng Biến tri là bất diệt, và vì tâm bồ đề của một bồ tát là căn bản của Phật tâm, cho nên tâm bồ đề cũng bất diệt. (Ot. 842)

Kinh ấy còn nói:

"Tâm nguyện bồ đề là chân thật, vì nó không phải giả tạo. Nó không giả tạo vì không lay chuyển; không lay chuyển vì thấu hiểu toàn diện, thấu hiểu toàn diện vì không lừa đảo, không lừa đảo vì chân thật, chân thật vì thuần tịnh, thuần tịnh vì trong sáng, trong sáng vì không che giấu".

Kinh này tiếp tục theo kiểu ấy, đáng nên học.

Như thế là tính chất độc nhất vô nhị của Tâm bồ đề trong đạo Đại thừa, cái tâm thù thắng nhất trong cả thế gian, cái tâm không bỏ một chúng sinh nào. Đây là Tâm mà chư bồ tát ở địa vị cao đã làm cho trong sạch, là Tâm làm cho bồ tát thành Bồ tát. Các ngài che chở, giữ gìn nó không gián đoạn, làm nó tăng trưởng qua các Địa vị. Và chính vì đây là Tâm

của chư Phật, nên vị bồ tát nào phát khởi tâm bồ đề thì từ lúc ấy trở đi mãi mãi được sự che chở hộ trì của những vị trời hoan hỉ trong nền Giáo lý này. Vào giờ chết, vị ấy vui vẻ, được chư thần bảo vệ qua cõi Trung ấm và trong thai mẹ cùng suốt thuở ấu thơ. Mọi công hạnh căn bản của bồ tát tiếp nối qua đời sau, và tâm thức của vị ấy vẫn duy trì dòng công đức.

Và Luận sư Santideva nói trong Tiến trình hành đạo:

Tất cả công đức khác giống như cây chuối
Khi trở quả thì khởi sự úa tàn
Nhưng cây Bồ đề tâm thì tăng trưởng
Ngày càng thêm lớn, quả nó không bao giờ tàn.

Bởi thế, vì Tâm bồ đề bất diệt, nên tất cả công đức của nó tăng trưởng trong các Đạo lộ thuộc thế gian và Siêu thế, và quả của các công đức ấy không diệt mất ở Phật địa.

Tâm nguyện bồ đề (Bồ đề nguyện)

Những đặc tính

Ở điểm này, sau khi mô tả loại Tâm khởi lên, tôi muốn nói về những đức tính lợi lạc của nó, và đã viết:

Mọi đức tính liên hệ
Đến việc lập thế nguyện này (kệ 12)

Tôi ám chỉ những đức tính mà bồ tát Di lặc đã nói với Thiện tài trong kinh Hoa nghiêm:

"Thiện nam tử, tâm Bồ đề này như hạt giống của tất cả giáo lý chư Phật. Nó như ruộng, vì làm tăng trưởng các thiện hành của hữu tình. Như đất, vì toàn thể vũ trụ nương vào đó. Như thần tài (Vaisravana), vì nó phá hủy sự bần cùng. Như cha mẹ, vì che chở cho các bồ tát. Như viên ngọc ước, vì ban bố mọi sự tốt lành. Như một bình chứa tốt, sung mãn mọi ước nguyện. Như một cây lao nhọn, vì hàng phục tất cả kẻ thù là những hư hỏng thói nát. Như áo giáp, vì nó tránh được mọi ý hành bất cần. Như gươm bén, vì nó chặt đứt sự đòi truy. Như khí giới, vì nó bảo vệ người ta khỏi tái sinh. Nó như móc câu, vì móc người ta ra khỏi giòng sông sinh tử. Như cơn gió lốc, vì nó thổi tan những tấm màn ngăn che. Như phương châm, vì tóm thâu tất cả nguyện và hạnh của bồ tát. Như điện thờ đối với tất cả thế gian gồm cả trời, người, tu la. Thiện nam tử, đấy là những đức tính của Tâm bồ đề, và nó còn vô lượng đức tính khác nữa".

Cũng phù hợp với đoạn văn này, là những lời tôi trích trong các bài kệ 14-17 rút từ kinh Những nghi vấn của cư sĩ Viradatta, cần được xem xét ở đây.

Nghiên cứu kinh điển

Có nhiều kinh luận nói về những đức tính của tâm bồ đề, do các luận sư như Long Thụ và Sântideva trước tác, nhưng

tôi không trình bày ở đây vì sẽ quá dài. Muốn ghi nhận những nguồn tài liệu ấy, tôi đã viết:

Hãy đọc kinh này hoặc nghe thầy giảng
Và khi đã thấy được những lợi ích vô biên
Của tâm mong cầu giác ngộ
Thì bạn sẽ liên tục phát khởi tâm ấy. (kệ13)

Về câu Hãy đọc kinh này, tôi trích dẫn từ Toát yếu Tu tập của Santideva:

"Kinh tụng đề cập nhiều nhất đến những giới của Bồ tát tu tập, vừa nói đến những gì một bồ tát hành trì mà vừa kể ra những điều khoản của giới bồ tát. Bởi thế, hãy luôn luôn tôn trọng việc nghiên cứu kinh điển, vì nếu không, người ta sẽ phạm giới, và tiếp tục đi đến chỗ xả giới hoàn toàn".

Ngài cũng nói trong bản văn gốc của cuốn Toát yếu :

Nhờ không bao giờ rời Bạn lành
Và nhờ nghiên cứu kinh điển...
(Mà tâm bồ đề được duy trì.)

Và trong Tiến trình hành đạo, ngài nói:

Cần phải nghiên cứu kinh điển,
Và kinh Hư không tụng là kinh
Cần được tham cứu ngay từ đầu.
Sau đó, Toát yếu kinh điển

Do Long Thọ soạn,
Là tác phẩm cần tham khảo tiếp theo.

Nương tựa bậc Thầy

Do câu Nghe thầy giảng (kệ 13) tôi muốn nói hạng thầy làm nhân cho ta phát tâm bồ đề. Và nếu như vậy, thì vị ấy cũng là một Bậc Thầy trong dòng truyền thừa của Vô Trước (Asanga) và Santideva.

Bây giờ, trong kinh Hoa nghiêm, khi Thiện tài thắc mắc tại sao cần phải nương tựa một bậc thầy, Srisambhava (Thế Hữu?) nói:

"Thiện nam tử, bồ tát được Bạn lành khéo hướng dẫn thì không rơi vào các cõi xấu. Một bồ tát được sự chở che của Bạn lành thì tu tập không lỗi lầm. Nhờ Bạn lành làm động lực thúc đẩy mà bồ tát siêu việt thế gian này. Nhờ kính lễ bậc Bạn lành mà bồ tát kiên cố không quên pháp hành. Nhờ Bạn lành nuôi dưỡng mà bồ tát không thể bị ác hành xâm chiếm.

Chính bạn lành làm cho bồ tát mong muốn làm những việc cần làm. Bạn lành khiến cho bồ tát hết đứng dừng, và lôi bồ tát ra khỏi đô thị sinh tử. Bởi thế, này thiện nam tử, người phải luôn luôn bước đi với sự hiện diện của những bậc Bạn lành.

"Với tâm như đại địa, không lún xuống dưới sức nặng của vạn vật. Với tâm như kim cương, không thay đổi. Với tâm

như chó con, khó bị khiêu khích. Với tâm như rặng núi, không bị khổ làm lay động. Với tâm như tôỉ tở, không phàn nàn trong bất cứ công việc gì. Như người quét, quét sạch kiêu mạn; như toa xe chuyên chở những gánh nặng; như con thuyền đến và đi không biết mệt. Với tâm như đồng tử, luôn học hỏi gương mặt của Bạn lành. Với một tâm như vậy, hãy cung kính phụng sự bậc Bạn lành.

Thiện nam tử, người phải tự xem mình như người bệnh, Bạn lành như lương y, chỉ giáo của vị ấy như thuốc, và muốn chữa bệnh thì hãy ghi lòng tạc dạ những lời thầy khuyên".

Trong kinh Hoa nghiêm có đoạn tương tự, ở chương nói về tỳ kheo Sagamegha. Và trong kinh Những câu hỏi của Ugra, có đoạn:

"Này gia chủ, nếu một bồ tát đã được học đọc tụng một bài kệ bốn câu về Bồ thí, Giới, hoặc Nhẫn, Tinh tiến, Thiền định, hay Trí tuệ, hoặc về sự tích lũy hành trang cho Bồ tát đạo, thì bồ tát phải kính lễ pháp bằng cách cúng dường vị thầy mà từ vị ấy bồ tát lần đầu tiên được nghe, được học đọc tụng kệ ấy. Nhưng dù cho bồ tát có kính lễ, hầu hạ và cúng dường vị giáo thọ sư ấy trong nhiều kiếp số ngang với số danh tự và lời chữ trong bài kệ, thì sự lễ kính đối với bậc thầy ấy vẫn chưa xứng, hướng nữa là đối với Pháp".

Liên hệ đến sự nương tựa một bậc thầy, còn nhiều đoạn khác cần tham khảo trong Mật điển Pháp gia trì Kim cương thủ và chương về Sadaprarudita trong kinh Bát nhã, cũng như tấm gương trưởng giả Cấp cô độc.

Đức Asanga cao quý đã nói về sự nương tựa bậc thầy trong tác phẩm Bồ tát địa của ngài như sau :

"Có một số câu hỏi cần đặt ra về vấn đề này: (1) Những đức tính nào làm cho bồ tát trở thành Bạn lành ? (2) Những đức tính nào làm cho bồ tát làm Bạn lành một cách hữu hiệu? (3) Những đức tính nào làm cho bồ tát nổi bật như một nguồn cảm hứng khơi dậy niềm tin ? (4) Bồ tát làm những gì khi đóng vai Bạn lành ? (5) Gì là những đức tính của sự nương tựa bậc thầy ? (6) Người ta nên khởi tâm như thế nào khi lắng tai nghe Bạn lành nói Pháp ? (7) Những gì không nên nghĩ đến trong lúc lắng tai nghe pháp từ Bạn lành ?"

"(1) Một bồ tát có thể được nhận ra là Bạn lành, toàn hảo về mọi mặt, nếu vị ấy có tám đức tính: 1. Giữ giới Bồ tát không lỗi lầm. 2. Đa văn vì tâm trong sạch. 3. Có tâm rộng rãi, đã đạt được những đức hạnh có thể đạt nhờ tu quán. 4. Trái tim có lòng thương xót. Vị ấy không kể đến hạnh phúc riêng tư trong cuộc đời này, và chỉ làm việc cho lợi ích an lạc của người khác. 5. Vị ấy ý thức được nỗi kinh hoàng mà người khác có thể có khi Pháp được giảng dạy, và tự thân chứng tỏ đức vô úy cùng niềm tin không lay chuyển. 6. Vị ấy nhẫn nhục trước sự khinh khi, chỉ trích hay tán dương, sự khó chịu của lời đàm tiếu, và tất cả những đường lối quanh co của chúng sinh đối với mình. 7. Tâm vị ấy không biết mệt mỏi, giảng dạy Pháp cho bốn chúng một cách dững mãnh không ngừng nghỉ. 8. Vị ấy có biệt tài về sự sáng sửa và không để danh từ làm mờ chân lý.

(2) Một vị Bồ tát sẽ hữu hiệu trong khi đóng vai Bạn lành nếu có 5 đức tính:

1. Ngay từ đầu vị ấy đã mong cho người khác được hạnh phúc và lợi lạc.
2. Vị ấy biết rõ hạnh phúc và lợi lạc đó gồm những gì.
3. Vị ấy có sự phán đoán không sai lầm.
4. Sử dụng mọi phương pháp để giảng dạy giáo lý, vị ấy có năng lực chuyển hóa bất cứ hữu tình nào đủ khả năng, và tâm vị ấy không biết mệt mỏi.
5. Với tâm đại bi bình đẳng, vị ấy không đứng về phía hạng người nào, dù hạ liệt, tầm thường hay thù thắng.

(3) Bậc Bạn lành là nguồn cảm hứng khơi dậy niềm tin nếu có 5 đức tính:

1. Nếu khi nhìn vị ấy, lòng thành của người ta cũng được khơi dậy như khi nghe vị ấy thuyết Pháp: cung cách vị ấy thật trong sáng ung dung, tính tình tuyệt hảo có thể biểu lộ nơi vẻ ngoài của vị ấy.
2. Vị ấy không bất nhất trong hành vi về thân, lời và ý.
3. Không giả dối, làm bộ cương quyết để lừa bịp người.
4. Không ganh tị với danh tiếng, lợi dưỡng của những giảng sư khác, mà vui mừng cho họ. Vị ấy xem danh dự lợi lộc của mình như những năng lực để giúp đỡ người.

5. Vị ấy sống giản dị, đạm bạc, biết đủ, bất cứ gì thừa ra đều đem bố thí.

(4) Bồ tát làm năm nhiệm vụ khi đóng vai Bạn lành: 1. Nói chuyện. 2. Nhắc nhở. 3. Khuyến khích. 4. Chỉ dẫn. 5. Giảng dạy Giáo lý. Sự xếp loại những từ này có thể xem trong tác phẩm của Atisha nhan đề Trình độ Thanh văn và những đề tài về Chỉ dẫn và Giáo lý thì có thể tìm thấy trong chương nói về Thần thông tôi viết trong Bồ tát địa.

(5) Khi nương tựa hoàn toàn vào một Bạn lành, người đệ tử phải có bốn đức tính:

1. Làm người phục vụ hay điều dưỡng của bậc thầy, tùy hoàn cảnh.

2. Nói năng có lễ độ, đúng lúc. Thấy thầy thì phải đứng lên vui vẻ chấp tay cúi chào.

3. Thờ thầy như Phật, cúng thầy những phẩm vật để thờ, những y phục thích hợp, thực phẩm, chỗ nằm, đồ nằm, và thuốc men cùng các nhu yếu phẩm khác.

4. Xem thầy là nơi nương tựa, ở trước thầy sám hối tội lỗi, hỏi Pháp và lắng nghe.

(6) Một người muốn nghe pháp từ bậc Bạn lành nên khởi tâm ý nghĩ sau đây trong lúc lắng nghe: 1. Pháp thật quý báu vì quá hiếm. 2. Pháp là con mắt, vì là phương tiện để đạt đến tuệ giác sâu xa. 3. Pháp thật sáng chói, vì giảng dạy tất cả những sự thật một cách chính xác. 4. Pháp có lợi ích lớn

nhất, vì là phương tiện đạt đến Vô Thượng Bồ Đề. 5. Pháp không thể chê, vì là suối nguồn của hỷ lạc, thuần tịnh trong Tịnh Chỉ và Tuệ Quán, đưa đến Niết bàn và Toàn giác.

(7) Có 5 điều người ta không nên nghĩ khi nghe Bạn lành nói Pháp: 1. Người này phá luật và không giữ giới, ta không nên nghe ông nói Pháp. 2. Hoặc: Người này xuất thân từ một gia đình, giai cấp thấp kém hơn ta. 3. Không nên y cứ vào người, chỉ nên y cứ vào Pháp. 4. Không nên chú ý lời tiếng êm tai, mà nên y cứ vào nghĩa. 5. Không nên nghĩ về thân hình hay mặt mày xấu xí, hay âm giọng không hay của người dạy, mà nên lắng nghe Pháp một cách cung kính. Pháp không bị ảnh hưởng bởi khuyết điểm cá nhân, bản thân Pháp không bao giờ có thể trở thành khuyết điểm. Một Bồ tát tức giận vì khuyết điểm của người khác mà không muốn nghe Pháp từ nơi họ, là một Bồ tát kém cỏi. Vị ấy nên biết làm như vậy chỉ là tự hại mình, hại cho tuệ giác của mình.”

Như vậy khi nương tựa một bậc thầy, người ta có thể biết rõ những đức tính lợi lạc của tâm bồ đề.

Lặp lại sự phát tâm

Bây giờ tôi quay về bản văn gốc và câu trong bài kệ 13 :

Thì ngày và đêm

Bạn sẽ liên tục phát khởi tâm Bồ đề

Sau khi học được những đức tính của tâm Bồ đề, bạn nên liên tục phát khởi nó ngày ba lần đêm ba lần, lặp đi lặp lại để phát triển tâm ấy. Dù không theo nghi thức đầy đủ về việc phát tâm, cũng nên phát triển tâm Bồ đề với những câu như sau:

"Con xin quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng cho đến ngày giác ngộ. Xin cho tất cả những hành vi bố thí, trì giới ...của con sẽ kiện toàn quả Phật vì lợi ích cho tất cả hữu tình. "

Những lợi lạc của tâm bồ đề

Khi giải thích những lợi lạc khác của tâm bồ đề, kinh điển cũng dạy rằng, những Bồ tát căn cơ chậm lụt cũng có thể đạt toàn giác ngay trong đời sống tại gia chỉ nhờ họ quyết tâm đối với giác ngộ. Đức Thế Tôn nói trong kinh Lời khuyên vua :

"Này đại vương, ông quả thực rất bận rộn vì phải làm nhiều phận sự. Ông không thể thực hành đầy đủ mọi chi tiết của các hạnh ba la mật từ bố thí cho đến trí tuệ. Bởi thế này Ấi vương, hãy luôn luôn tỉnh giác và duy trì trong tâm ông sự khát khao đạt đến vô thượng Bồ đề. Hãy đào luyện lòng khát khao ấy với đức tin, thận trọng, quyết định, dù khi đi hay ngồi, ngủ hay thức, ngay cả khi ăn khi uống. Rồi gom góp và cân nhắc tất cả những thiện hành mà ông đã làm hay sẽ làm, và tất cả những thiện hành của chư Phật và cả đến của phàm phu, và hãy vui theo công đức ấy. Hãy vui theo,

bởi vì khối lượng công đức này là tột đỉnh của những niềm vui, vô hạn như không gian. Nó cũng tương tự như chính Niết Bàn.

Sau khi vui theo, hãy hiến dâng những công đức ấy cho tất cả chư Phật, Bồ tát, Thanh văn và Độc giác. Rồi làm việc ấy cùng với tất cả hữu tình.

Rồi ngày này qua ngày khác, mỗi ngày ba lượt, hãy hồi hướng những công đức ấy lên tất cả hữu tình, cho họ đạt đến toàn trí, để họ có thể kiện toàn đức tính của Phật quả và đạt đến Vô thượng Bồ đề. Ngày đại vương, nếu nhà vua sống được như vậy ngay khi còn làm vua, tức ngài kiện toàn hành trang để đạt giác ngộ mà vẫn không xao lãng phận sự làm vua".

Luận sư Santideva cũng nói như vậy trong tác phẩm Toát yếu tu tập :

"Đừng khinh thường việc chỉ phát tâm Bồ đề mà thôi. Mặc dù không thực hành, nó vẫn phát sinh vô lượng an vui ngay trong sinh tử. "

Tiền năng của Tâm ấy cũng được mô tả trong chương Di lạc nói về giải thoát trong kinh Hoa Nghiêm :

"Ngày đồng tử Thiện Tài, cũng như một viên kim cương quý báu, dù đã bị tách ra cũng chói sáng vượt hơn bất cứ vương miện nào bằng vàng, nó có thể xóa tan sự cùng khổ của người ta, không giảm cái danh ngọc quý. Cũng thế, ngày đồng tử, sự phát tâm bồ đề dù chưa có hành động cũng vẫn

sáng chói vượt hơn toàn thể những gì mà Thanh văn và Độc giác thành tựu được. Và mặc dù nó xóa tan mọi nghèo cùng của sinh tử, nó cũng không mất danh tiếng của nó là Tâm Bồ Đề."

Lại nữa, kinh Lời Khuyên Vua nói:

"Này đại vương, ông đã được tái sinh vào cõi trời nhiều lần vì những thiện hành do sự phát tâm bồ đề của ông được tuần thực. Tôi không cần bảo ông hậu quả ra sao khi ông phát tâm ấy nhiều lần hơn nữa. "

Phát triển tâm bồ đề

Khi bạn phát tâm mong cầu giác ngộ,
Hãy nỗ lực triển khai toàn vẹn tâm ấy
Muốn nhớ lại nguyện mình đời trước
Hãy tu tập đầy đủ theo giải thích này.

(kệ 18)

Tôi viết rồi nỗ lực triển khai toàn vẹn tâm ấy, để bạn tăng trưởng tâm bồ đề sau khi đã phát khởi tâm ấy vì biết những lợi lạc của nó. Điều này được nói khá rõ trong tác phẩm Nghi thức phát tâm bồ đề, ở đó tôi viết:

Một người đã phát tâm bồ đề muốn tăng trưởng tâm ấy thì nên khởi tâm như sau, ít nhất ngày ba lần đêm ba lần: "Con xin quy y Phật, Pháp và Tăng cho đến ngày đạt giác

ngộ. Mong rằng mọi thiện hành bố thí v.v...của con sẽ kiện toàn Phật quả vì lợi lạc cho tất cả hữu tình."

Khi nói câu trong bài kệ 18

*"Muốn nhớ lại nguyện mình đời trước,
Hãy tu tập đầy đủ theo giải thích này"*

là tôi muốn ám chỉ những gì trích từ kinh Ca Diếp vấn và những điều trình bày trong cuốn Nghi thức của tôi:

"Bạn phải tránh bốn điều làm suy yếu tâm bồ đề, ấy là:

1. Lừa dối bậc thầy, đạo sư, người hướng dẫn và những người đáng kính trọng.
2. Làm cho người khác cảm thấy tội lỗi khi không có lý do gì để có mặc cảm ấy.
3. Khinh thường, bôi nhọ, hủy báng một người đã vào đại thừa.
4. Đi đến người láng giềng để dối trá lừa bịp và có những động cơ không thích đáng."

Và bạn phải làm bốn điều không làm suy yếu tâm bồ đề, ấy là:

1. Không nói lời không thật, dù là để thoát chết, lại càng không nên nói để chuốc lấy chê bai.
2. Sống giữa những người có ý hướng cao đẹp và không dối trá lừa bịp.

3. Xem tất cả bồ tát như đấng đạo sư và đi đâu cũng thốt lời ca tụng họ.

4. Thúc giục tất cả hữu tình mà bạn có ảnh hưởng, để họ phát tâm Vô thượng Bồ đề, không để cho họ ưa thích Cổ xe hạn cuộc.

Một người mong muốn nhanh chóng đạt các thắng trí (thần thông) nên thực hành đặc biệt kinh Con Đường gồm 7: Những câu hỏi của Bồ tát Quán Thế Âm.

Đến đây kết thúc ý tôi muốn nói về nỗ lực triển khai toàn vẹn tâm bồ đề.

Tâm Hạnh Bồ đề

Nguồn gốc kinh điển

Muốn chỉ rõ sự phát triển rộng lớn của tâm bồ đề trong 3 cấp bậc mà các bậc thầy đã đề cập, tôi viết :

Tâm nguyện bồ đề sẽ không tăng tiến

Nếu không lập thế tuần tự thọ giới

Nên ai mong cầu tăng trưởng nguyện bồ đề

Thì hãy thiết tha lập thế thọ giới.(kệ 19)

Câu "nếu không lập thế tuần tự thọ giới" ám chỉ Bồ đề hạnh, như được nói trong đoạn kinh Kho Tàng Thiên Giới

"Này thiện nam, tâm bồ đề có những đức tính gì để người ta giữ tâm ấy không lui sụt ?"

Và Gaganaganja đã trả lời :

"Tâm bồ đề có 2 đức tính khiến người ta giữ nó không lui sụt, đó là tâm nguyện bồ đề và tâm hạnh bồ đề (Bồ đề Nguyện và Bồ đề Hạnh.) Tâm nguyện gồm có thành thật và không lừa đảo. Tâm hạnh gồm có xả và đức hạnh thù thắng.

Bốn đức này lại bao gồm 8 đức khác. Thành thật gồm có cởi mở và trong sạch. Không lừa đảo gồm có không màu mè và động cơ chất phát. Xả gồm có tâm không rụt rè và niềm hăng say không yếu ớt. Đức hạnh thù thắng gồm có trang bị cho tri kiến và trang bị cho phước đức...

Và tiếp tục phối hợp những đức tính như thế cho đến 108 đức. Hãy tham khảo kinh văn để biết toàn bộ sự mô tả này. Lại nữa trong kinh Toát yếu về Pháp nói :

"Tâm hạnh bồ đề là lòng mong muốn có những đức tính đặc biệt: sự yêu mến đối với chúng sinh, thương khắp mọi loài, kính trọng những bậc đáng kính, thương xót tất cả hữu tình, trung thành hầu hạ bậc thầy. Nó sẽ là chỗ nương, là người che chở, là hòn đảo, là chỗ trú cuối cùng cho người không chỗ nương, không ai che chở, không có một hòn đảo, không chỗ trú cuối cùng."

Và trong kinh ấy cũng nói :

"Đối với bồ tát có ý hướng thuần tịnh, thì Giáo lý tuôn ra cả đến từ những vật như bầu trời, tường vách, cây cối, dòng sông, núi rừng; lời khuyên và chỉ giáo tuôn phát từ chính sự tu tập của họ."

Trong kinh Aksayamati cũng nói:

"Lại nữa, thưa Thượng tọa Xá lợi phất, Tâm hạnh bồ đề của bồ tát thì bất diệt, vì sao ? Vì nó được nâng đỡ tối thượng bằng tất cả các đức tính căn bản. Hơn nữa, mỗi một ý nghĩ mà bồ tát khởi lên đều được nâng đỡ bởi tâm hạnh bồ đề của vị ấy với động cơ thánh thiện. Sự luân hồi đưa vị ấy từ cảnh giới thấp lên cao chính là nhờ Tâm hạnh bồ đề...Bởi thế tôi nói rằng, thưa thượng tọa Xá lợi phất, Tâm hạnh bồ đề này của Bồ tát là bất diệt".

Từ những đoạn trên, ta có thể thấy cũng như rừng và mùa gặt được tốt tươi là nhờ đất tốt, ta nên hiểu tất cả đức tính làm nên một đức Phật sẽ lớn lên và tăng trưởng từ nền tảng thiện hành. Đây là phân tích của tôi về vấn đề này.

Khác nhau giữa Nguyện và Hạnh

Về ý nghĩa của tâm nguyện Bồ đề và tâm hạnh bồ đề, những bậc hiền trí xưa và nay có nhiều giải thích khác nhau, nếu dẫn hết ra đây thì sẽ quá dài lời. Nhưng nghĩa lý của hai loại tâm này trong kinh cũng đã rõ. Ví dụ, kinh Hoa nghiêm nói:

"Thiện nam tử, thật hiếm có những chúng sinh phát tâm vô thượng bồ đề; nhưng càng hiếm có hơn nữa là những chúng sinh lập hạnh bồ đề".

Và Santideva nói trong tác phẩm Toát yếu Tu tập:

"Bồ đề tâm có hai loại: tâm quyết định đạt giác ngộ (bồ đề nguyện), và tâm hướng về sự thực hành để đạt giác ngộ (bồ đề hạnh)".

Ngài cũng nói trong tác phẩm Bồ đề hạnh (Tiến trình tu tập) :

*Như người ta biết sự khác nhau
Giữa muốn đi và thực sự đi;
Người trí nên biết sự khác nhau
Giữa hai giai đoạn trong tâm bồ đề.*

Lại nữa, cũng trong tác phẩm Toát yếu tu tập:

"Về vấn đề này, Bồ đề nguyện khởi lên do quyết định: ta phải thành Phật".

Do vậy, Bồ đề nguyện là sự tập trung, dán chặt vào mục đích đạt Toàn giác, như Maitreyanatha nói trong Trang hoàng cho Thực chứng:

"Sự phát tâm nguyện bồ đề này là ước muốn thành tựu sự Giác ngộ viên mãn để lợi lạc cho tất cả hữu tình".

Còn lập hạnh Bồ đề là tập trung, dán chặt vào những công đức thuộc đạo lộ tu hành, như được nói trong Trang nghiêm kinh:

(1) Trước hết là phát tâm bồ đề, sau đó là: (2) tự lợi và lợi tha; (3) Chân như, (4) Năng lực, (5) Tự tịnh cõi phật (6) thành thực hữu tình và cuối cùng là (7) sự giác ngộ tối thượng (Vô thượng bồ đề.)

Bởi thế, bản thân tâm bồ đề - trong thời gian gieo nhân cũng như trong thời gian kết quả - chỉ là một tâm duy nhất ấy. Sự phân biệt tâm ấy thành hai giai đoạn chứng tỏ điều này đúng.

Maitreyanatha giải thích chi tiết như sau:

"Bởi thế, tâm bồ đề giống như: (1) Đại địa, (2) Vàng ròng, (3) Mặt trăng, (4) Lửa, (5) Kho tàng, (10) Thuốc hay (11) Bạ lành, (12) Ngọc ước, (13) Mặt trời, (14) Bài ca, (15) ông vua, (16) Nhà kho, (17) Đại lộ, (18) Cỗ xe, (19) Nguồn nước, (20) Âm thanh êm dịu, (21) Dòng sông, (22) Vàng mây. Với những ẩn dụ này, bồ đề tâm gồm 22 loại".

Hai ẩn dụ đầu là tâm bồ đề kể như cái nhân. Mười bảy ẩn dụ kế tiếp là tâm bồ đề trong Đạo Lộ (thực hành). Ba ẩn dụ cuối cùng là tâm bồ đề kể như kết quả.

Hoặc có thể nói hai ẩn dụ đầu là Nguyên bồ đề; những ẩn dụ còn lại là Hạnh bồ đề. Còn có một bản kê khác, ba ẩn dụ đầu là tâm bồ đề trong lúc làm nhân; Mười sáu ẩn dụ kế tiếp là quá trình tu tập (đạo lộ); ba ẩn dụ cuối cùng là thời

gian kết quả. Muốn biết rõ ý nghĩa những ẩn dụ này về các giai đoạn, cần tham khảo luận Trang Hoàng Thực Chứng

Chương 3

Đời tu sĩ

Giới biệt giải thoát, điều kiện tiên quyết của bồ tát giới

Pháp khí thích hợp với đại thừa

Tôi đã trình bày làm thế nào tâm bồ đề quý báu nên được phát triển theo cách đặc biệt, và người ta cần phải lập hạnh bồ đề để tăng trưởng tâm ấy. Bây giờ tôi muốn nói đến những hạng người nào là pháp khí đặc biệt để lập hạnh bồ tát, do bài kệ :

Chỉ người nào đã lập thệ lâu bền
Giữ một trong bảy hạng giới Biệt giải thoát
Mới đủ tư cách lập nguyện Bồ đề
Không có cách nào khác. (kệ 20)

Nhưng ở đây bạn có thể cãi: không phải ông đã nói từ đầu rằng người ấy là thù thắng (kệ 5) và đối với những con

người trong sạch chỉ mong muốn đạt đến Vô Thượng Bồ Ấê (kệ 6) ? Thế thì làm sao những gì ông nói trong bài kệ này đúng được ? Ở đây ông bảo rằng người thọ giới biệt giải thoát là pháp khí trong sạch, vậy hóa ra hạng người thù thắng trước đây không trong sạch bằng.

Điều tôi muốn nói ở đây là do bậc thầy tôn kính của tôi, ngài Trí Hiền quang vinh, trong luận giải của ngài về 20 bài kệ Giới kinh:

"Những học giới trong Biệt giải thoát đã trở thành phụ thuộc vào giới bồ tát, và nên hiểu đây là một phần trong toàn thể. Bởi thế phải hiểu ý nghĩa câu nói của Vô Trước, 'giới Biệt giải thoát này cần nên thọ' là, người nào thọ giới Biệt giải thoát chính là một pháp khí thích hợp để thọ bồ tát giới một cách đúng diệu. Vì không có một giới luật Phật giáo nào khác buộc người ta kiêng sát sinh trộm cắp tà dâm...Ngay cả pháp khí thích hợp để thọ bồ tát giới cũng không có thêm giới luật nào mới về sự cấm chế những bất thiện hành này".

Những phản bác liên hệ đến Chứng tính

Bây giờ, sự thực là có những người thuộc hạng phi chứng tính*. Những người phi chứng tính này là những người chưa khuyh hướng Đại thừa, hoặc những người có ngoại hình chướng ngại cho việc thọ giới tỳ kheo**, và như vậy -một

cách bất công- họ còn bị ngăn cản thọ giới Bồ tát dù họ có ý muốn thọ.

(**CT.-Trong vài hệ thống đại thừa, nhất là Duy thức tông, có truyền thống phân loại người thành chủng tính- dòng họ - tùy theo khuynh hướng của họ trong đời tái sinh ấy. Có 5 chủng tính muốn nói ở đây: 1. Phi chủng tính, có nghĩa là trong đời hiện tại không có khuynh hướng giải thoát. 2. Bất định chủng tính, là những người do hoàn cảnh thúc đẩy mà sẽ thuộc về một chủng tính nào đó. 3. Chủng tính Thanh văn, là người có lý tưởng tiểu thừa, mong chứng thánh quả A la hán. 4. Chủng tính Độc giác, lý tưởng tiểu thừa về một vị Phật tự tu tự giác. 5. Chủng tính Như lai, lý tưởng đại thừa mong giác ngộ vì thương xót hữu tình.*)

(***CT-Luật kể ra nhiều "già nạn" tức các chướng ngại về thân xác và hoàn cảnh mà người thọ giới Biệt giải thoát cần phải thoát khỏi nếu muốn được thâm nhập làm Sa di hay Tỳ kheo. Lễ thọ giới bao gồm một vấn nạn về các chướng ngại như :có các dị tật, bị những chứng bệnh đặc biệt, bị nợ nần, không được cha mẹ đồng ý, ...).*

Và tôi biết có những người đã thọ giới bồ tát nhưng chưa bao giờ thọ giới Biệt giải thoát, hoặc đã thọ nhưng bị trục xuất vì phạm giới trọng, hoặc đã từ bỏ học giới, hoặc hoàn toàn chối bỏ đời sống phạm hạnh. Nhưng nếu giới Biệt giải thoát không thể ngăn người ta phạm các tội căn bản, thì ở đâu ta có thể tìm một giới luật khác để ngăn ?

Do đó ở đây tôi nói: có thể nào có một bồ tát mà không cấm chế sát sinh trộm cắp dâm dục vâng vâng ? Câu trả lời là không. Vì kinh điển nói rằng đây cũng là những khuyết điểm

căn bản nơi một bồ tát. Vì sự thể là như vậy, nên giới Biệt giải thoát là cần yếu trước tiên, và chính là điều kiện để thọ Bồ tát giới. Dĩ nhiên nếu một người nào trong các đời trước đã tu hạnh Đại thừa và bây giờ vẫn ở trong chủng tính Đại thừa thì không có gì sai quấy nếu đã thọ giới Bồ tát trước tiên vì bản tính tự nhiên của họ là không phạm tội.

Quan điểm Trung quán và Duy thức

Vậy, nếu bạn giải thích hệ thống Trung đạo của Đại thừa một cách chính xác, thì trước hết ta không tìm thấy ở đâu một pháp khí thích hợp cho đại thừa. Tất cả chúng sinh đều thuộc vào một chủng tính duy nhất, và đều có Phật tính gọi là Như Lai tạng. Như được nói:

Không có thích hợp hay không thích hợp
Với Bồ tát cao cấp, vì tất cả đều sẽ thành Phật.
Bởi thế muốn đạt đến Toàn giác
Hãy thực hành tùy theo khả năng.

Và trong tác phẩm Toát yếu về chân như: mật điển chính yếu có nói :

Tôi không cố xét người nào phải người nào không phải pháp khí để đi vào Mandala vĩ đại. Và nếu bạn hỏi tại sao, thì luận sư Thánh Thiên (Aryadeva) đã nói :

"Bồ tát sơ phát tâm đem cho chúng sinh

Bất cứ gì chúng muốn, bởi vì
Không có Pháp khí cho Diệu pháp;
Không nơi nào có pháp khí ấy".

Và bởi thế, vì tất cả chúng sinh đều thuộc một chủng tính duy nhất, nên Ajitanàtha nói :

"Vì Pháp giới vốn không có phân biệt, nên không thể nào có nhiều chủng tính khác nhau."

Và Long Thụ cũng nói :

Nếu không có sự phân biệt Cổ Xe chính yếu
Vì pháp giới vô phân biệt,
Thì giáo lý của ngài dạy có Ba thừa
Chỉ là để giúp chúng sinh tiến đạo.

Tuy nhiên, mặc dù kinh điển có nói đến 3 hạng người là Thanh văn, Duyên giác và Phật, và dùng những loại ngọc quý để dụ cho 5 hạng chủng tính trong các hữu tình: Phi chủng tính, Bất định, Thanh văn, Độc giác, Phật. Nhưng các luận đều nói rằng đây chỉ là những giai đoạn tạm thời. Tôi xin trích dẫn lời bậc thầy Suvarna :

"Khi kinh điển dạy rằng có 2 hạng chủng tính là pháp tính chủng tính và hành chủng tính, thì điều ấy có nghĩa rằng người ta chỉ ở trong chủng tính hành đạo một thời gian, nhưng khi nói về chủng tính chân thực hay pháp tính, thì không có sai biệt nào cả. Do đó các bậc hiền trí bảo rằng

giới Biệt giải thoát chắc chắn và chính yếu là cần thiết trong khi đang còn ở trong chủng tính hành đạo; nhưng chủng tính pháp tính thì khác: (1) Pháp thân có mặt khắp mọi thời mọi nơi; (2) Báo thân ở trong thiên cung, chỉ thuộc về chư vị đại bồ tát thập địa khi họ giảng Pháp đại thừa sâu rộng; (3) Thân ứng hóa thì chỉ xuất hiện thỉnh thoảng như trái cây Udumbara; như kinh dạy: sau thời đại này, sẽ trải qua 60 thời kiếp không có Phật xuất thế".

Do đó giới Biệt giải thoát cũng là một vật hiếm hoi, vì nó chỉ hiện hữu trong thời đại chúng ta, và là cái nhân chính đưa đến những hoàn cảnh tốt đẹp. Chỉ nhờ giáo lý của Phật mà chúng ta thoát khỏi những tội lỗi sát sinh trộm cắp dâm dục..., và vì giáo lý của ngài chỉ tồn tại bao lâu mà giới Biệt giải thoát còn tồn tại, nên chúng ta nói rằng chỉ có giới Biệt giải thoát là trên hết.

Bởi thế, nếu bạn nói về những trình tự tiến tu trên Đạo lộ, thì những người chưa sẵn sàng hưởng đại thừa sẽ chuẩn bị cho đại thừa bằng cách thọ bất cứ loại giới nào trong 7 loại giới của Biệt giải thoát mà họ thấy thích hợp. Do đó mà tôi nói một cách chính xác trong bản văn gốc là chỉ những người thọ 1 trong 7 hạng giới của Biệt giải thoát là thích hợp cho giới bồ tát, ngoài ra không còn cách nào khác nữa.

Các hàng ngũ trong cộng đồng Phật giáo

Bài kệ 21 trong Đền soi nẻo Giác nói:

Đức Như lai đã nói
Trong bảy hạng Biệt giải thoát giới,
Sự sống Phạm hạnh là thù thắng
Nghĩa là thế nguyện giữ giới tỳ kheo.

Điều tôi muốn nói ở đây là, học giới của một tỳ kheo là độc nhất vô nhị trong bảy hạng giới.

Chỉ có Bảy hạng

Trước hết có thể có người cãi rằng có tám hạng trong Giới Biệt giải thoát được thiết lập trong các bộ Luật, và trong những kinh Tiểu thừa như Tiến trình tuệ giác, Kho tàng các pháp cùng những toát yếu hữu ích của nó, và Đại luận về tác phẩm này, thế thì tại sao tôi nói chỉ có bảy ? Quả thực các tác phẩm nói trên đều đưa ra con số tám. Nhưng ngài Vô Trước chỉ thiết lập bảy hạng, trong mọi chương của tác phẩm ngài nhan đề Các cấp bậc tu thiền định và nhất là trong Chương nói về Giới. Nếu ta hoài nghi sự sáng suốt của con người vĩ đại ấy, thì không còn gì để nói. Vô Trước là một Bồ tát ở địa vị thứ ba, đã đạt đến loại định gọi là Dòng Pháp tương tục, đã được huyền ký trong Mật điển căn bản của Văn Thù rằng Asanga, con người thánh thiện ấy rất thông tuệ, khéo hiểu nghĩa kinh điển. Không còn ngờ gì nữa rằng ngài đã nghe toàn bộ Kinh tạng trực tiếp từ Ajitanatha.

Trong Luận giải Hai mươi bài kệ về Giới, thượng tọa Trí Hiền đã nói:

Về việc thệ nguyện thọ Giới, các học giới nằm trong bảy hạng của Giới Biệt giải thoát. Năm hạng trong đó là giới xuất gia: tỳ kheo, tỳ kheo ni, thức xoa ma na, sa di và sa di ni. Hai hạng là cư sĩ: nam và nữ cư sĩ. Giới Bát quan trai chỉ giữ một ngày thì không thực thụ là giới, và không được xem như là xứng đáng thuộc vào hàng ngũ Biệt giải thoát, vì thời gian tiết chế các dục không dài bao nhiêu.

Bậc thầy đã tuyên bố điều ấy là một bậc Đại luật sư về giới luật Bồ tát. Tôi theo cách giải thích của ngài, vì ngài đã nhận chỉ giáo theo truyền thống không gián đoạn từ Long thọ và Santideva.

Tín đồ cư sĩ và Tập sự (sa di, sa di ni)

Một vài điều cần nói ở đây về 7 hạng Biệt giải thoát. Những tín đồ cư sĩ có hai hạng: hạng tránh tà dâm, và hạng tiết dục ngay cả đối với người bạn đời của họ. Nhưng sự tu tập dành cho cả hai hạng là: từ bỏ 4 sự vi phạm căn bản (sát, đạo, dâm, vọng) và từ bỏ rượu. Có người nói từ bỏ tà kiến thay vì rượu.

Nói về rượu, một vài luật sư cho rằng uống rượu tự bản chất là đã có tội, nhưng những nhà Hữu bộ cho rằng uống rượu có tội chỉ vì giới tử đã hứa chứa rượu trong lúc thọ giới.

Vậy đối với tín đồ có 5 Giới và 45 Luật đặc biệt áp dụng cho họ. Giới Tập sự cũng bao gồm 50 pháp hành này của người tín đồ tại gia nguyện độc thân. Trong 50 giới điều này,

có những giới điều cần phải phát lộ sám hối nếu vi phạm, có giới điều khi đã thệ nguyện thì không được vi phạm, và cũng có những giới điều nếu vi phạm cũng không tội.

Tăng và Ni

Giới luật của Tỳ kheo gồm 253 điều, trong đó 27 điều cần phải phát lộ sám hối khi vi phạm, 213 giới cần phải thọ, và 13 điều thuộc về sự quản trị Tăng đoàn, không tội.

Thức xoa ma na (học pháp nữ) tuân giữ 240 giới điều, nghĩa là tất cả giới điều của Tăng trừ 13 điều thuộc về quản trị tăng già. Giới luật của họ bao hàm đời sống trong sạch không lỗi lầm của sa di ni, cũng như 6 học pháp căn bản và 6 pháp hòa kính.

Tỳ kheo ni tuân giữ 500 giới điều, bao gồm tất cả những giới của Thức xoa ma na và Tỳ kheo, đồng thời tu tập theo Kinh Luật để kiện toàn nhân cách khát sĩ thanh tịnh.

Mười tám bộ phái

Có nhiều bộ phái trong tăng đoàn Phật giáo: (A) Đại chúng bộ (Mahàsamghika) hay Ma ha tăng kỳ, gọi tắt là Tăng Kỳ. (B) Nhất thiết hữu bộ (Sarvàstivàda) gọi tắt là Hữu bộ. (C) Thượng tọa bộ (Sthavira). (D) Đàm vô đức bộ (Sammatìya). Những bộ phái này ngày xưa ở trong 18 bộ như sau:

(A) Đại chúng bộ có 5 bộ phái: Pùrvasailà (Tây sơn trú?), Aparasailà (Bắc sơn trú?), Haimavatà (Tuyệt sơn?), Lokottaravàdà (Thuyết Xuất thế), Prajnaptivàdà (Thuyết Giả, Duy thức).

(B) Nhất thiết hữu bộ có 7: Mùla, (Căn bản) Kà'syapìyà (Ca diếp di, Âm quang), Dharmaguptà (Pháp thượng?), Mahì'sàsakà, Vibhajya-vàdà (Tỳ bà sa), Bàhusrutìyà (Đa văn), Tàmrasàtiyà.

(C) Thượng tọa bộ có 3 bộ phái: Mahāvihàra-vasinà, Jetavanìyà (Chế đa sơn), Abhayagiri-vàsinà.

(D) Đàm vô đức bộ có 3 bộ phái: Kaurukullakà (?), Avantakà (?), Vàtsìputrìyà (Khả trú tử, Bà sai phú la, hay Độc tử).

Nhiều sách kể ra những bản khác nhau về các bộ phái nói trên, cho rằng Duy thức thuộc về Nhất thiết hữu bộ, phần còn lại không thay đổi. Một bản liệt kê khác như sau

(A) Kà'syapìyà, Dharmaguptà,

(Ca diếp di, Pháp tạng)

Mahì'sàsakà và Mùla-sarvāstivàdà;

(? và Căn bản Nhất thiết hữu)

(B) Pùrva, Aparā, Haimavatā

(Tây sơn trú, Bắc sơn trú? Tuyệt sơn)

Prajnapti, Vibhajya và Lokottaravàdà;

(Duy thức, Tỳ bà sa và Thuyết xuất thế)

(C) Tamra'sàtiyà, Bàhu'srutiyà, Avantakà,

(? , Đa văn, ?)

Kaurukullaka và Vatsi-putriyà;

(? và Độc tử)

(D) Jetavanìyà, Abhaya và Mahàvihàrà.

(Chế đa sơn, ? và ?)

Bốn, sáu, năm và ba.

Mỗi bộ phân ra như thế.

Do đó có 18 bộ phái

Giáo lý của đấng Sư tử dòng Thích ca

Tồn tại lâu dài vì những bậc thầy xưa

Có năng lực truyền thừa.

Mặc dù có nhiều bộ phái,

Và nhiều quan điểm khác nhau.

Do khác nhau về địa phương và thầy dạy,

Họ không hề tranh luận về đức Đạo sư.

Về những điểm khác nhau của các bộ phái liên hệ đến giới luật và quan điểm, cần tham khảo các bộ sách lớn.

Đời sống phạm hạnh quang vinh :Tỳ kheo

Trở về bản văn gốc, thì đời sống phạm hạnh (kệ 21) ám chỉ từ bỏ phái nữ và rượu. Về những nguy hiểm của rượu, có thể tham khảo các Giới kinh và những đoạn liên hệ trong Kinh tạng. Về nguy hiểm của phái nữ, hãy tham khảo Giới kinh và các kinh đại thừa tiểu thừa. Ví dụ kinh tiểu thừa Nhóm bảy pháp :

Này bà la môn, có những người nguyện sống đời trong sạch, không hành dâm với phụ nữ. Nhưng khi mắt nhìn thân thể phụ nữ, họ bị lôi cuốn bởi hình dáng; họ giỡn cười với phụ nữ và bị thu hút vào cuộc chuyện trò, say mê chú ý đến phụ nữ. Ngay cả khi cách nhau bằng những bức vách và màn che, những đồ trang sức cùng tiếng hát giọng cười của nữ giới cũng đi thẳng vào tim họ. Và khi nhìn thấy cư sĩ thụ hưởng năm dục, lòng họ bị vương vấn. Thế mà họ cũng hồi hướng công đức đời sống trong sạch của mình để có một chỗ đứng trong các cõi trời ! Đời sống phạm hạnh của những người như thế hoàn toàn bất tịnh.

Lại nữa trong một kinh đại thừa nói :

Tâm còn không được nghĩ đến dục tưởng,
Huống hồ buông thả giác quan để nhìn và sờ?

Những nguy hiểm của dục vọng nói chung có thể được tham khảo từ Kinh Những câu hỏi của Vua và Kinh Quả trách về dục.

Vậy, người nào tự khoe mình sống đời trong sạch trong khi thực tình họ không sống trong sạch, người nào kiêu hãnh

về hình tướng của việc "hành nghề tôn giáo" mà coi thường giới luật, nghĩ "đời sống tôn giáo chỉ có nghĩa là, những người thọ giới bồ tát như chúng ta có quyền hưởng dục" thì đấy là kẻ giả dối, không khác gì trộm cướp. Kinh điển cũng nói "kẻ trộm ăn đồ khát thực, kẻ trộm uống nước". Một tu sĩ tội lỗi như vậy không bao giờ nên đắp y ca sa, vật mà chư thiên và nhân loại tôn thờ. Kinh nói "Y ca sa đốt cháy người giả dối, bát khát thực bốc lửa thiêu ác tăng." Và Kinh Ngăn chặn tà hạnh nói :

Tu sĩ nào phạm giới dù chỉ trong chốc lát bằng một búng tay, cũng không nên ở lại trong Tăng chúng, vì danh dự chiếc y ca sa.

Tai họa của sự giả dối này được nói trong nhiều kinh như Ca Diếp Vấn. Theo Giáo lý đại thừa- và tôi cũng nghĩ vậy- thì loại người hành nghề tôn giáo tội lỗi như thế không nên gia nhập Con Đường Lớn. Đời sống phạm hạnh chân chính hoàn toàn trong sạch, không dính tới những xấu xa như vậy.

Vì nó toàn hảo hơn giới cư sĩ hay Sa di hay Thức Xoa, nên tôi nói (kệ 21):

Sự sống trong sạch là thù thắng nhất
Nghĩa là thế nguyện giữ giới tỳ kheo.

Và chính đức Thế Tôn đã dạy rằng giới luật thanh tịnh của Tỳ kheo là "Nền tảng toàn hảo cho Cỗ xe lớn, vượt xa" (các giới khác)

Các pháp Yết ma của Tăng

Chỉ được gọi là Tỳ kheo, người nào đã thọ giới qua pháp Bạch Tứ Yết Ma giữa Tăng chúng.

Các pháp Yết ma của Tăng có 4 loại :

- (1) Bạch nhất yết na
- (2) Bạch nhị yết ma
- (3) Bạch tứ yết ma
- (4) Công bố một sự việc ba lần

Bốn loại Yết ma này được dùng cho hai loại vấn đề :

(A) Vấn đề liên hệ đến người, (B) Không liên hệ đến người (Tình sự, Phi tình sự).

Liên hệ đến người

Những Yết ma liên hệ đến người là: (1) Nhận người vào tu viện, (2) Thọ giới, (3) Nhất trí giữa mọi người, (4) Giải tội, (5) Biểu quyết để trục xuất, chuyển đi xa, và những việc liên hệ đến An cư, (6) Xin khát hạ 7 ngày, 20 ngày hay 40 ngày, (7) Cử làm thị giả, (8) Xử phạt.

Không liên hệ đến người

Những Yết ma không liên hệ đến người là: (1) Thọ y thọ bát, (2) Thọ vãi vóc, (3) Tịch thu y, (4) Xướng ranh giới của tu viện, (5) Những việc khác liên hệ đến cư sĩ.

Những pháp yết ma của Tăng còn được xếp theo các loại như sau: những việc cần được thông qua bởi một hội chúng gồm 2, 4, 5, 10, 20, 40 người hay bởi toàn thể Tăng chúng. Ví dụ một yết ma có thể thực hiện bởi 2 người là khi một Tỷ kheo thú tội phạm giới bằng cách nói lên 3 lần trước Tăng chúng. Một yết ma 4 người là phát lộ một trong các trọng tội. Một yết ma 10 người là khi thọ giới ở vùng đông dân. Yết ma 5 người là khi thọ giới ở vùng biên địa. Yết ma 20 người là khi giải tội. Yết ma 40 người là khi truyền giới cho Tỷ kheo ni. Yết ma toàn thể Tăng chúng là khi xướng ranh giới tu viện, định ngày bố tát và an cư.

Mười cách thọ giới

Các bậc thầy về luật Hữu bộ đều nói sự thọ giới phải được cử hành theo 10 cách :

- [1] Tự thọ thọ giới: Chư Phật và các bậc Độc giác.
- [2] Thọ giới bằng đức tin: 5 người đầu tiên theo Phật.
- [3] Bằng cách Phật nói "Lại đây, Tỷ kheo": Da Xá và những người khác.
- [4] Bằng cách chấp nhận bậc thầy: Ma Ha Ca Diếp và những người khác.

- [5] Bằng cách đặt câu hỏi làm Phật hài lòng: Sudatta và những người khác.
- [6] Bằng cách chấp nhận Bát kính pháp: Đại Ái Đạo.
- [7] Bằng cách cử sứ giả: Dharmadinnà
- [8] Thọ giới do 5 Tỷ kheo mà thành, không có một luật sư: những người thọ giới ở vùng xa xôi (biên địa).
- [9] Thọ giới do chúng 10 người: ở vùng đông dân.
- [10] Thọ giới bằng cách lặp lại 3 lần sự quy y: đây là cách thọ giới của Nhóm 60 bậc hiền thời Phật.

Có 4 hạng tỷ kheo được truyền thống mô tả: (1) Danh tự tỷ kheo, là chỉ có tên. (2) Tự xưng tỷ kheo (nhưng không sống như một tỷ kheo). (3) Khất cầu tỷ kheo, là người xin ăn. (4) Phá kết sử tỷ kheo, là người đã hàng phục được những dục vọng. Trong thời đại chúng ta rất hiếm có một tỷ kheo tuân giữ giới toàn vẹn; như luận sư Santideva nói: "Mặc dù thực khó thực hành đời sống tu sĩ, Giáo lý vẫn có gốc rễ trong đời sống ấy." Bởi thế các bậc thầy đã nhiều lần nói rằng tín đồ cư sĩ trong sạch đáng được ca tụng là một pháp khí đại thừa vượt xa một tỷ kheo kém giới luật, thói giảm về giới luật và có đời sống phạm hạnh bị hoen ố, bị rách, bị phá hủy, bất tịnh.

Về các thế nguyện

Bây giờ tôi tiếp tục giải thích chữ "Thệ nguyện" trong bài kệ 21. Nó có nghĩa là ngăn chặn dòng tà hạnh. Điều này có thể đề cập dưới nhiều mục như sau: (A) Thệ nguyện giới được lợi ích gì. (B) Lợi ích như thế nào. (C) Thời gian để thọ giới. (D) Cách thọ giới. (E) Thế nào là xả giới. (F) Bản chất của nó. (G) Lý do phạm giới. (H) Điều kiện đề phòng vi phạm. (I) Sám hối

(A-D) Về sự giải thích 4 mục đầu, nên hỏi luật sư của mình và tham khảo những Kinh căn bản.

(E) Thế nào là xả giới ? Có nhiều cách xả giới Biệt giải thoát: sau khi suy nghĩ, một người từ bỏ giới trước mặt một người nào có thể hiểu tiếng nói của mình; hoặc người ấy rời khỏi phạm vi thích hợp cho đời sống tu sĩ; hoặc phạm một tội trọng, hoặc trở thành bán nam bán nữ; hoặc hoàn toàn từ bỏ đời sống phạm hạnh. Vì sao những điều này lại là những lý do xả giới thực sự ? Bởi vì thực tình có khởi lên ý nghĩ xả giới; hoặc vì người ta từ bỏ sự nâng đỡ của đời sống tu hành; hoặc vì người ta có phạm giới thực sự; hoặc vì căn bản để giữ lời nguyện, tức thân xác, đã thay đổi (tức là nam chuyển thành nữ và ngược lại), hoặc vì nền tảng của giới đã bị sụp đổ.

Một vài luật sư nói: chỉ cần phạm một giới, là đã từ bỏ tất cả giới luật. Những người khác cũng nói rằng giới luật bị bãi bỏ vào thời gian nền Diệu pháp suy tàn. Nhưng luật sư phái Hữu bộ nói :

“Khi phạm một giới, những giới còn lại vẫn không mất, vì một người có thể đồng lúc vừa có chế ngự vừa không chế ngự, cũng như một người có thể vừa giàu mà vừa mắc nợ. Bởi thế, nếu một người đã thệ thọ giới phát lộ sự vi phạm của mình, thì thật không đúng để nói rằng họ không chế ngự.”

Trong trường hợp thay đổi giới tính thì cũng không phải là từ bỏ giới, vì người ta không từ bỏ một lời nguyện chưa từng lập, và cũng không có những giới trong Biệt giải thoát liên hệ đến tình trạng mập mờ này. Cũng vậy, vào thời nền Diệu pháp suy tàn, đương nhiên không còn giới bản Biệt giải thoát (thì cũng không thể nói đến chuyện xả giới). Giới cũng chấm dứt khi chết và tái sinh vì lúc ấy thân thể đã khác, người ta chưa tuyên hứa thực hành giới Biệt giải thoát trong thân mới, và cũng không nhớ để giữ. Những giải thích này là theo luận sư Thế Thân.

(F) Về bản chất của thệ nguyện, nên khảo sát các bộ Luật căn bản và hỏi các bậc thầy thuộc bộ phái mình theo.

(G) Có hai cách phạm giới: không làm những gì phải làm, và cứ làm những điều đáng lẽ không được làm.

Và những lý do vi phạm có 4: ngu si, bất kính, lơ đãng, và có nhiều dục vọng.

(H) Những điều kiện để ngăn ngừa sự phạm giới có 5:

1. Chế ngự các giác quan, tiết độ trong ăn uống, tinh tấn thiền định vào đầu đêm cuối đêm không ngủ gục, có

hành vi chín chắn, chánh niệm, cảnh giác, và hoàn toàn tỉnh thức, biết sợ những lỗi nhỏ nhất.

2. Nghiêm túc để ý đến sự tu hành, nghĩ rằng đáng Đạo sư và những người sống đời phạm hạnh, những vị trời hoan hỷ trong giáo pháp, những bậc hiền trí cũng như người đời đều lên án sự phạm giới. Luôn tự giác, phát sinh ý thức hổ thẹn.
3. Không đa đoan sự nghiệp, ít bận tâm về quả báo.
4. Không sống nửa tăng nửa tục, biết rõ thế nào là phạm, không phạm; siêng học giới.
5. Được giảm tội nếu vi phạm, đó là: điên cuồng, ngủ, tâm tán loạn vì đau khổ.

(I) Sám hối gồm có 3 việc: khởi lên 5 sự buồn khổ, tinh tấn gồm 5 phần, và dẹp nỗi buồn khổ theo 5 cách được nói trong tác phẩm Trình độ Thanh văn của Vô Trước

Năm tâm trạng buồn khổ khởi lên khi một người phạm giới rồi nghĩ như sau:

[1] Nghĩ rằng "bắt đầu cái kiểu như thế này thì sự giữ giới của tôi sẽ luôn luôn khiếm khuyết".

*(*CT-Năm cách hết phiền não là: 1. Đã chấm dứt những vi phạm quá khứ; 2. Chấm dứt những vi phạm trong tương lai. 3. Chấm dứt những vi phạm trong hiện tại. 4. Học tập từ những lỗi lầm trước. 5. Rút kinh nghiệm từ 4 điều trên, để về sau thực hành theo đó).*

[1]

[2] "Bậc đạo sư và những người trí có đời sống thanh tịnh sẽ khiến trách tôi".

[3] "Chư thiên sẽ quở trách tôi về lầm lỗi này".

[4] "Mọi người từ đây cho đến biên giới sẽ biết về tôi, và nói về tôi một cách khinh bỉ".

[5] "Với sự bắt đầu làm ác như thế này, sau khi rời bỏ thân xác tôi sẽ tái sinh vào những cõi xấu, khi ấy sẽ không ích lợi gì !"

Những buồn khổ nói trên được trừ diệt nhờ 5 cách suy nghĩ ngược lại, đó là:

[1] "Đức Thế tôn đã giảng dạy một nền diệu pháp vừa có nền tảng lại vừa có con đường giải thoát; bởi thế chắc chắn có cách vượt lên khỏi sự vi phạm".

[2] "Vì tôi chưa biết rằng phạm giới là do ngu si, bất kính, lơ đãng và có nhiều dục vọng, nên những sự vi phạm cứ tăng trưởng".

[3] "Bây giờ tôi sẽ phát tâm bồ đề với ý định thù thắng chân thành, để khỏi tiếp tục phạm giới".

[4] "Tôi đã như pháp phát lộ sám hối ở trước những vị đa văn trong đời sống phạm hạnh".

[5] "Đã gia nhập đời sống tu hành trong nền Pháp và Luật khéo giảng này, thì thật không đúng, không thích đáng

nếu tôi phiền não khi vi phạm học giới. Đức Thế Tôn đã từng quở trách phiền não vì nó tạo ra vô số chướng ngại. Bây giờ, chính phiền não là chướng ngại, nên nếu tôi cứ ôm giữ nó, không tẩy trừ nó ngay, thì thế là bất thiện."

Toát yếu giới luật

Sự phát lộ sám hối phải được làm chiếu theo những phương pháp trong bộ luật của bộ phái mình theo. Cũng có thể phát lộ riêng theo cách tổng quát tôi đã soạn trong quyển Nghi thức sám hối các tội phạm giới. Nhưng hãy luôn luôn chú trọng đến việc bố tát và tụng Giới kinh mỗi nửa tháng. Vị tỳ kheo nào học Luật nghiêm túc sẽ biết rõ thế nào là phạm giới và những phương tiện để thoát khỏi sự vi phạm. Vị ấy không thất vọng, vì biết tự bản chất mình vốn trong sáng, thuần tịnh, không nhiễm, vô tội. Sau khi đã từ bỏ gia đình và nhập đạo sống không nhà, Giới của vị ấy trong nền Pháp và Luật khéo giảng không bị thối thất, hoen ố, rách nát, phá hủy, bất tịnh. Vị ấy khéo hộ trì giới. Vị ấy được trang sức bằng 12 đức tính của sự tịnh hóa và 17 thứ trang hoàng của sự hành đạo.*

Chính về một vị tỳ kheo thanh tịnh như thế mà tôi đã viết

:

Sự sống trong sạch là thù thắng nhất

Nghĩa là thế nguyện giữ giới tỳ kheo.

Cuối cùng, Aritanatha nói trong tác phẩm Trang hoàng kinh điển :

Giới Luật được trình bày theo các mục: (1) Phạm giới, (2) Nguồn gốc, (3) Sám hối, (4) Giải thoát, (5) Người, (6) Triệu tập tăng chúng, (7) Trường hợp đặc biệt cần linh động (khai), (8) Diệt tranh cãi.**

*(*CT. 12 đức tính: tất cả đều liên hệ đến sự dạm bạc trong đời sống tu hành; 17 thứ trang hoàng là như: tăng trưởng đức tin, nhẫn nhục, ít muốn, biết đủ...).*

***CT. Đây là tóm tắt 8 mục của Luật điển. Atisha chỉ đề cập 4 mục đầu. Mục 5 nói về các cách xử phạt tội phạm giới. Mục 6 nói về việc Phật triệu tập tăng chúng để thông báo những thay đổi trong các giới ngài đã chế, khi có trường hợp mới xảy ra. Mục 7 bao gồm nhiều ngoại lệ mà Giới luật cho phép, ví dụ nghỉ bố tát vì bệnh. Mục 8 nói về cách dàn xếp những chia rẽ trong Tăng chúng và về những cách phạm giới chưa được xác định.)*

Chương 4

Giới Bồ tát

Nhưng không nên nghĩ rằng thọ giới Biệt giải thoát là đủ để phát tâm bồ đề, vì Mây Châu ngọc nói:

"Này thiện nam, một bồ tát ràng buộc với giới bồ tát là người suy nghĩ như sau: "Tôi không thể giác ngộ Vô thượng bồ đề chỉ nhờ giới Biệt giải thoát. Đúng hơn tôi phải tu tập mọi điều mà các đức Như lai đã dạy bằng tấm gương các ngài, và bằng pháp tu hành của Bồ tát trong kinh điển".

Bởi thế ở đềm này tôi sẽ theo các bậc thầy, căn cứ kinh Đại thừa để giải thích những gì phải tu tập trong tiến trình học đạo Bồ tát.

Chương về Giới của Vô Trước

Trong những bài kệ trước, tôi đã chỉ rõ ai là pháp khí đại thừa, và bây giờ tôi sẽ nêu lên Con đường của Những Cổ Xe Lớn cho vị ấy, trong câu:

Theo nghi thức được nói trong kinh

Chương nói về Giới trong Bồ tát địa
Người ta thọ giới từ một bậc minh sư
Có những đức tính thích hợp. (kệ 22)

Bồ tát địa là luận do Vô Trước soạn để trình bày sáu pháp Ba la mật. Trong luận ấy có Chương nói về Giới Ba la mật gồm chín đề tài.*

Chín đề tài ấy như sau: (1) Bản chất của Giới, (2) Cái Bao gồm tất cả, (3) Những khó khăn, (4) Những cách đề cập. (5) Người thánh thiện, (6) Mọi thứ (7) Mong ước trong lúc gặp nạn, (8) Hạnh phúc đời này và đời sau, (9) Giới thanh tịnh. Ở đây tôi chỉ nói về nội dung của mục (2) là Giới Bao gồm tất cả.

*(*CT. Ot. 5538. Chín đề tài trong Chương về Giới là kệ của riêng ngài Vô Trước, nhưng tự bản thân các đề tài ấy không bao quát được toàn thể nội dung. Tất cả ngoại trừ (2), trình bày vấn đề những pháp thiện và khổ hạnh. Mục (2) kể chi tiết toàn bộ giới bồ tát, khởi đầu bằng sự phát tâm bồ đề, những điều kiện của một bồ tát lúc còn tại gia cũng như khi đã xuất gia, giới Biệt giải thoát tiên quyết- cách mà Atisha chọn- và một nghi thức đầy đủ với những công thức và chi tiết trong việc thọ giới Bồ tát, cùng một đọc dài những vi phạm giới Biệt giải thoát mà Bồ tát phải tránh.)*

Bậc minh sư

Tôi chỉ cách thọ giới khi nói câu sau đây trong bài kệ 22:

Người ta thọ giới từ một bậc minh sư
Có những đức tính thích hợp.

Và ai là bậc thầy như thế ?

Nghĩa là người am hiểu nghi thức thọ giới

Và bản thân sống đúng theo giới đã thọ

Lại có đức nhẫn nhục từ bi

Để truyền trao Giới pháp. (kệ 23)

"Am hiểu nghi thức thọ giới" có nghĩa là vị ấy được thông tin tốt, biết nhiều hiểu rộng về giới bồ tát. "Sống đúng theo giới đã thọ" là Giới của vị thầy ấy không bị thối thất, bị hủy hoại, mà rất thanh tịnh. "Nhẫn nhục" là vị ấy có thiện chí muốn truyền giới, và tự do tiến hành việc ấy. "Từ bi" là vị ấy xem đệ tử như con, không nở nhìn thấy kẻ khác khổ. Khi tôi nói vị ấy phải là một bậc thầy thực thụ, là tôi ám chỉ rằng, chỉ có thể thọ Giới từ một người có chứng đắc siêu việt những người khác. Và một bậc thầy được xem là thù thắng khi những đệ tử ông cũng có những đức tính như ông, và khi sự giảng dạy của ông rất được tôn trọng.

Lại nữa, một bậc thầy có bốn ưu điểm: (1) Giới toàn vẹn, (2) có những thiên chứng cao siêu, (3) có ý hướng thù thắng và (4) sự thực hành vượt bậc. Tôi ám chỉ Giới thù thắng của vị thầy với câu "Và bản thân sống đúng theo giới đã thọ" và những chứng đắc của ông bằng câu "am hiểu nghi thức thọ giới" và có tâm "nhẫn nhục từ bi" để trao truyền.

Giải thích rộng: "Sống giới đã thọ" có nghĩa, ta không thể đắc giới từ nơi một người mà bản thân họ đã từ bỏ Giới, hoặc đã phạm giới, hoặc không còn tương ứng với Pháp.

"Am hiểu nghi thức" có nghĩa là không thể đắc Giới từ nơi một người thầy không biết nghi thức, vì khi ấy chính nghi thức truyền giới đã bị lỗi. Và "nhẫn nhục" nghĩa là vị ấy hoan hỷ truyền giới, vì nhiệt tình đối với Giới pháp, và bảo: "Tốt lắm, tôi sẽ làm ngay không chút do dự."

Ý nguyện thù thắng (nguyện) và sự thực hành thù thắng (hạnh) của vị ấy được ám chỉ trong "từ bi" :

“Ý nguyện thù thắng của vị thầy là đức tin nơi ông, động lực chân thành khi làm việc, sự hỉ xả, lòng bi mẫn, niềm kính trọng của ông đối với thầy mình. Vị ấy ít muốn, có tiết độ, không lưu ý chuyện vụn vặt. Vị ấy không lo sầu, kiên nhẫn đối với lỗi lầm của người khác, không giận dữ và thù dai.

Hạnh tuyệt hảo của bậc thầy là sự tăng tiến trong việc thực hành Giới, luôn tôn trọng và tiến bộ về giới. Vị ấy không tự dối mình về những học giới. Vị ấy không quá hăng cũng không lười biếng, không thích đám đông, không tìm lạc thú. Tâm vị ấy không giao động.”

Nếu thọ giới từ một bậc thầy như vậy, thì sự thực hành giới của ta sẽ tăng trưởng. Đây là hạng thầy mà tôi nghĩ đến, khi tôi viết câu :

Người ta thọ giới từ một bậc minh sư
Có những đức tính thích hợp. (kệ 22)

Giải thích Giới

Bây giờ tôi sẽ giải thích theo những đề mục: (A) Nghi thức thọ giới, (B) Toàn thể giới pháp, (C) Thế nào là phá giới, (D) thế nào là không phá, (E) Sám hối, (F) Lợi ích của Giới.

Dĩ nhiên các bậc hiền trí ngày xưa có nhiều lối giải thích, nhưng đây tôi chỉ giải thích theo ý của hai ngài Vô Trước và Santideva, vì lối giải thích của các ngài là con đường tâm linh của hạng người Thù thắng- tức Con Đường Lớn của Đại thừa.

Nghi thức thọ giới

(1) Muốn biết nghi thức đầy đủ, cần tham khảo Chương về Giới của Vô Trước, hoặc tác phẩm do chính tôi soạn, Nghi thức Phát tâm Bồ đề và Lập nguyện Bồ đề. Cũng có một nghi thức tự thọ giới không thấy, được nói trong Chương về Giới kể trên. Về nghi thức tôi làm, tôi theo bậc thánh Vô Trước. Nghi thức của Santideva được tìm thấy trong Tiến trình hành đạo của ngài, nhưng trong Toát yếu Tu tập nói đầy đủ hơn, trong đó ngài cũng có trình bày một nghi thức tự nguyện thọ giới không thấy.

(2) Tôi trình bày nghi thức thọ giới không thấy trong các bài kệ từ số 24 trở đi:

Nhưng nếu đã cố tìm mà không gặp

Một bậc thầy nào như thế cả,
Thì tôi sẽ giải thích một nghi thức khác
Để thọ giới cho đúng cách.

cho đến câu 31b:

Con sẽ làm sạch luôn ý nghiệp
Và sẽ không bao giờ làm điều phi công đức.

Tôi chọn nghi thức này của Ambaràja (một tiền kiếp của Văn Thù) vì các bậc Thầy tôi bảo công thức ấy dành cho cả hai hạng giới tử có thầy và không thầy. *Toát yếu Tu tập lấy đây làm nghi thọ giới có thầy, nhưng vì tôi đang trình bày cả hai phương pháp, nên nghi thọ giới có thầy tôi căn cứ tác phẩm Chương nói về Giới của Vô trước, còn nghi thọ giới không thầy thì theo Santideva trong Toát yếu tu tập.*

Phạm vi của Giới

Bậc thánh Vô Trước đã tóm tắt tất cả những gì Kinh tạng dạy về Giới gồm chín phần trong Chương về Giới của ngài, khởi đầu là "Bản chất". Ngài nói trong phần kết:

"Toàn thể giới Bồ tát bao hàm trong những pháp hành này. Điều gì Bồ tát phải làm, đều đầy đủ cả trong đây. Lợi ích của Giới bồ tát cũng toàn vẹn chỉ trong ngần ấy việc. Không còn gì hơn thế nữa, không có gì ngoài ra những pháp hành ấy".

Và bậc thánh Vô Trước xem tất cả giáo lý trong kinh điển đều là một huấn luyện cho ba hạng người; do vậy trong Đại thừa, có một cách trì giới thù thắng, cách trì giới trung bình, và cách tối thiểu. Nói về cách trì giới thù thắng, trong Toát yếu tu tập ngài nói :

"Cách thực hành Ấại thừa viên mãn nhất phát xuất từ Bồ tát giới".

Rồi trong Tiến trình Tu tập ngài nói:

Không có thiện hành nào bất cứ ở đâu
Mà người con của Phật không tuân hành.

Và tôn sư tôi, bậc thầy Trí Hiền quang vinh, đã dạy:

“Những giới điều chính của giới Bồ tát được tóm tắt ở đây (trong Chương về Giới của Vô trước). Nhưng kỳ thực, sự học của Bồ tát thì vô biên, và sự thực hành của Bồ tát cũng không có cùng tận. Bởi thế khi trở lại với những gì được dạy trong các giới điều này, ta sẽ biết được gì là lỗi, gì là không.”

Về đề tài cách trì giới bậc trung, Santideva nói trong Toát yếu tu tập :

“Vị Bồ tát ấy biết những thái độ cần thiết để khỏi phạm giới. Vị ấy xả bỏ bản thân và những lạc thú của mình cho tất cả hữu tình, và xả luôn tất cả những công đức vị ấy có được. Và vị ấy tiếp tục tăng trưởng trong những pháp hành ấy.”

Rồi, về đề tài cách trì giới bậc hạ, ngài nói:

“Một Bồ tát muốn tuân giữ một số học giới, sẽ tuyên hứa giữ giới trước chư Phật. Nếu không có thầy, vị ấy tự thọ giới trước chư Phật Bồ tát. Do vậy, dù tự thọ tuân giữ chỉ một giới pháp mà thôi, cũng phải thọ giới đúng cách.”

Từ bỏ Giới

Theo giải thích của bậc thánh Vô Trước, những nguyên nhân từ bỏ Giới là không lập lại quyết định đạt Vô thượng bồ đề (lập bồ đề nguyện), và do vướng vào sự vi phạm 4 trọng tội. Lý do đầu có nghĩa là thối một về chuyện tìm hạnh phúc cho tất cả hữu tình, và cảm thấy quả giác ngộ quá xa xôi, chỉ muốn làm Thanh văn hay Độc giác hay một người ngoại cuộc. Nguyên nhân sau có nghĩa là không có tâm quý, không còn bận tâm gì đến hậu quả, hoặc xả giới trước mặt một người có thể hiểu tiếng nói của mình.

Theo giải thích của Luận sư Santideva trong Toát Yếu Tu Tập, giới bị xả bỏ khi không cưỡng được những ảnh hưởng của ác ma hay 14 việc ác khởi từ ăn cắp những vật của Tam bảo vân vân; do thiếu chánh niệm, biếng nhác, lơ đãng, do không học thế nào là phạm giới, và do không có tâm quý.

Và trong Luận giải 20 bài kệ về Giới của ngài, thầy tôi nói: phạm giới là do "không học tập các giới điều, do thiếu chánh niệm, mê muội, bất kính".

Đề phòng phạm giới

Thánh Vô Trước cho rằng phạm giới được ngăn ngừa nhờ cẩn thận tỉnh giác, tinh tấn đề phòng, biết gì là lỗi gì không lỗi, và do có ý thức hổ thẹn và hối tiếc (tàm, quý). Santideva cũng đề cập những đức tính này, thêm sự từ bỏ và sám hối 14 việc ác.

Sám hối tội phạm giới

Cả hai bậc thầy đều nói rằng người ta có thể giải thoát khỏi ân hận do phục hồi giới hạnh cũng như do chưa bao giờ phạm giới. Nếu một người thấy được lỗi lầm của mình, công nhận và phát lộ ngay cả về những lỗi nhỏ nhất, thì vị ấy sẽ hoàn toàn thanh tịnh. Trong chương nói về Giới, bậc thánh Vô Trước nói về sự sám hối các tội lỗi trong đoạn bắt đầu "nếu không có người thích hợp đóng vai bậc thầy để phát lộ với người ấy...". Ngài cũng nói rằng khi vì hoàn toàn bị vướng mắc mà phạm những tội căn bản, thì có thể thọ giới lại sau khi sám hối trước Tăng chúng. Nhưng đối với sự vi phạm những giới nhẹ, thì chỉ cần sám hối trước bất cứ người nào thuộc Thanh văn thừa hay Đại thừa cũng đủ. Trong Toát Yếu Tu Tập, luận sư Santideva nói: "Nếu không tinh tấn nỗ lực như đấng Toàn giác đã dạy, thì chúng ta sẽ đi đến các đọa xứ".

Lợi ích của Giới

Chương về Giới nói như sau :

"Và như vậy, toàn thể giới điều của bồ tát giới đưa đến kết quả là sự chứng đắc Vô thượng bồ đề. Nhờ những giới này mà bạn sẽ đạt đến Giới Ba La Mật và được đốn ngộ. Và trong lúc nỗ lực tiến đến Phật quả, bạn sẽ được 5 lợi ích: (1) Bạn sẽ được Phật thương tưởng đến*; (2) Bạn sẽ xem cái chết như một cơ hội để vui mừng; (3) Bạn sẽ tái sinh tại một nơi có Bạn lành thiện xảo về Pháp (minh sư thiện hữu); (4) Trong đời này bạn sẽ có vô lượng công đức giúp bạn thành tựu Giới Ba la mật; (5) khi tái sinh đời sau, bạn sẽ duy trì trình độ Giới mà bạn đã có."

Và trong Toát Yếu tu tập :

"Những lợi lạc của sự tuân giữ học giới hết sức lớn lao, bởi thế chúng ta rất nên nỗ lực tuân giữ học giới ngay bây giờ".

Và cũng tán đồng ý ấy, Santideva trích dẫn từ những tác phẩm Khuyến khích phát nguyện thù

*(*CT thêm.- Nguyên bản Anh ngữ dịch là: Bạn sẽ suy nghĩ như Phật suy nghĩ, nhưng thiết tưởng không đúng, nên dịch giả Việt ngữ điều chỉnh lại)*

thắng, Phép lạ của định, kinh Ngọn đèn trắng, và Mây châu ngọc.

Thầy tôi, ngài Trí Hiền, nói trong Luận 20 bài kệ về giới:

"Người nào giữ giới theo cách ấy thì chắc chắn sẽ cắt đứt mọi liên hệ đến các đọa xứ, và sẽ không bao giờ tái sinh vào đó".

Và ở một đoạn sau đó:

"Người ấy sẽ không tái sinh vào các đọa xứ, và dù cho tái sinh cả trăm lần, vị ấy cũng không phải chịu đựng những nỗi khổ khốc liệt, hoặc ít nhất sẽ nhanh chóng thoát khỏi, và trong khi chịu đựng nỗi khổ, vị ấy vẫn làm việc để thành thực hữu tình".

Còn nhiều lợi lạc khác trong việc thọ giới đúng cách, như bậc thánh Candragomin nói :

Vì giới đức nơi người ấy,
Đức Phật và các pháp tử của ngài-
Tâm họ cũng đặt nơi Giới -
Sẽ thương vị ấy như con.

Và luận sư Santideva nói:

Hôm nay tôi được sinh vào gia đình của Phật;
Tôi đã trở thành con Phật !
Khi đảm nhận gia nghiệp này,
Tôi sẽ không bao giờ làm hỏng
Cái tên đáng kính và vô nhiễm ấy.

Thanh lọc thân lời và ý

Vì Bồ tát đã thọ giới thì cần phải duy trì và phát triển giới hạnh của mình, nên tôi nói :

Cốt yếu của sự thanh tịnh thân lời ý

Là giữ giới với tâm cầu tiến (kệ 32)

Câu "Cốt yếu của sự thanh tịnh...", tôi trích từ Kinh Lòng bi mẫn của Như Lai :

"Vị bồ tát làm sạch thân, làm sạch lời, và làm sạch ý của mình. "

Sự thanh lọc thân và lời được thực hiện do các Giới điều đã thọ, sự thanh lọc tâm ý được thực hiện nhờ Giới tích tập công đức và Giới vì tha nhân. Hoặc mỗi loại trong ba loại giới này đều thanh lọc thân, lời và ý. Hoặc thân và lời được thanh lọc là nhờ tránh 7 hành vi bất thiện đầu tiên khởi từ sát sinh (3 nghiệp của thân và 4 nghiệp của miệng), và tâm ý được thanh lọc nhờ tránh ba ác hành cuối cùng (là tham, sân và tà kiến.) Trong kinh Những câu hỏi của Vua trời Druma, đức Thế Tôn đã giảng nghĩa như sau:

“Giới của thân thanh tịnh là không có tham dục, giận giữ và si mê, giới của lời thanh tịnh là không lừa dối Tam Bảo, và giới của ý thanh tịnh là không có tham lam, ác ý hay tà kiến.”

Khi tôi suy nghĩ làm thế nào để học giới một cách thiện xảo, và làm sao để nhờ đào luyện Giới mà tôi có được năng lực tăng thêm niềm vui và ham thích giới luật, tôi đã viết :

Vì nhờ thực hành ba loại Giới

Mà thấy được giá trị của chúng thật lớn lao (Kệ 32)

Bây giờ, ba loại giới là: (A) Giới thuộc về giới bản đã thọ, (B) Giới để tích lũy thiện hành, (C) Giới vì tha nhân.

Giới thuộc giới bản đã thọ

Loại giới này bao gồm những học giới thuộc Biệt giải thoát, để ngăn những hành vi quấy là cứ làm những gì mình đã phát nguyện từ bỏ, cũng như ngăn 10 bất thiện hành là những hành vi mà bản chất đã là quấy.

Giới tích lũy thiện hành

Giới này có nghĩa là, sau khi thọ giới đúng pháp, ta phải tập hợp mọi chút công đức nhỏ bé mà ta có thể làm về thân lời và ý, để hướng về mục đích Giác ngộ. Đặc biệt giới này có nghĩa là hăng say học hỏi, suy tư và quán tưởng với niềm lạc thú độc nhất vô nhị. Là cách bạn cư xử với các bậc thầy, luôn luôn chào đón trước, đứng lên chấp tay kính lễ. Là tỏ niềm kính trọng và tán dương những người giỏi, vui theo tất cả mọi công đức. Là sự nhẫn chịu người khác khinh bỉ. Là hồi hướng tất cả các thiện hành của mình cho người khác vì

mục đích giác ngộ. Là thường xuyên làm những quyết định sống trong sạch. Là dùng đủ thứ cúng dường để dâng cúng Tam Bảo. Là nhiệt tình đối với thiện hành. Là từ bỏ sự sơ suất, nuôi dưỡng chính niệm tỉnh giác và chế ngự các cánh cửa giác quan. Là biết tiết độ về ăn uống, nỗ lực không ngủ đầu đêm và cuối đêm. Là nương tựa người thánh thiện. Là biết rõ gì là lỗi lầm, và khi đã thấy lỗi thì tránh vi phạm hoặc chân thành phát lộ sám hối. Là duy trì và phát triển mọi việc lành hợp với những thiện hành này.

Và như vậy, nếu bạn giữ Giới Tích Lũy Thiện Hành, thì đời sống giới đức của bạn sẽ trở nên toàn hảo. Vì, dù trong những chuyện nhỏ nhặt, bạn còn không mong cầu lạc thú hưởng hồ là trong những chuyện lớn lao. Giới này chính là trái tim của 10 Ba La Mật, của 4 Nhiếp pháp, 4 Tâm vô lượng và 10 Tâm giác ngộ.

Giới vì lợi ích tha nhân

Giới này có nghĩa rằng bạn phải làm việc lợi lạc cho tất cả hữu tình. Đó là làm một người bạn đối với những người đau khổ, một người điều dưỡng đối với các bệnh nhân vân vân. Đó là làm người dẫn đường cho người mù, dạy dấu hiệu cho người điếc, công những người không có tay chân, làm sạch những người khát khao dục vọng, an ủi những người bị kẻ khác lấn lướt và khinh bỉ, đem thức ăn uống cho người lữ hành mệt mỏi, giúp đỡ y phục và chỗ trú. Đó có

nghĩa là chữa bệnh không biết mệt, và không nghĩ đến sự đền ơn.

Tóm lại, đó là tẩy trừ cho chúng sinh tất cả khổ não và luôn luôn giữ ý nguyện ấy, cùng hồi hướng tất cả công đức ta có được cho lợi ích của mọi người. Muốn biết đầy đủ ý nghĩa của những pháp hành này, bạn cần nghiên cứu Chương Về Giới.

Kiện toàn hành trang

Vì 3 loại giới Bồ tát nói trên thực sự là hành trang công đức, bởi thế Bồ tát cần gấp rút kiện toàn hành trang ấy, nên tôi đã viết :

Do vậy, khi đã nỗ lực tu các giới
Bao hàm Giới Bồ tát trong sạch toàn vẹn
Thì hành giả sẽ kiện toàn được
Chính hành trang để đạt toàn giác. (kệ 33)

Do vậy, cần hiểu rằng muốn thành tựu các công đức, điều kiện của sự đạt đến Toàn Giác, thì phải kiện toàn hành trang cho công đức bằng cách nỗ lực tinh tấn trong Bồ tát giới.

Tinh tấn trong cả hai loại giới

Bằng câu "những giới làm nên bồ tát giới thanh tịnh và toàn vẹn" tôi muốn nói đến cả hai loại giới bồ tát theo hệ thống của bậc thánh Vô Trước và giới bồ tát theo hệ thống của luận sư Santideva. Nếu bạn đã nỗ lực kiên trì trong đạo lộ của cả hai Cỗ Xe Lớn này, tức bạn hoàn thành cả hành trang Phước và Trí, và các bậc thầy nói bạn sẽ được đốn ngộ hoàn toàn. Thầy tôi (Trí Hiền) nói trong Luận 20 bài kệ về giới :

“Ba loại giới này rất có công đức, vì khi tuân hành đúng người ta sẽ đạt đến lợi ích an lạc cho bản thân và cho người khác. Những giới này là vô lượng, vì chúng bao gồm vô lượng học giới của bồ tát. Những giới này có lợi ích, vì chúng hoàn thành lợi ích và hạnh phúc cho tất cả hữu tình. Và người ta có thể hiểu hiệu quả của những giới này vô cùng lớn lao hơn các học giới khác, vì nhờ những giới này mà người ta đạt đến Vô thượng bồ đề, quả báo vĩ đại nhất.”

Năm kết quả

Bây giờ, muốn thọ một học giới như thế từ một bậc thầy thánh thiện và muốn có những công đức căn bản của đạo lộ Hành Trang (Tư lương vị) thích hợp cho một bồ tát, thì người ta phải có sẵn căn cơ thích hợp cho việc ấy từ những đời trước. Vì, như Maitreyanatha nói trong Phân loại Trung đạo và Cực đoan :

"Kinh điển tuyên bố rằng nghiệp thành thực là nhờ các điều kiện:

- (1) Trở thành một pháp khí;
- (2) Sức mạnh nhờ khả năng ấy;
- (3) Mong muốn;
- (4) Sự tăng trưởng và
- (5) Sự tịnh hóa. Đây là những giai đoạn tiếp nhau của hậu quả nghiệp."

Và bậc thầy vĩ đại đa văn Sàntipa giải thích điều này như sau *:

"Vị bồ tát trở thành pháp khí đại thừa trong đời này là do họ đã tu tập vun trồng công đức trong những đời trước. Đây là quả báo dị thực

- (1) Họ trở nên mạnh mẽ là do những gì họ đã làm trong đời này. Đây là quả tăng thượng
- (2) Cũng vì lý do đó mà về sau họ càng mong muốn huấn luyện thêm. Đây là quả Tập quán hay quả giống như nhân
- (3) Sự tăng trưởng lớn lao của họ về Giới trong đời này là quả do người làm
- (4) Sự không tương ứng nơi họ đối với những cấu uế của các chướng ngại gọi là quả Ly hệ (lìa trói buộc)

(5) Bốn loại quả, trừ quả Tăng thượng, được kể là những quả của cùng một loại nhân, nhưng nếu bản kê này là đúng, thì nó chưa đầy đủ. "

(* Sàntipà còn được biết với tên Ratnàkara'santi, nhưng trích dẫn ở đây không tìm được nguyên bản - một luận giải về tác phẩm của Maitreyanàtha - Tuy nhiên năm loại quả này là cách phân chia cổ điển trong các luận về quả xấu tốt của nghiệp: Một là dị thực- vipaka- là quả gặt vào một đời tái sinh về sau ở cõi tốt hay xấu. Hai là quả tăng thượng- adhipati- là những hoàn cảnh bên ngoài hoặc tốt hoặc xấu. Ba là quả do người làm- purusakàra- là hậu quả trực tiếp ngay đời này của những hành động tốt hay xấu, trái với hậu quả Dị thực xa xôi ở trên. Bốn là quả Ly hệ -visamyoga- là quả tất yếu do đạt được tri kiến, nghĩa là sự xóa tan vô minh. Năm là quả tập quán -nisyanda- là tính tình con người lưu giữ những khuynh hướng thiện hay ác nó đã quen từ trước, như kẻ sát nhân sẽ có khuynh hướng sát sinh thêm mạnh, người đã thánh thiện thì càng có khuynh hướng về đạo đức.Ừ

Và bậc đại luận sư Thế Thân nói :

"Vị bồ tát đã phát tâm bồ đề, thì từ đấy về sau, từ đời này sang đời khác gặp những hoàn cảnh sống hạnh phúc, dòng dõi cao quý, đầy đủ các căn, sinh làm người nam, nhớ được đời trước, và không thối lui."

"Vị ấy không hối tiếc vì phải chịu khổ thay cho chúng sinh. Một người phục vụ không mua được bằng tài sản thế gian, chính là vị bồ tát này. Mặc dù có tài năng đặc biệt do

phước đức của một con người vĩ đại, vị ấy không kiêu căng ngã mạn. Vì lòng bi mẫn, vị ấy để cho người khác điều khiển và ở dưới họ như một con chó, một nô tỳ hay một người thuộc giai cấp hạ tiện. Và mặc dù bị người khác khinh bỉ và làm tổn thương, bồ tát vẫn nhẫn chịu tất cả nhọc nhằn đau khổ."

Đây là hạng người mà chúng ta gọi là một Đại thừa bồ tát.

Những dấu hiệu của tâm không thoái chuyển

Kinh điển cũng nói đến những dấu hiệu của tâm bồ đề không hư hoại từ đời này sang đời khác :

"Vì có tâm bồ đề, bồ tát khởi sa vào các ác đạo. Bồ tát tránh sinh vào những vùng biên địa, và thường sinh vào nơi có thánh nhân cư trú. Vị ấy sinh vào giòng họ cao quý, thân hình đẹp đẽ, có tuệ giác vĩ đại, và không bệnh tật. Vị ấy có tâm đại bi."

Do đó, bạn tránh được 8 hoàn cảnh bất lợi (8 nạn) và được 10 điều thuận lợi. Hoặc, những dấu hiệu của tâm bồ đề là tự nhiên có được 6 Ba la mật, vì kinh điển nói: "Một vị bồ tát có được bố thí Ba la mật không cần ai dạy" cho đến "Trí tuệ Ba la mật không cần ai dạy".

Và luận sư Nguyệt Xứng nói:

"Nếu trong khi còn ở địa vị phàm phu,

Một người nghe về Tính không
Mà trong tâm khởi lên niềm vui rạt rào,
Và do hỷ lạc mà vị ấy mất đằm đìa lệt,
Cả thân mình nổi gai ốc;
Thì người ấy chính là kẻ có hạt giống bồ đề
Nên giảng dạy chân lý tối thượng cho họ
Vì từ hạt giống ấy sẽ phát sinh thực chứng."

Luận sư Thế Thân nói điều này như sau :

"Về những trợ duyên cho giải thoát: khi người nào nghe một bài giảng về Vô Ngã hay về những lỗi lầm của chu kỳ sinh tử luân hồi, hay về những đức của Niết bàn, mà tuôn trào nước mắt và nổi da gà, thì người ấy chứng tỏ là có được những đức tính căn bản của Giải thoát phần hay Trợ duyên cho giải thoát - chúng ta có thể chắc chắn về điều này, cũng như thấy mầm lúa ra thì biết hạt giống đã được gieo trong những luống ruộng cày."

Và Kinh Nhập Lăng già nói :

Như nhờ thấy khói người ta biết có lửa;
Và thấy những con cò thì biết nước gần kề;
Cũng thế giòng họ những bồ tát thông minh
Được nhận biết qua các đặc điểm.

Bồ tát sơ phát tâm

Và như vậy, bồ tát sơ phát tâm phải luôn luôn ý thức rằng toàn thể thân, mạng sống và những lạc thú của mình, cùng tất cả hiện tượng trong sinh tử cũng như niết bàn chỉ là một giấc chiêm bao. Như mộng, là Ba ngôi báu mà trong mộng họ đang kính lễ. Như mộng, là dòng sinh tử luân hồi trong đó họ phải khổ đau. Như mộng là những chúng sinh mà tâm đại bi như mộng của họ phải nhọc lòng thương xót. Và như mộng là những chúng sinh mà họ phải kính trọng.

Bồ tát sơ phát tâm phải cứu mang trong tâm mình ý niệm rằng tất cả chúng sinh là chúa tể của mình; Phải cứu mang trong tâm sự bất sinh của tất cả pháp. Phải cứu mang trong tâm Tâm cầu giác ngộ. Phải cứu mang trong tâm sự Chết. Phải cứu mang trong tâm Giới. Phải cứu mang trong tâm sự giải thoát khỏi vật chất. Phải cứu mang trong tâm chính niệm, tỉnh giác, chú ý và cẩn thận tư duy.

Thiện xảo về phương tiện

Lại nữa, bồ tát sơ phát tâm phải luôn luôn thiện xảo về phương tiện bằng cách tư duy như sau :

Xem tội lỗi của mình cũng như tội lỗi của người, và xem tội lỗi người cũng như tội lỗi mình, tôi phát lộ chúng. Xem thiện căn của mình như của người, và thiện căn của người cũng như của mình. Làm cho hạnh phúc của mình thành của người, và làm cho khổ đau của người thành của mình, tôi diệt trừ khổ đau cho người bằng chính sự khổ của riêng tôi.

Khi thấy hay nghe người khác được hạnh phúc, tim tôi vui mừng. Và khi thấy hay nghe họ đau khổ thì tim tôi sa sầm như tim người mẹ, nghĩ "than ôi ! biết đến bao giờ tôi mới cứu thoát chúng khỏi khổ đau ?"

Tôi dẹp bỏ mọi ý nghĩ về việc thế tục. Tôi sẽ không ganh tị với lợi lộc danh dự tiếng tăm của người khác. Khi ở trong gia đình, có sức khỏe tốt, người hầu kẻ hạ, có 5 ngành hiểu biết (ngũ minh), có tài sản danh vọng tiếng tăm, tôi không kiêu ngạo, không khinh người kém hơn mình. Trong khi san sẻ thiện hành của tôi với những người khác, tôi hoàn toàn hồi hướng công đức thiện hành ấy về quả Vô thượng bồ đề; và những thiện hành mà người khác đã san sẻ với tôi, tôi cũng hồi hướng hoàn toàn cho quả Bồ đề vô thượng. Trong khi san sẻ tội lỗi của tôi với tội lỗi người khác, tôi xin phát lộ sám hối từng tội một, và những tội lỗi mà người khác san sẻ với tôi, tôi cũng xin sám hối tất cả."

Hành trì miên mật

Sự tu tập hàng ngày của Bồ tát sơ phát tâm cần phải miên mật không gián đoạn, như Mây châu ngọc nói:

Bồ tát lúc ăn...lúc uống...lúc ra đi ...lúc nằm xuống... lúc nằm nghiêng bên phải... (đều luôn luôn tỉnh giác).

Cần phải tham khảo phần còn lại của kinh này.

Và thệ nguyện của bồ tát cũng không bao giờ gián đoạn, như lời vua Àkà'sa ngày xưa:

Từ hôm nay trở đi
Dù trong tâm tôi còn tham luyến
Tôi cũng sẽ không phản bội chư Phật
Đang ở khắp mười phương.
Từ hôm nay trở đi
Cho đến ngày đạt vô thượng giác
Tôi sẽ không để cho ác ý, giận dữ,
Keo lẩn, ganh tị xâm chiếm tâm tôi.
Tôi sẽ thực hành đời Phạm hạnh
Từ bỏ tội lỗi và dục vọng thấp hèn;
Tôi sẽ làm như Phật làm
Là hoan hỷ trong Giới đức.

Và trong kinh Khuyến khích phát nguyện thù thắng nói:

"Bạch đức Thế tôn, từ hôm nay trở đi, chúng con xin long trọng lập thệ nguyện trước đức Như Lai. Bạch đức Thế tôn, từ hôm nay trở đi, nếu chúng con nói lỗi của một người trong Cỗ xe Bồ tát, dù thật hay hư, là chúng con đã phản bội đức Như Lai, bậc A la hán, Chính đẳng giác..."

Phần còn lại của ý ấy cần nên tham khảo kinh.

Sự hồi hướng công đức của bồ tát sơ phát tâm cũng không gián đoạn: hãy tham khảo bài nguyện Hồi hướng

trong Ánh hoàng kim, Mười hồi hương vĩ đại của bồ tát Vajradhvaja và Hai mươi bài kệ về tích lũy công đức của bậc thánh Long Thụ cùng những sách khác, như chương Hồi hương trong Tiến trình tu tập.

Sự phát nguyện của bồ tát cũng không gián đoạn: hãy đọc Thiện hành, Mười đại nguyện trong kinh Thập địa, Mười hai đại nguyện trong kinh Dược sư Lưu ly Quang Như lai, và Bảy mươi nguyện của luận sư Mã minh vân vân.

Thỉnh thoảng hãy nhớ lại giáo lý bằng 50 ẩn dụ mà Thầy tôi đã sưu tập trích từ toàn bộ kinh điển: (đại thừa) như cha, như mẹ và (bồ tát) như con trai con gái.*

Nghiên cứu kinh điển

Một Bồ tát sơ phát tâm còn cần phải đọc qua ít nhất một lần toàn bộ kinh tạng. Vì sao ? Vì người sơ cơ chỉ mới học một phần nhỏ của phương thuốc và những điều nông cạn, nên cần tham khảo kinh để hiểu cho thấu đáo. Vị ấy cũng cần đọc, lắng nghe, đặt câu hỏi về những sách tóm tắt ý nghĩa các kinh như Toát yếu kinh, Tiến trình Bồ tát hạnh, Chương về Giới và Hai mươi bài kệ Giới. Vì những bậc đại sư trong quá khứ - cũng như những bậc thầy đa văn vĩ đại ngày nay - đã suy tư nhiều về nghĩa lý của kinh đại thừa, nên cũng cần học những bản Luận giải của các ngài, lắng nghe và sao chép.

Vị ấy cũng phải tụng ngày ba lần đêm ba lần kinh Ba Tụ, như kinh Ugra hỏi Phật nói :

"Vị ấy đêm ngày sáu thời, nên tắm rửa mặc y phục sạch sẽ mà tụng Ba tụ (Tịnh Giới)."

Và Chỉ giáo về sự Bất sinh của Các Pháp nói:

"Ngày ba lần đêm ba lần, đầu sát đất, hãy đánh lễ chư Bồ tát."

*(*CT. Giáo lý đại thừa như cha mẹ, nghĩa là Tính không và Tâm đại bi. Không có Bồ tát nào mà không sinh ra từ hai pháp ấy.)*

Và kinh Mây Châu ngọc nói:

"Trước chư Phật và Bồ tát, vị ấy làm lễ đêm ngày sáu thời."

Và trong kinh Ưu ba ly hỏi Phật cũng nói: "Vị ấy phát lộ sám hối ngày và đêm." Bậc thánh Vô trước cũng dạy:

"Bồ tát muốn đạt giác ngộ một cách nhanh chóng, trực tiếp và viên mãn thì đêm ngày sáu thời hãy Kính lễ, Cúng dường, Sám hối tội lỗi, Vui theo công đức, thỉnh Phật ở lâu trên đời, Khẩn cầu ngài chuyển Pháp luân, và Hồi hướng công đức."

Về lợi lạc của những pháp hành nói trên, hãy học các kinh Quán Thế âm, Một trăm bài giảng về Pháp, và Tràng hoa quý báu của Luận sư 'Sura. Tất cả pháp hành ấy phải được làm theo như đã nói trong Sự thực hành thiện xảo, rồi tụng lại kinh Ba tụ.

Những hạng người sơ tâm

Vị Bồ tát thông minh bén nhạy đa văn sẽ triển khai những nghi thức nói trên theo chỉ giáo nhận được từ thầy mình- nhưng chỉ sau khi vị ấy đã an trụ vững vàng trong sự Hành trì thiện xảo. Do đó, Santideva nói trong Tiến trình tu tập:

Ngày ba lần đêm ba lần
Hãy tụng kinh Ba Tụ
Quy y Phật và Tâm bồ đề
Thì mọi lỗi lầm còn lại sẽ dứt sạch.

Vậy, theo những phương pháp ấy, bồ tát quy y Tam bảo và sám hối những tội đã phạm, rồi phát khởi hai loại tâm Bồ đề (bồ đề nguyện và bồ đề hạnh). Vị ấy tự nhủ mình phải tu tập tất cả pháp tu của Bồ tát được giảng dạy trong kinh điển đại thừa. Hãy xin bậc thầy chỉ cho một nghi thức đầy đủ để làm những việc ấy.

Thiền giả nào hàng ngày không thiếu sót những pháp hành nói trên, có thể được xem là có Ba sự thù thắng. Thầy tôi nói như sau:

"Tôi sẽ được hạnh phúc nhờ ba việc thù thắng: thù thắng về Tu tập, về Ý nguyện, và về Nhân đời trước. Thù thắng

trong sự tu tập là tôi không thường phạm tội về thân lời và ý; tôi sám hối những lỗi lầm. Thù thắng về Ý nguyện là tôi được sự kích động của nền Giáo lý, không làm những điều trái ngược như sinh nhai bất chính, vân vân. Và vì chỉ mong đạt Toàn giác, nên tôi không màng hạnh phúc thế gian. Thù thắng về nhân đời trước là do đời trước tôi đã hành thiện, có công đức, nên đời này tôi không thiếu thốn về ăn mặc và những thứ cần dùng. Tôi tự nhiên đã có khuynh hướng san sẻ hạnh phúc với người khác."

Một đệ tử sơ cơ kém trí tuệ thì lúc đầu không nên đi ngay vào con đường nguyện giữ Giới này. Các bậc Thầy bảo rằng, trước hết nên giảng giải tất cả kinh luận cho người ấy để biết phạm vi rộng lớn của Bồ tát tu tập. Khi vị ấy đã nắm vững những điều này, mới làm lễ cho vị ấy thọ giới để bước vào đạo lộ của một người sơ tâm.

Ở đây tôi đề ra một cách xem xét để định mức độ Kính tam bảo, hay Từ bỏ tham luyến, hay Quán niệm vô thường, Tôn trọng Giới pháp, hay tính chân thành tín nhiệm đối với bậc thầy nơi một người nào.

Mười tám giờ trong ngày (4 giờ sáng đến 10 giờ tối) có thể chia thành sáu canh. Nếu trong giờ đầu và giờ thứ hai của Canh sáng (4-5 giờ sáng) có sự vi phạm và giờ thứ ba lại quên Tâm bồ đề, thì nên biết người như vậy thuộc hạng Yếu kém. Năm "Canh" kế tiếp cũng lặp lại sự xem xét ấy.

Hạng người Bậc Thượng thì điều chỉnh lỗi lầm của mình trong từng giờ; người Bậc Trung thường thì điều chỉnh hai

giờ một lần, còn người Bậc Hạ thì đến giờ cuối cùng (của bất cứ Canh nào) mới điều chỉnh.

Trong hạng người bậc Thượng cũng có ba cấp bậc: cấp cao thì tự giác lỗi lầm mình ngay trong phút ấy, cấp vừa thì tự giác hai phút sau, cấp dưới thì đến phút cuối cùng (trong giờ mình vi phạm lỗi lầm) mới ý thức. Cứ theo cách ấy ta có thể xét phân mỗi hạng kia thành ba cấp: bậc Trung cấp cao, cấp vừa, cấp dưới vân vân.

Nhưng cũng có vài luận sư bảo rằng Người bậc Thượng là người tự chỉnh lỗi lầm ngay khi vừa phạm, bậc Trung tự chỉnh sau hai phút hay hơn nữa, còn bậc Hạ chỉ điều chỉnh lỗi lầm mình vào lúc cuối của sáu canh (tức mười giờ đêm.)

Đến đây kết thúc giáo lý về Tu tập Tăng thượng Giới.

Chương 5

Các Thắng Trí

Liên hệ giữa Giới và Định

Con đường Giác ngộ không phải chỉ là vấn đề giữ Giới mà còn phải phát triển Định và Tuệ. Nhưng chính từ nền tảng Giới mà Định được phát sinh. Như Ngọn đèn Trăng nói:

Lợi ích của Giới thanh tịnh là
Hành giả nhanh chóng đạt Định hết khổ sầu.

Và luận sư Sàntideva nói:

“Nhờ Giới mà đắc Định...Bởi thế ta nên hiểu rằng bất cứ hành vi nào liên hệ đến Định kỳ thực là một phần của Giới. Khi nỗ lực để có Định, thì ta phải có chính niệm tỉnh giác....Và khi nỗ lực để tu Giới, ta cũng phải làm việc với Định...Tác dụng hỗ tương của hai thứ này làm cho Giới tăng trưởng, và nhờ cả hai thứ mà người ta đạt đến Tâm Thanh tịnh.

Vậy, vì không thể có Định mà không Giới, nên ta phải nỗ lực tu Giới vì mục đích đắc Định.

Các thắng trí

Nhờ Định phát sinh từ Giới, mà người ta phát triển các thắng trí. Thắng trí là phương tiện vừa để làm lợi ích cho tha nhân vừa để có được Hai thứ Trang bị. Đó là điều tôi muốn ám chỉ khi viết:

Tất cả chư Phật đã dạy rằng
Căn bản của hành trang ấy là Phước và Trí
Và muốn thành tựu hai thứ ấy
Thì cốt yếu phải thành tựu các thần thông. (Kệ 34)

Kiện toàn Hành trang

Tôi sẽ giảng vấn tất vấn đề này
Nếu một người muốn xây dựng Hai trang bị
Và hằng mong làm lợi ích cho người
Nhưng chưa phát triển được thắng trí
Thì chỉ làm việc như người mù,
Và xử sự như kẻ điên -
Quả thật là ngu ngốc vậy.
Chỉ có lợi mình còn không làm được
Làm sao lợi ích được cho người ?

Vì lợi ích cho người

Nguy hiểm của Thuyết giảng

Như con chim với đôi cánh chưa vững
Không thể bay cao trên bầu trời
Cũng vậy không năng lực của thắng trí
Thì không thể làm lợi ích hữu tình. (kệ 35)

Chỉ nhờ tuệ do nghe, chưa đắc thắng trí cũng chưa tu quán để phát sinh tuệ do tu tập (CT. *Ba loại tuệ là văn, tư, tu*) mà lại ra giảng *Giáo lý Phật và thâm nhận đồ chúng, thì quả là việc điên rồ*. Nên có câu: "Không phải điên sao, khi chưa biết lượng sức mình đã ra thuyết giảng?" Hoặc, để trích dẫn từ Khuyến phát Ý nguyện thù thắng nói về việc ham giảng đạo và những hậu quả xấu của nó :

"Ý có học, tâm không cung kính
Ưu nói nhiều, tranh luận gièm pha
Thiếu chính niệm và mất tỉnh giác -
Đây là tệ ác của ba hoa.

Nội tâm vị ấy còn cách xa;
Thân và tâm đều không thanh tịnh;
Sự kiêu căng chuyển thành nhục nhã -
Đây là tệ ác của ba hoa.

Như trẻ yếu tư duy về Pháp
Thiếu từ bi lại còn gay gắt;

Còn cách Chỉ và Quán rất xa
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Tâm thường không kính những bậc Thầy,
Chỉ ưa nói chuyện trò bỉ ổi;
Sống phù phiếm và không trí tuệ -
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Vào giờ chết kêu rên như trẻ
"Thiền ra sao, tôi phải làm sao?"
Khổ đau nhiều trước cái thăm thăm
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Lung lay như ngọn cỏ gió đùa
Độc một niềm hoang mang do dự
Tâm không bao giờ được vững chắc
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Như kẻ đóng tuồng trước khán giả
Màn chê bai đạo đức người ta
Trong khi chính mình ngày càng tệ
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Một kẻ bịp đời đang tuyệt vọng
Mãi về sau vẫn còn ân hận ;

Còn cách nền Diệu Pháp quá xa
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Kém khả năng, ưa được chú ý
Manh động do ngu dốt mà ra
Tính bồn chồn như là vượn khỉ
Đấy là tệ ác của ba hoa.

Ở một đoạn sau, kinh ấy tiếp :

"Người nào ưa nói thật đông dài,
Mà vẫn bảo rằng lời chưa đủ,
Tốt hơn, tư duy về một chữ,
Đem lại niềm thích thú bao la.

Vỏ cây mía thì không mùi vị;
Thơm ngọt đều nằm ở bên trong;
Người nào chỉ chuyên nhai vỏ mía
Thì làm sao biết được mía ngon.

Nói bằng miệng như là vỏ mía;
Tư duy ý nghĩa là vị ngon.
Bởi thế đừng tìm thú đa ngôn,
Mà luôn cố tư duy nghĩa lý."

Cũng kinh ấy nói như sau: Đại bồ tát Di Lặc hỏi đức Thế
Tôn:

"Vị bồ tát nào đã từ bỏ nền Diệu pháp và bận tâm với những hành vi xấu xa thì sẽ có rất ít tuệ giác, và nếu có thì tuệ ấy cũng rất khiếm khuyết."

Và đức Thế Tôn đã trả lời đại bồ tát Di Lặc :

"Này Di Lặc, những lời ông nói đều đúng. Vị bồ tát nào từ bỏ nền giáo lý tối thượng (Vô thượng bồ đề) và bận tâm với những hành vi xấu xa thì có rất ít tuệ giác. Này Di Lặc, tôi sẽ chỉ cho ông, và ông hãy ghi nhớ điều này: những bồ tát nào thiếu nỗ lực tinh tiến, thiếu thiền định và sự từ bỏ, không chịu đọc tụng cũng không cầu học, thì những bồ tát ấy chưa thực sự đi vào đời sống tu hành trong giáo pháp của đức Như Lai. Này Di Lặc, nền diệu pháp của đức Như Lai chỉ mở ra nhờ Thiền định và Từ bỏ. Giáo lý ấy gồm có Trí Tuệ, và vững chắc là nhờ tuệ, và chỉ nhờ nỗ lực tinh cần lớn lao thì chân lý mới được mở ra. Nhưng không thể có sự khai thông chân lý ở trong đời sống tại gia với những rộn ràng của nó và với sự bận tâm về những vấn đề thế tục. Sự tinh cần của người gia chủ bị đặt sai chỗ; vì quản lý công việc và đấu tranh để được những thành tích thế gian là những chuyện làm cho người tại gia thích thú trong vòng tái sinh này. Nhưng bồ tát thì không ham muốn gì những việc như thế".

Nhu cầu thăng trí

Thầy tôi đã nói trong chương về hành trang của Định như sau :

"Vị bồ tát nào mới học giáo lý thì chưa nên giảng dạy. Kinh điển không dạy chúng ta rằng muốn giúp đỡ người khác ta chỉ cần học giáo lý, mà trước đó không đắc các thắng trí...Bởi thế ta không nên giảng Pháp chỉ nhờ đa văn. Khi có được các thắng trí, thì ngay từ đầu chúng ta đã có thể sẵn sàng đi tìm an lạc cho người khác...Người nào không thể thành thực môn đệ do thiếu thần thông, thì chính là bản thân đang chìm vào cõi chết."

Luận sư Santideva nói :

Mọi người đều có những gì họ thích,
Ngay Phật cũng không vừa lòng họ được,
Nói gì đến một kẻ như tôi ?
Bởi thế hãy bỏ ý muốn vừa lòng thế gian.

Bậc đại luận sư Long Thọ cũng nói về đề tài này như sau:

Khi bạn đã có được năm thắng trí-
Năng lực sẽ theo bạn trong tất cả tái sinh-
Thì nên luôn luôn nỗ lực đem lại
An lạc hạnh phúc cho tất cả hữu tình.

Sự cần thiết của một bậc thầy

Nhưng muốn tu quán mà không có sự chỉ dạy của một bậc thầy, chỉ dựa vào sự nghiên cứu kinh điển, là điều đại kỵ: dù bạn có thiên định tinh cần nỗ lực bao nhiêu, thắng trí

cũng không phát sinh, chính vì bạn chưa đạt đến toàn giác. Trong các luận giải về đề tài này, bà la môn Saraha vĩ đại nói trong tác phẩm Các loại chân lý tối hậu :

"Cái mà chúng ta gọi là chỉ giáo của bậc thầy chính là tinh chất cam lồ. Bất cứ người nào chưa uống cho thỏa thích thì chắc chắn phải chết khát - như một người ở giữa một sa mạc đầy cả khái luận."

Và bậc thánh Long Thọ cũng nói :

"Một người có thể nghiên cứu rất nhiều mật điển, và lại còn tự thanh luyện mình một cách chính xác theo Kinh, nhưng lại không theo một bậc thầy, thì vẫn không nắm vững được Kinh ấy. Người ấy chỉ có tự hại mình và nói ra không có thẩm quyền uy tín. Với người ấy kinh điển chỉ là lý do để tranh luận."

Liên hệ đến tịnh chỉ

Hai bài kệ bắt đầu với các câu: "Công đức mà một người có thần thông đạt được trong một ngày..." (kệ 36-37) cũng nói tiếp một đề tài như những bài kệ trước. Do vậy, sự giác ngộ hoàn toàn và lớn lao này tùy thuộc vào hai hành trang là Phước và Trí; và hai loại hành trang này lại tùy thuộc vào sự làm lợi lạc hữu tình; mà lợi lạc hữu tình lại tùy thuộc vào Thắng trí hay thần thông. Nhưng Thần thông lại tùy thuộc vào Tịnh chỉ; và Tịnh chỉ là thuộc vào Giới; đó là lý do tôi

dạy Giới trước tiên. Và cũng vì Tịnh chỉ phát xuất từ Giới, Thần thông khởi lên từ Tịnh chỉ mà tôi viết :

Khi người ta chưa đạt đến tịnh chỉ
Thì thắng trí không thể phát sinh;
Bởi thế muốn thành tựu tịnh chỉ
Thì phải luôn luôn nỗ lực tinh tiến. (kệ 38)

Tịnh chỉ

Các thắng trí khởi lên từ Tịnh chỉ, nên trước hết bạn phải đạt Tịnh chỉ. Những thắng trí hay thần thông là (1) Thiên nhãn, (2) Thiên nhĩ, (3) Tha tâm, (4) Túc mạng, (5) Thần túc, (6) Lộ tận.

Chín thành phần của Tịnh chỉ

Người nào xao lãng những thiền chi
Thì dù có nỗ lực để thiền quán
Trong hàng ngàn năm
Cũng sẽ không bao giờ đắc định. (kệ 39)

Có chín thành phần của Tịnh chỉ (thiền chi) khởi đầu là từ bỏ, theo cách trình bày của thầy tôi. Câu "xao lãng các thiền chi" ám chỉ 9 chi phần mà thượng tọa Trí Hiền đã nói trong Chương về hành trang của Định. Chín chi phần ấy

thích hợp cho người nào chưa đạt đến Tịnh chỉ. Chín chi phần là :

"(1) Từ bỏ, (2) Chuẩn bị, (3) Tránh né, (4) Đàn áp phiền não, (5) Không toại ý (với thế tục), (6) Ý thức về lợi lạc, (7) Tinh cần, (8) Hội nhập, (9) Phương tiện để duy trì. Không những chỉ học những chi phần này, người ta còn phải an trú trong đó một cách đúng điều.*

*(*CT- Chín chi phần này là phần toát yếu mở đầu toàn bộ luận của ngài Trí Hiền. Vắn tắt, ý nghĩa của mỗi chi phần như sau: Một là từ bỏ đời sống thế tục, hai là chuẩn bị tu thiền định bằng cách học hỏi với một bậc thầy. Ba là tránh sự nỗ lực quá sớm - muốn tìm an lạc hạnh phúc cho tha nhân trong khi bản thân chưa đạt thực chứng. Bốn là đàn áp hay dẹp bỏ những lo phiền thế tục. Năm là bất mãn với cuộc đời này. Sáu là nhớ nghĩ đến những lợi lạc của định. Bảy là chuyên cần tinh tấn trong nỗ lực để đắc định. Tám là hòa nhập Tịnh chỉ hay Định với tri kiến thù thắng. Chín là những phương tiện để an trú hay duy trì tất cả các đức tính nói trên.*

Điều đáng chú ý là Atisha không kể ra đây 9 trạng thái tâm ở trong Định gọi là tâm-trú mà Vô Trước đã kể trong tác phẩm Trình độ Thanh văn. Chín trạng thái tâm này rất nổi tiếng đối với các tăng sĩ Tây Tạng qua tác phẩm Lam Rim của Tsongkapa, trong đó chúng được mô tả dài dòng. Có lẽ Atisha cảm thấy giáo lý này quá cao đối với thính giả của ngài.)

Bạn phải tham khảo ngay Chương ấy để hiểu nghĩa từng chi phần.

Những khuyết điểm của Định và cách chữa trị

Nhưng ở đây tôi sẽ viết một ít về ý nghĩa của chi phần cuối cùng, theo trong chương thầy tôi đã viết :

“Khi một người đã có được 8 chi phần đầu, và kiếm được chỗ ở và thực phẩm thích hợp, có được lối sống và y phục thích nghi, bạn tốt, vị ấy nên ổn định tâm mình...Nếu không thể đắc định, thì lại nỗ lực để trang bị phước đức, làm những việc như đọc kinh Bát nhã, lễ bái cúng dường, kinh hành...Khi vị ấy không tập trung tâm được, thì cần phải đào luyện 8 thói quen tốt để tránh những chướng ngại cho định.”

Tác phẩm Phân loại trung đạo và cực đoan nói như sau :

"Có 5 lỗi trong khi thiền định: (1) Biếng nhác, (2) Không nhớ những chỉ giáo về Định; (3) Lo lắng bồn chồn; (4) Không đạt đến một mức độ; (5) Đạt đến chỗ sai lạc. Có 8 thói quen để chữa trị 5 khuyết điểm này: (1) Ham muốn đối với Định, (2) Nỗ lực duy trì Định, (3) Đức tin làm nhân, (4) Và hậu quả của nó là tự tín, (5) Chánh niệm, (6) Ý thức về nỗi bồn chồn lo âu của mình, (7) Có thói quen tránh những khuyết điểm ấy, và (8) Thực sự đi vào trong trạng thái an chỉ.

Tác phẩm Trang hoàng kinh điển nói :

Việc đầu tiên là nỗ lực;
Việc thứ hai là gia tăng nỗ lực;
Việc thứ ba là tập trung chú ý;
Việc thứ tư thực là thuốc (Tịnh chỉ)

Một số người giải thích 5 lỗi của thiền định là: (1) Tham, (2) Sân, (3) Hôn trầm thụy miên, (4) Trạo hối, (5) Nghi. "Hôn trầm thụy miên" bao gồm những thứ như mệt mỏi, không hăng hái, bồn chồn, thiếu ăn, lừ đừ trong tâm. Những điều này làm cho tâm xuống dốc. Phương pháp chữa trị là: suy nghĩ sáng suốt. "Trạo hối" bao gồm những chuyện như nhớ bà con thân thuộc, hoài niệm về những trò vui đã qua, sự phập phồng lo sợ và những thói nhẹ dạ bay bướm. Những thứ này không làm cho tâm an tịnh; và liều thuốc chữa trị chúng là Tịnh chỉ.

Các đề mục Tịnh chỉ

Thì mới có thể đặt tâm đã viên mãn giới
Tập trung vào đề mục nào mình chọn. (kệ 40)

Ở đây "đề mục" là đối tượng của tâm, như được nói trong
Tinh Yếu của Trung đạo :

"Tâm như một con voi hoang
Hãy buộc bằng sợi thừng chánh niệm

Vào cây cọc vững chắc là Đề Mục;
Rồi hãy đặt tâm trong Tịnh chỉ."

"Vào đề mục nào mình chọn" là ám chỉ định có tướng cũng như định không tướng. Như thầy tôi nói trong Chương Hành trang của Định :

Định gồm có hai, có tướng và không tướng.

(1) Định có tướng cũng gồm hai, tướng bên trong và tướng bên ngoài. (a) Tướng bên trong cũng gồm hai, là những đề mục trên thân thể và những đề mục thuộc về thân thể. Có 3 đề mục trên thân thể là: quán thân thể như hình ảnh một vị trời; quán bất tịnh như bộ xương...; hay một tướng đặc biệt như một hình có chia ba (UT-Biểu tượng của đức Liên Hoa sinh được Phật tử Tây Tạng xem như Phật).

Có 5 đề mục liên hệ đến thân thể *là: Hơi thở, Các tướng vi tế, Giọt tinh chất, Tay chân bằng ánh sáng, và Hỷ lạc.

*(*Năm đề mục mà ngài Trí Hiền nêu ở đây là đề mục quán thuộc mật tông, người chưa thọ pháp khó hiểu. Chúng dựa trên ba khái niệm căn bản của pháp Du già là Khí - prana, Tinh- Bindu, và Tướng vi tế - nimitta, nhưng còn thêm những mật nghĩa)*

(b) Tướng bên ngoài gồm 2 loại, loại đặc biệt và loại thông thường. Loại đặc biệt là như thân Phật hay lời của Phật...

(2) Định không tướng cũng như Tuệ Trạch Pháp, từ đó khởi lên vô tướng tăng thượng tri kiến, nghĩa là sự hiểu biết

không cần lý luận lời thôi dài dòng... Những bậc thầy khuyên rằng, thay vì an trú trong định có tướng, người ta hướng đến sự phát triển Tăng thượng Tri kiến bằng cách trước hết tập trung vào định không tướng. Vì chỉ khi an trú vững chắc trong Tăng thượng Tri kiến phối hợp với Tịnh chỉ (Định) mà những phiền não nhiễm ô hoàn toàn được tịnh trừ và niết phục.

Tôi không mô tả ở đây cách thức làm thế nào để thiền quán vì sách sẽ quá dày, lại vì sự hướng dẫn trong việc tu quán cần có một bậc thầy kinh nghiệm đích thân chỉ giáo. Hơn nữa, những chỉ giáo chi tiết về Định và Tăng thượng Tri kiến cần phải được giải thích, không thể học tu quán từ trong sách được.

Sự tu tập của một thiền giả

Tất cả bậc thầy đều nói rằng người nào đã đắc định chắc chắn sẽ có 5 loại thần thông đã nói trước đây. Và muốn đạt đến kết quả ấy, bạn cũng nên ghi nhớ những học giới trong kinh Những câu hỏi của Quán Thế Âm, và thỉnh thoảng nên tụng kinh ấy. Bậc thánh Vô Trước nói :

"Một bồ tát muốn nhanh chóng đạt đến các thắng trí, thì phải chuyên cần ngày 3 lần đêm 3 lần Kính lễ, Cúng dường, Sám hối, Vui theo, Thỉnh Phật ở lại đời, Khẩn cầu ngài thuyết Pháp và Hồi hướng công đức".

Và vị ấy cũng cần có những hành trang của Định như ít muốn, đạ̣m bạ̣c, hỷ túc và đọ̣c cư. Một thiền giả trú trong Tịnh chỉ đựng nhiên ít ham muốn và sống đạ̣m bạ̣c; như kinh Bát Nhã Bách Thiên Tụng (100.000 bài tụng trong kinh Bát nhã) nói :

"Tỳ kheo nào bắt đượ̣c dù chỉ một ít hương vị của thiền định, thì ít nghĩ đến y thực, nhưng làn da của họ vẫn sáng sủa."

Pháp thiền của những bồ tát ấy là để đạ̣t đến Bảy Gia Tài Cao Quý (Thất thánh tài) khi họ đã từ bỏ ham muốn đối với tài sản thế tục. Họ luôn luôn đệ̉ trong tâm Sáu Niệm và thực hành vắn tắt 3 pháp: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng...

Và bồ tát đượ̣c chia làm hai hạng căn cơ: lanh và chậm. Chánh niệm dành cho hạng lợi căn cần đượ̣c tham khảo trong các kinh như Bát nhã ba la mật, Kinh Niệm Phật, Kinh Kho tàng thiên giới...Chánh niệm dành cho những người độn căn cần tham khảo trong các kinh Phát sinh tín lực, Kinh Niệm Phật Pháp Tăng... và các Kinh khác trong Tạng kinh Đại thừa.

Chương về niệm Tam bảo trong Toát yếu tu tập cũng cần đượ̣c học, bởi vì luận này giải thích tư tưởng đằng sau các kinh ấy.

Tăng thượng tri kiến cũng đến với một thiền giả thực hành Tịnh chỉ, và đây là đề tài tôi sẽ giải thích kế tiếp. Sự

thực hành thiền định và Tăng thượng tri kiến được gọi là "Những gì còn lại trong đạo lộ"; và từ đây người ta dần dần tăng trưởng về :

Bốn niệm xứ- Bốn chánh cần- Bốn thần túc- Năm căn- Năm lực- Bảy giác chi-Tám thánh đạo.

Đến đây hoàn tất giáo lý về Tu tập Tăng thượng định.

Chương 6

Tuệ giác và Phương tiện

Viên mãn về Tuệ

Nhờ trí biết phối hợp Phương tiện với Tuệ giác mà người ta hội nhập và kiện toàn được hai hành trang Phước và Trí. Khi tư duy điều này, tôi viết những bài kệ khởi từ

Nhưng chướng ngại vẫn chưa tiêu diệt

Nếu không có sự viên mãn Tuệ. (41b)

Định tự nó không thể tẩy trừ Nghiệp cùng phiền não và quả dị thực của nghiệp, hoặc Chướng ngại do mê mờ về các pháp.(*)

Chỉ khi được khám phá và tẩy trừ với Tăng thượng tri kiến thì những thứ này mới bị phá hủy.

() Thiền gồm hai loại, Chỉ là các phương pháp để tập trung tâm lại; Quán là dùng Tăng thượng tri kiến để thực sự tẩy trừ các chướng ngại cho giải thoát, vượt qua vô minh.*

Bởi thế bạn phải y cứ vào Tăng thượng tri kiến. Đó là ý nghĩa bài kệ tiếp theo:

Bởi thế, muốn trừ tất cả chương ngại
Do phiền não và do cái biết
Thì hành giả phải liên tục đào luyện
Tuệ viên mãn cùng với Phương tiện. (kệ 42)

Phối hợp Tuệ và Phương tiện

Tôi sẽ giải thích đầy đủ hơn về Tuệ giác và Phương tiện. Khi tôi nói "Kinh điển dạy rằng sở dĩ còn bị trói là vì..." tôi ám chỉ điều được nói trong cả hai bản kinh Núi Gayà và kinh Vimalakirti khái thỉnh :

Tuệ giác là Phương tiện là trói buộc
Phương tiện là Tuệ giác cũng là trói buộc. (Ot.43)

Và để dẫn chứng cho lời kệ "Bởi thế, đừng xao lãng sự phối hợp này" (kệ 43) tôi trích ngài Jnànakirti (Trong Chỉ giáo về Các bước tu Quán trong Bát nhã thừa, Ot. 5456, vol.103):

"Nhờ các Phương tiện là Bồ thí và các Ba la mật khác, mà người ta thực sự tiến tu về tinh túy của Trí tuệ ba la mật." Kinh Núi Gayà tóm tắt Bồ tát đạo chính là sự phối hợp này: "Đó là Phương tiện và Trí tuệ." Rồi kinh ấy phân loại Phương tiện gồm có Bồ thí ba la mật và những ba la mật còn lại, Bốn tâm Vô lượng, Bốn cách thâm hóa (thâm nhận để hóa độ, tức bốn nhiếp pháp), vân vân. Kinh Aksayamati khái thỉnh và Mây Châu ngọc cùng những kinh khác cũng nói như

vậy. Nhưng chính Trí tuệ là yếu tố định mức những Phương tiện ấy một cách hữu hiệu và chính xác. Khi nó phân tích các phương tiện một cách chính xác, thì chúng có hiệu quả; và bởi thế khi người ta áp dụng chúng để tự lợi và lợi tha, thì tuyệt đối không đưa đến phiền não - như thể là người có thần chú kỳ diệu. Lại nữa, cũng Kinh ấy nói: "Phương tiện được gọi là thân góp; Trí tuệ được gọi là định đoạt một cách chính xác." Và luận Khởi Tín nói: "Phương tiện thiện xảo là gì ? Đây là tập trung tất cả công đức. Và gì là Trí tuệ ? Đó là thiện xảo để biết rằng tất cả pháp không có phân biệt*."

(*Vô phân biệt, asambhinna. *Vạn pháp trong thực chất tối hậu là Tính không, mất hết cơ sở để phân biệt cái này với cái khác.*)

Sự phối hợp là cần thiết

Ngay cả một bồ tát đã đăng địa cũng phải y cứ vào cả hai Phương tiện và Trí tuệ; bởi thế đây không chỉ là vấn đề tri thức. Chính vì lý do đó mà những Kinh như Mười địa vị Bồ tát nói: "Thật sai lầm nếu không tu tập các pháp Ba la mật khác...Ở cả 10 địa vị bồ tát, vẫn phải thực hành tất cả các Ba la mật"(Ot.761)...Và khi có một bồ tát đặc biệt thích thú sự thực hành Trí tuệ Ba la mật, Kinh Toát Yếu Các Pháp nói về vấn đề này:

"Này Di Lặc, 6 Ba la mật cần phải được bồ tát liễu tri. Một số người ngu nói rằng một bồ tát chỉ cần tu tập trí tuệ

Ba la mật, không cần những Ba la mật khác. Vì nghĩ thế, chúng khinh thường các Ba la mật khác...*

Không tìm thấy trong Mục lục Kinh tạng Tây tạng, nhưng nhan đề kinh và đoạn này đều rút từ tác phẩm của Santideva

Và kinh Sự Giác Ngộ Toàn Triệt của đức Ấại Nhật nói:

"Trí tuệ của một đấng Biến Tri có gốc rễ trong tâm đại bi, và với tâm bồ đề làm nhân, đã viên mãn các phương tiện." (*Ot. 126, vol 5*)

Vì sự thể là như vậy, nên vào mọi lúc, người ta phải y cứ vào cả hai, Phương tiện và Tuệ giác. Và đó là cái cách mà đức Thế Tôn đã hoàn tất Vô trú Niết bàn của ngài. (*Niết bàn vô trú là niết bàn Đại thừa, ngoài hai thứ niết bàn hữu dư và vô dư - của Tiểu thừa.*) Nhờ viên mãn về Phương tiện, tức bố thí ba la mật... mà ngài đã đạt đến quả báo thù thắng là Báo thân* cùng hoàn cảnh và quyền thuộc thù thắng, nên ngài không ở trong Niết bàn. Nhờ viên mãn về trí tuệ, gạt bỏ những gì giả dối, nên ngài cũng không thực sự ở trong sinh tử, vì thực chất của sinh tử chính là hư dối.

Khi Kinh trên nói: "Nếu mọi người biết hàng tá những bảng liệt kê dài dòng các pháp **, mà còn phải từ bỏ tất cả, thì những phi pháp còn nhiều hơn." - Điều muốn nói ở đây là, người ta nên từ bỏ sự bám víu vào những gì giả dối trong các pháp; chứ không phải nên tiếp tục hiện hữu vì nhu cầu của

kẻ khác. Người ta chỉ nên nương vào chân lý, đó là ý nghĩa câu "đừng bám lấy những gì giả dối !"

(* Sắc thân đại lạc tức Báo thân, một trong Ba thân Phật là Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.)

(* Nói đến cách phân loại chi ly các pháp theo Luận Cu Xá của tiểu thừa - như năm uẩn bốn đại... - để thấy vô ngã. Nhưng đại thừa cho rằng cách phân tích để thấy Tính không như vậy cũng chưa giải thoát tâm ra khỏi vô minh, vì cần phải thấy ngay cả các thành phần ấy cũng không thực chất.)

Và như thế :

Vào mọi lúc hãy căn cứ vào Phương tiện
Cùng với Trí tuệ ba la mật;
Bởi vì nhờ đó và từ đó
Mà đạt được Vô trú Niết bàn.

Trên đây là những gì Jnànakīrti (Trí Xứng) và những nguồn tham khảo của ngài nói. Và thầy tôi cũng thêm :

"Nếu đúng như vậy, thì ta nên có cả Phương tiện lẫn Trí tuệ vào mọi lúc, và nên tích lũy cùng hội nhập những hành trang Phước và Trí".

(Bodhibadra, sđd., tr 253.)

Khác nhau giữa Phương tiện và Trí tuệ

Sau khi chỉ rõ tầm quan trọng của sự phối hợp Phương tiện và Trí tuệ, bây giờ tôi giải thích hai thứ ấy là gì :

Muốn tịnh trừ những hoài nghi thắc mắc
Gì là Tuệ giác, gì là Phương tiện
Tôi sẽ giải rõ sự khác nhau
Giữa Phương tiện và Tuệ giác.(kệ 44)

Tôi nói "tẩy trừ những hoài nghi" bởi vì các bậc thầy vĩ đại ngày xưa có những lối giải thích khác nhau về 2 thứ này. Chẳng hạn, một vài bản luận nói:

Phương tiện là tâm đại bi
Của bồ tát đối với hữu tình;
Thành phần của nó khác nhau
Tùy theo ba khía cạnh (*)

Lại có những bản luận khác nói "Phương tiện là tâm bồ đề trong khía cạnh tương đối của nó(**)".

Nhưng trong bản văn gốc, tôi đã trình bày những gì mà thầy tôi nói về vấn đề này :

Các đấng Chiến thắng đã giải thích
Phương tiện là mọi trang bị về Giới
Khởi từ Bồ thí ba la mật
Và các thứ khác, trừ trí tuệ ba la mật. (kệ 45)

(* Ba khía cạnh là Chủ thể, Hành vi, Đối tượng.)

(*Bồ đề tâm tương đối là bình diện tục đế của tâm bồ đề, ví dụ tâm đại bi, vì còn có chủ thể đối tượng. Còn bồ đề tâm tuyệt đối hay bình diện chân đế của nó là Tính không.)

Bố thí ở đây được phân biệt theo ba phương diện nói trên là: (a) người cho, (b) vật cho, và (c) Đối tượng của sự cho. Người ta có thể là một Người cho vì lợi lộc, vì danh dự, vì tiếng tốt, vì sự vinh quang; hoặc vì người ta bị nhiều người vây bủa; hoặc vì thương xót, hoặc để tỏ lòng kính trọng ...Vật cho có thể là Giáo pháp hay tài sản vật chất hay sự không sợ hãi hay từ tâm. Đối tượng của sự cho có thể là Ba ngôi báu, hay một bậc thầy hay bất cứ chúng sinh nào trong năm đường.

Mật điển nói nhiều về bố thí với những câu như "sáu mươi ngàn Thủ Đà La sản sóc một vị bà la môn thanh tịnh" và Kinh điển cũng thế. *Một trăm bài giảng về giáo lý khi nói về "không nên tựa một bậc thầy ngoại đạo làm bạn lành",* ...Trong Mật điển Du Già nhan đề Chỉnh phục ba cõi, đức Thế tôn nói :

"Có sự cho một pháp gia trì hay giáo lý, cho tài sản, cho thực phẩm, cho sự không sợ hãi và cho tình thương. Và những quà tặng này theo thứ tự, được đem cho đệ tử, cho người tâm chưa cảnh giác, cho khát sĩ, cho bà la môn, người nghèo, súc sinh, người yếu đuối và tất cả chúng sinh."

(Ot. 115, Vol. 5)

Câu tôi viết "khởi đầu từ bố thí" chỉ rõ rằng các đấng Chiến thắng cũng giải thích những ba la mật khác. Về Giới ba la mật, ví dụ Phật dạy rằng có giới của một bồ tát sơ phát tâm, của bồ tát đã đi vào con đường thực hành (Gia hạnh vị), của bồ tát Bất Thối, của bồ tát đã đạt đến trình độ Nhẫn vì (thấy rõ) các pháp không sinh, của bồ tát chỉ còn một đời tái sinh (nhất sinh bổ xứ) và của một bồ tát trong đời sống cuối cùng của vị ấy*.

"Phương tiện là tất cả hành trang về phước" chỉ rõ rằng những đoạn kinh luôn luôn giải thích tuần tự những Ba la mật còn lại. Bạn phải tham khảo chính các kinh điển ấy để hiểu trọn vẹn ý nghĩa của những Ba la mật này, và những luận khác làm sáng tỏ các Kinh ấy như: Toát Yếu Kinh, Các Cấp Bực Bồ Tát, Tiến Trình Tu Tập, Toát Yếu Tu Tập, và Luận Về Các Pháp Ba La Mật của luận sư Sura.

Đề tài của bài kệ này đã rõ:

Người nào phối hợp Làm chủ Phương tiện
Với Chân chính tu tập Tuệ Bát nhã
Thì sẽ mau chóng đạt giác ngộ
Không phải chỉ nhờ tu vô-ngã. (kệ 46)

(* Năm hạng bồ tát ở các giai đoạn tu tập khác nhau theo trong tác phẩm này là: Phát tâm, Gia hạnh, Bất thối, Bồ tát Vô sinh nhẫn, và Bồ tát Nhất sinh bổ xứ. Xem lại chương hai.)

Tuệ là gì ? Tuệ có thể là do bẩm sinh, do học hỏi, do tư duy và do thiền quán - hoặc như Kinh nói:

"Người nào thâm nhập cái bất biến
Trong danh từ và trạng thái của mọi hành,
Thì tuệ của người ấy đáng được gọi là
Tuệ của tâm kim cương."

Tuệ là như thế. Và tôi tiếp tục nói trong bản văn gốc:

Tuệ giác được giải thích đầy đủ
Là biết Tính không, không thực chất nội tại.
Khi hiểu rằng các Uẩn,
Và Xứ và Giới vốn không sinh. (kệ 47)

Mọi pháp trong và ngoài đều bao gồm trong Uẩn, Giới và Xứ ; như đức Thế Tôn đã nói: "Này Bà la môn, Uẩn Giới Xứ là tất cả những gì muốn nói trong danh từ tất cả pháp". Tôi sẽ giải thích từ ngữ "không sinh" về sau; nhưng câu "giải thích đầy đủ" có nghĩa là chư Phật và các bậc thầy đều nói như vậy. Và ở đây tôi thêm :

Các Ba la mật và Bốn nhiếp pháp,
Bốn tâm vô lượng và Bảy giác chi,
Mười thiện hành và những công đức khác,
Bảy thánh tài và Sáu niệm;
Dâng cúng Mandala và kinh hành -
Đều là phương tiện, lý do để đạt đến
Báo thân và Hóa thân
Nhưng chỉ Bát nhã ba la mật

Là có Tuệ làm nhân cho Pháp thân.*

(Ở đây muốn nói Phương tiện tự căn để, là một luyện tập tâm Đại bi mà các đấng Giác ngộ chọn để tiếp tục sự nghiệp các ngài là độ thoát tất cả hữu tình. Do đó, Phương tiện là Ứng thân để làm việc ở cõi Dục và Sắc, và Báo thân để làm việc ở các cõi Vô sắc.)*

Bốn bằng chứng lớn về Tính không

Này thiện nam, phương pháp nào sẽ đưa đến một kinh nghiệm trực tiếp về tuệ giác này ? Tôi nói rằng, chính là nhờ dùng bốn Bằng chứng lớn*. Đó là những gì ? Chính là :

- (A) Bằng chứng Bốn Cực Đoan bác bỏ sự Sinh;
- (B) Bằng chứng Hạt Kim cương;
- (C) Sự thiếu tính Một hay Nhiều;
- (D) Bằng chứng duyên sinh.

Tôi trả lời câu hỏi của bạn về những bằng chứng trong 4 bài kệ tiếp theo 48-51.

(* Bốn bằng chứng này tóm tắt bài kệ mở đầu Trung quán luận kệ của Long Thụ: Bất diệt bất sinh, Bất đoạn bất thường, Bất nhất bất dị, Bất lai bất khứ. Anirodham-anutpàdam/anucchedam-asàsvatam/ anekàrtham-nàràr tham/ anàgamam-anirgamam. Ở đây bằng chứng Bất đoạn bất thường là quan trọng nhất để mô tả hiện hữu, nên gọi là hạt kim cương.)

Bốn cực đoan

Sự sinh khởi của một hữu đã không thể có
Của một phi hữu như hoa đốm hư không*

Một vật vừa có vừa không hoàn toàn vô lý
Cũng vậy không thể cả hai đều không. (kệ 48)

Đây là bằng chứng để bác bỏ sự Sinh trong bốn cực đoan, trong đó tôi chứng minh rằng bất cứ pháp nào đã hiện hữu thì không sinh, bởi vì nó đã sinh. Và những pháp không hiện hữu cũng sẽ không sinh, bởi vì không thể tự sinh, và cũng không do nhân gì sinh. Giả thuyết thứ ba, "một pháp vừa có vừa không" thì hoàn toàn vô lý. Luận sư Sântideva cũng nói về đề tài này như sau:

Tại sao phải tạo các nhân
Cho một cái gì đã hiện hữu ?
Hoặc, nếu nó không hiện hữu,
Thì cần gì tìm nhân ?

Dù một trăm triệu nhân
Cũng không đổi được từ không thành có ;

*(* Hư không hoa, kha-puspam, trong lý luận cổ Ấn, chỉ sự mâu thuẫn về danh từ, cũng như lông rùa, sừng thỏ, con của thạch nữ, vân vân.)*

Vì cái có như vậy không là thực có
Và có gì khác hơn cái đang là ?

Nếu thực thể không có vì không hiện hữu;
Vậy một thực thể (hữu) sinh lúc nào?

Không thể tách rời Phi hữu
Bằng một phi hữu !

Nếu không tách rời khỏi Phi hữu
Thì một Hữu không cơ hội nào có được.
Vì như vậy thành ra phi lý
do Mâu thuẫn nội tại:
một vật vừa có vừa không!

Diệt cũng thế, không hiện hữu;
Cũng không có cơ sở cho trường tồn.
Do vậy tất cả chúng sinh
Đều không sinh cũng không diệt
(BCA: IX, 146.)

Và Ngài tiếp tục như vậy về đề tài này.

Hạt kim cương

Trong bài kệ này tôi đưa ra Bằng chứng Tuệ giác Kim cương

Vì một thực thể không sinh ra từ chính nó
Không sinh từ cái khác, hoặc từ cả hai,
Cũng không phải không do nhân gì sinh,

Bởi thế nó không tự tính,
vì không bản chất nội tại. (kệ 49)

Và như vậy những người chủ trương một đấng sáng tạo bên trong hoặc bên ngoài, như là một Ngã, hay Định Mệnh hay Tự Tại Thiên, hay Thần Ngã, hay Nghiệp, hay Thật, hay Đức hay Phạm Thiên, hay Vi Nữ*- hoặc ngay cả những người trong các tông phái của chúng ta chủ trương phát sinh do Sáu Nhân và Bốn Duyên ** - tất cả đều sai lầm trong sự thấy biết của họ. Để bác bỏ những quan điểm ấy, Long Thọ đã nói trong tác phẩm của Ngài nhan đề Bát Nhã Trung Quán Luận Kệ:

(Những nguyên lý tối hậu, theo các truyền thống chính của triết học Ấn độ, như: Ngã tối cao, chủ trương của phái Vedanta; Định mệnh, chủ trương hoài nghi của cả hai phái Carvaka và Ajivaka; Tự tại thiên, của Nyaya-Vaisesika; Thần ngã của Số luận; Ba nguyên lý Brahman, Visnu, Siva của Vệ đà, Nghiệp của nhiều học phái kể cả đạo Phật, v.v..).*

(Sáu nhân, Bốn duyên là chỉ thuyết của Tiểu thừa cho thực có các yếu tố tối hậu thành phần tạo nên các pháp)*

Không bao giờ có các pháp
Trong đó hiện hữu sự sinh khởi,
Từ chính nó (tự sinh), từ cái khác (tha sinh)
Từ cả hai, hoặc không nhân.

(Ot. 5224, vol. 95)

Nhưng bạn phải nghiên cứu chính bản luận ấy để hiểu rõ điều này, cũng như sáu bộ luận lớn và hai luận phụ thuộc, cùng với các tác phẩm Trung Quán Luận.

Tính Một và Nhiều

Tôi trình bày bằng chứng Thiếu tính Một và Nhiều trong bài kệ 50 :

Lại nữa, nếu phân tích các pháp
Theo tính Một hay Nhiều
Ta không thấy hiện hữu riêng rẽ
Nên quyết định bản chất nội tại là phi hữu.

"Lại nữa" có nghĩa rằng tôi đang còn dạy cho bạn về các Bằng chứng. Ý nghĩa "phân tích các pháp theo Một hay Nhiều" có thể được giải thích bởi luận sư Sàntaraksita:

Các pháp tự và tha
Theo đúng nghĩa, không bản chất nội tại;
Và vì chúng thiếu tính Một và Nhiều,
Vì không tự tính, chỉ như bóng trong gương.

Bậc thầy Srìgupta cũng nói như sau:

Toàn thể pháp trong và ngoài này
Theo thật nghĩa vốn không tự tính;
Và vì nó thiếu tính Một hay Nhiều,

Nên nó như một cái bóng phản chiếu.

Nhưng đây cũng thế, bạn phải nghiên cứu những bản luận để biết ý nghĩa trọn vẹn.

Duyên khởi

Bằng chứng Duyên Khởi được nêu như sau:

Bảy mươi bài kệ về Tính Không
Và Kệ tụng căn bản về Trung đạo
Đều giải thích chứng cứ cho rằng tất cả pháp
Không có bản chất nội tại. (kệ 51)

Muốn hiểu ý nghĩa điều này, bạn phải nghiên cứu chính những bản luận nói trên. Câu "giải thích" có nghĩa rằng tất cả bậc thầy vĩ đại ngày xưa dạy bằng chứng rằng các pháp là bất sinh. Và như vậy, với bốn bằng chứng, những học giả đã khéo thiết lập rằng tuyệt đối mọi pháp không sinh, không trường cửu cố định, vượt ngoài khổ đau do bản chất nội tại, từ khởi thủy vốn thanh tịnh không gốc rễ, không nguyên lai, và mọi pháp đều không thực chất.

Các trường phái

Trung đạo

Có điều này nên nói về các học giả Ấn: Sự trình bày có thứ tự của bậc thánh Vô Trước về giáo lý đã công bố tri kiến duy tâm của Bát Nhã, và những bậc thầy ngày nay là Suvaranadvipà và Santipa cũng theo lối giải thích ấy. Luận sư Long Thụ giải thích tinh túy của giáo lý với sự thực chứng của Ngài về trung đạo siêu việt hữu lý và phi lý trong Bát Nhã. Điều này Ngài cũng công bố theo quan điểm của nhiều học giả khác, và ngày nay bậc thầy Trí hiền và thượng tọa Kusulupa cũng theo lối giải thích của Ngài.

Cam lồ của giáo lý bậc thánh Long Thụ
Đã đổ đầy các pháp khí Thánh Thiên,
Nguyệt Xứng, Bhavya
Và Shantideva xuống đến Trí Hiền;

Và như thế với bốn bằng chứng lớn lao
Tôi thiết lập sự không sinh của các pháp;
Và theo bước những bậc đại sư xưa,
Tôi sẽ giữ quan điểm của Trung quán.

Tôi sẽ mô tả điều ấy như sau:

Ngày nay có sự tồi tệ dần (ngũ trước)
Về người, thời đại, thói xấu, quan điểm,
Và cả về đời sống. Nghe suông không ích gì
Hãy thiền định về ý nghĩa cốt yếu.

Nếu có thì giờ để nghe những đại luận dài,

Có thể là những chiếc tàu cứu mạng thời nay;
Nhưng bây giờ nên tránh tâm tán loạn,
Và chỉ tu tập theo lời bậc thánh khuyên.

Quá nhiều điều phải học, quá ít thời gian
Và cũng không biết bao giờ ta sẽ chết
Hãy như ngỗng biết lọc sữa khỏi nước
Chỉ giữ những niềm khát khao thanh tịnh.

Thư tịch về luận

Trở lại những danh từ "những bài kệ về trung đạo" trong bản văn gốc của tôi (kệ 51), tôi muốn nói đến tác phẩm của Long Thọ, Những Bài Kệ Căn Bản về Trung Đạo Bát nhã. Và khi tôi nói "những bản luận như...", là tôi nghĩ đến những tác phẩm của ngài như Vô úy, Bác Bỏ Những Phản Kích, Sáu Mười Bài Kệ Về Luận Lý, 70 bài Kệ Về Tính Không, Tràng Hoa Quý Báu, 20 Bài Kệ Về Đại Thừa, Một Trăm Âm, và bản kinh luận Mầm lúa của Kamalasila.

Tôi cũng nghĩ đến những bản luận do thượng tọa Thánh Thiên (Aryadeva) , đệ tử của bậc thánh sư Long Thọ, và Nguyệt Xứng, Bhavaviveka và Santideva.

Thánh Thiên viết các tác phẩm: Tám Khéo Dệt Lớn: Trung Quán luận, Chiều dài của một Cánh Tay, Chỉ giáo bằng Ngón tay, và Toát yếu về Trái Tim của Bát nhã.

Tác phẩm của Luận sư Nguyệt Xứng gồm: Sơ giải Trung luận của Long Thọ, Luận về Sáu mươi Bài kệ về Lý luận, Năm Chương về Trung Đạo, và Minh Liễu luận, vân vân.

Luận sư Bhavaviveka có những Luận như Tinh yếu của Trung đạo, Ngọn đèn (để hiểu tác phẩm của Long Thọ) vân vân.

Có cả thầy tám bộ luận về tác phẩm Bát nhã Trung quán luận Kệ của Long Thọ là: Vô úy do chính ngài viết, Minh liễu luận của Nguyệt Xứng, Ngọn đèn (để hiểu Trung đạo Bát nhã của Long Thọ) do Bhavaviveka, Luận giải của Buddhapàlità, và những luận của Trưởng lão Sthiramati cùng các luận sư Gunamati, Gunasrì và Gunadatta.

Ngoài những người này, ở Ấn độ ngày nay còn có những người có suy tư nghiêm chỉnh về những trình bày của các bậc luận sư đời trước, và cách lý luận của họ cũng giải thích bằng chứng rằng tất cả pháp không có tự tính. (kệ 51).

Theo tất cả những bản luận nói trên, tính không của tất cả pháp đã được chứng minh một cách rõ ràng. Nếu ở đây tôi phải dọn dẹp cái hiểu sai của những người khác bằng cách xử dụng Bốn Bằng Chứng, thì sách này sẽ quá dày. Do vậy, đề tài này chưa được khai triển hết. Ở đây chúng ta chỉ nói rằng Trung Luận có những giáo lý như vậy mà thôi.

Quán

Nhưng đối với những hành giả muốn ghi vào lòng những giáo lý này, tôi chỉ nói lời vắn tắt :

Nhưng tôi chỉ giải thích
những điều đã xác chứng
Để xúc tiến sự quán tưởng. (kệ 52)

Ở đây tôi chưa viết sự đào luyện tâm bồ đề tuyệt đối kể như một phương tiện để thâm nhập giáo lý, vì muốn thế người ta phải cầu xin chỉ giáo từ một bậc thầy.

Tính không

Như vậy, không thấy bản chất nội tại
Trong bất cứ một hiện tượng nào
Chính là quán vô ngã của nó; điều này
Cũng là quán sát với trí tuệ. (kệ 53)

Bài kệ này là cốt tủy của những điều đã nói trên kia.

Và cái trí tuệ không thấy
Bản chất nội tại trong bất cứ pháp nào
Chính là tuệ được giải thích là Bát nhã.
Hãy đào luyện nó không tưởng phân biệt. (kệ 54)

Câu "không thấy bản chất nội tại..." có nghĩa rằng trong bất cứ gì bạn nhìn, bạn chỉ thấy tính Như Thị (hay Tính không Chân như) của chính sự phi hữu của nó. Đây là từ ngữ được sử dụng trong nhiều kinh. Muốn hiểu ý nghĩa điều này

bạn phải tham khảo tác phẩm của Thánh Thiên, Phá những hiểu lầm về Trung đạo, Ánh sáng luận lý, "Trung Đạo" Phụ đính, và tham khảo tác phẩm của Avalokitavrata.

Trí tuệ

Bạn có thể hỏi: Nếu cái thấy các pháp tự nó tuyệt đối không hiện hữu, thế thì chính cái tâm ta nhìn các pháp có tự hiện hữu không ? Tôi trả lời: "Cái đó chính là tuệ giác." Cái Tuệ tra tầm do đó mà cái thấy hiện hữu, không hiện hữu. Và bạn hỏi tại sao nó phi hữu ? Tôi nói "Nó được giải thích là Tuệ giác." Chính tuệ cũng được giải thích bằng Bốn Bằng Chứng, và xét cho kỹ, nó cũng không thể được xác lập. Đức Thế tôn dạy rõ nghĩa này trong Kinh thành lập Hai Sự Thật :

"Theo nghĩa tối hậu, khi ta phân tích Tuệ về các pháp, ngay sự xem xét cũng không thực hữu, không căn cứ. Ngay cả Tuệ ấy, theo nghĩa tối hậu, cũng không thực hữu, không căn cứ. Bởi thế, nó chỉ được tạm gọi theo tục đế là Tuệ giác; nhưng theo nghĩa tối hậu, thì Tuệ ấy không thực có sinh khởi, vì nó phi hữu".

Bậc thánh Long Thụ nói trong Luận về Tâm Giác ngộ:

Cái tâm mà tất cả chư Phật không thấy
Thì không phải là vật có thể thấy
Vì làm sao các ngài thấy được một pháp

Vốn không tự tính (bản chất nội tại) ?

Và luận sư Thánh Thiên trong tác phẩm Toát yếu Trái tim Tuệ giác :

Các bậc hiền trí cũng không nói
Hiện hữu một cái tâm theo nghĩa tối hậu;
Nó như hoa đốm giữa hư không
Vì nó không có tính Một hay Nhiều.

Và Long Thụ cũng nói trong Luận của ngài:

Để phá trừ cái chấp vào một tự ngã
Phật dạy Uẩn, Giới, Xứ vân vân.
Những bậc trí còn phá luôn những pháp này
Vì chúng chỉ là pháp duy tâm tạo.

Muốn làm cho những kẻ ngu khỏi sợ hãi
Bậc trí có giảng những lời rằng
"Tất cả pháp ấy chỉ là Tâm";
Nhưng thực sự Tâm cũng không hiện hữu.

Mặc dù các nhà Đại thừa thích thú
Thấy vô ngã của các pháp;
Nhưng ngay từ đầu, Tâm họ cũng không sinh
Và tóm lại là nó phi hữu.*

Trừ hý luận

Và bây giờ, nếu bạn đã liễu tri về cái ngã mà người ngoài cho là thực hữu, về các Uẩn vân vân (pháp) mà một vài tông phái Phật giáo cho là thực hữu, và về tính phi thực của tâm và ảo tưởng; và nếu bạn thường xuyên an lập trong sự liễu tri những nghĩa ấy (ngã, pháp, tâm đều phi thực) - thì bạn nên từ bỏ hý luận. Bạc thánh Long Thụ nói:

Tâm Giác ngộ của chư Phật
Có đặc tính thuần tịnh là Chân không
Không vướng những lý luận về ngã,
Về uẩn, xứ, giới, và cả về tâm.

Chính để diệt trừ hý luận mà tôi nói :

Thế giới của biến dịch nổi lên
Từ Phân biệt tưởng- bản chất của thế gian
Sự hoàn toàn dứt trừ tưởng phân biệt
Chính là Niết bàn tối thượng. (kệ 55)

(Ba bài kệ này trích từ tác phẩm của Long thụ, đề cập ba thời chuyển Pháp của Phật: Lần đầu giảng Bốn chân lý là trình độ Tiểu thừa; lần hai là Duy thức, và lần cuối là Tính không hay Trung đạo.)*

Những bài kệ về Trung đạo

Trong khi nói ý nghĩa những văn bản tôi đã trích dẫn trên đây, tôi muốn theo bước chân của một bậc Thầy đã đạt đến sự tu tập toàn hảo do lời khuyên của bậc thánh Long Thụ. Long Thụ thừa kế chính bậc thánh Manjughosa (Văn Thù). Ngài đã đắc các thắng trí, liễu giải tất cả Mật điển và Kinh điển, và toàn bộ Luật giáo. Ngài thấy toàn thể chân lý đồng loạt chiếu sáng trong tâm ngài, và là một bậc Thầy trong hệ truyền thừa không gián đoạn từ Manjughosa. Ngài Bodhibhadra (Trí Hiền) sáng chói là một bậc Thầy như vậy, và ở đây tôi cũng tiếp nối ngài:

(1) Nếu ta chân chính phân tích thực tại

Thì sự suy xét các pháp tướng
Của những tông phái khác nhau
Đều lầm lẫn, nên những tông ấy sai.

(2) Như con mắt bệnh, vì khiếm khuyết

Thấy những ảo giác như kim may, răng lược,
Mặt trăng thứ hai, hoặc như xuyên qua tổ ong
Ở đây có một cái biết chấp thủ một vật gì.

(3) Như khi ngủ, do năng lực giấc ngủ

Và do khuynh hướng mỗi người,
Họ cảm thấy vui và khổ cùng các hình tướng;
Ở đây có một cái biết chấp thủ một vật gì.

(4) Cũng thế từ khởi thủy

Vô minh như con mắt bị bệnh
Thấy có các pháp trong và ngoài
Ở đây có một cái biết chấp thủ một vật gì.

(5) Và cũng thế từ khởi thủy

Trong giấc ngủ Vô minh sâu dài
Có giấc mộng về Bốn ma*
Ở đây có một kinh nghiệm về tâm chấp thủ.

(6) Nhưng nếu ta phân tích theo nghĩa rốt ráo

Thực chất những hiện tượng ấy là gì
Thì những sự nhận biết sai lạc ấy
Không thể xác chứng
rằng chúng hiện hữu hay không

*(*Bản Anh ngữ là Four Dispositions, Bốn khuynh hướng, Phạn ngữ là vāsana, không tìm được pháp số này. Người dịch Việt ngữ tự đoán. Bốn ma là những chướng ngại cho việc học đạo là: ngũ ấm, phiền não, thiên ma, cái chết. Hiểu đơn giản thì ma ngũ ấm là những nhu cầu đa sự của thân và tâm, ma phiền não là tham sân si, thiên ma là hoàn cảnh vật chất sung mãn và tử ma là cái chết ập đến trong khi tâm còn mê.)*

(7) Ví dụ, khi con mắt bệnh chưa lành

Ta không thể nói là không hoa đốm
Và khi mắt bệnh đã chữa lành
Ta không thể nói là có hoa đốm.

- (8) Khi ta tỉnh giấc ngủ Vô minh
Thì không thể nói mình thấy mộng
Nhưng khi chưa tỉnh ngủ
Không thể nói cảnh mộng là không.
- (9) Khi một người mù hết bệnh mù
Và người ngủ tỉnh dậy từ giấc ngủ
Thì cảnh mộng và hoa đốm vân vân
Cùng cái biết đã nắm giữ chúng
cũng không có.
- (10) Cũng vậy, khi một người hết bệnh mắt
Và ra khỏi giấc ngủ Vô minh,
Mọi tướng xuất hiện và được xem xét,
Cùng cái biết về chúng -
đều không hiện hữu.
- (11) Chính con người tuyên bố các quan điểm
"Đoạn Diệt" "Không đoạn diệt" cũng tiêu
Bản thân y tuyệt đối còn không hiện hữu
Nên còn đâu, sự phân biệt của kẻ ngu.
- (12) Kẻ ấy nói "Thế thì thầy Santideva của ông
Cũng không được lập quan điểm phá hoại
Vì chỉ giáo của ông đã là phi hữu
Các lập luận của ông cũng đáng bài trừ."

- (13) Với kẻ ấy không thể làm sáng tỏ điều gì
Không thể lý luận gì được nữa.
Hãy học chính xác cái gì thực hữu
Do thấy đúng mà bạn sẽ giải thoát.
- (14) Một số học phái Phật giáo và phi Phật giáo
Chủ trương rằng các pháp thực hữu,
Nhưng lại có những người
Cho rằng các pháp không hiện hữu.
- (15) Phân tích cho đúng ta sẽ thấy
Hữu và Phi hữu đều là cực đoan
Tự thân chúng không hiện hữu, bởi thế
Không cách gì xác lập chúng được.
- (16) Mặc dù người ngoài truyền thống Đạo sư
Đã lập các pháp như Hữu, Phi hữu,
Thường và Đoạn, bằng Tuệ suy diễn*
Họ sẽ không đạt đến mục tiêu mỗi một ấy.

(Hai nguồn tri thức chính của nhận thức luận Ấn, là anumàna hay suy diễn, và pratyaksa hay biết trực tiếp bằng giác quan.)*

- (17) Biết bao nhiêu Luận đã được viết ra
Bởi Pháp Xứng và những luận sư khác -
Những sách do các Hiền trí của chúng ta
Cốt bác bỏ những thách thức của tà giáo.

- (18) Bởi vậy tôi nói không ích gì
Dùng lý luận để đạt chân lý tối hậu.
Nếu tôi nói cách nào khác
Thì tuyên bố của tôi cũng thành vô ích.
- (19) Vậy hãy bỏ những văn biện luận của bạn
- Những văn từ xem lý luận là tối thượng;
Mà hãy theo lời khuyên
của truyền thống Đạo sư
Căn cứ thẩm quyền bản Luận của Long Thụ.
- (20) Người theo Trung đạo biết được Chân như
Xa rời hẳn Bốn cực đoan (tứ cú)
Không Hữu hay Phi hữu
Không vừa Hữu vừa phi hữu hay bác cả hai.
- (21) Trung đạo thực chứng được Chân như
Xa lìa Bốn cực đoan :
Không thường, không Đoạn,
Không cả hai, không phủ nhận cả hai.
- (22) Siêu việt các kiến chấp Hữu, Phi hữu
Và từ bỏ Thường, Đoạn
Giải thoát khỏi biết và bị biết :
Đây là căn bản của Đại luận về Trung đạo.

- (23) Những người ham hý luận
Nói về Hữu Phi-hữu, Thường và Đoạn
Mà không theo đuổi bản chất chân thực,
Thì những lập và phá của họ đều tiêu.
- (24) Ví dụ, xác nhận có thực tính nội tại
Trong vàng ròng, bầu trời, nước, vân vân
Mặc dù sự xác nhận ấy không sai
Nhưng cũng hoàn toàn vô ích.
- (25) Hãy bỏ những xác nhận và phủ nhận,
Và chỉ đào luyện tính Chân Như
Hoàn toàn thoát những khẳng định sai lạc;
Và không ở trong một lập trường nào.
- (26) Hãy theo những chỉ giáo
Thuộc hệ truyền thừa các bậc thánh
Long Thụ, Thánh thiên, Nguyệt Xứng
Bhavya và Santideva.
- (27) Nếu không gặp ai trong truyền thống ấy
Thì hãy học đi học lại
Những bản luận của các ngài đã soạn.
- (28) Vì những bậc thánh ấy là cửa ngõ
Để thâm nhập chủng tự "A" của vạn pháp *

Mà từ khởi thủy, không sinh không diệt;
Bản chất chúng là thuần tịnh, Niết bàn.

(29) Mặc dù có được thấy, chúng vô tướng
Cái được gọi là "người thấy", "vật bị thấy"
Cùng với "sự thấy" tuyệt đối không thực.
Bởi vậy bậc thánh luôn bình thản.**

(30) Người nào từ bỏ mọi hý luận
Và an trú trong cảnh giới của Thực tại

(Âm A là chủng tự để quán Bát nhã ba la mật, Bà Mẹ của tất cả bồ tát. Kinh Bát nhã của Tạng bản mang số Ot. 741, vol 21 có đoạn như sau: Bấy giờ đức Thế tôn bảo tôn giả A nan: "Này A nan, hãy nắm lấy Bát nhã ba la mật gọi là Nhất tự âm, vì nó có lợi lạc cho tất cả hữu tình. Nó là "A". Khi Đức Phật dạy thế, tôn giả A Nan cùng đại chúng tỳ kheo và bồ tát thể nhận được Bát nhã ba la mật và vui mừng tán thán." - Ot.741, vol.21: 741.4)*

(Phạn ngữ samàhita tư thái của người đã đắc định an chỉ, khi tâm không còn tán loạn vì tâm, tứ)*

Thì không muốn những nhập xuất như vậy*
Đối với tri kiến về Đại định Du già.

(31) Do vậy, những ai đã đạt đến an tịnh
Thì không khát khao thành Phật-
Như được giảng giải trong Kệ Vô sinh
Trong khi ở các địa vị Bồ tát**.

(32) Đây tôi không triển khai đề tài ;
Nên người học phải tha thiết
Cầu một bậc thầy hiểu Luận này,
Cúng dường hầu hạ để xin chỉ giáo.

(33) Theo bước chân ngài Trí Hiền
Người thuộc hệ phái bậc thánh Long Thụ

(Âm chỉ một thiền giả đã vượt khỏi tâm tứ, luôn ở trong trạng thái tịnh chỉ không có nhập thiền và xuất thiền.)*

*(** Trích từ cùng một Kinh như bài kệ gốc số 57. đoạn kinh ấy như sau: "Nếu Bồ tát ấy từ bỏ những tâm tư duy trước đây, thì tướng của trí phân tích để đạt đến các địa vị khác xuất hiện, và trở thành kinh nghiệm trực tiếp. Giống như thế này: Từ những tướng tư duy phân tích để đạt đến Sơ địa cho đến các tướng để đạt Thập địa, cho đến đạt Vô Sinh Nhân, vị ấy hoàn toàn loại bỏ bằng cách không hướng tâm đến chúng. Ot. 810,, Vol 32:231.3)*

Mà đức Thế tôn đã huyền ký (đoán trước)-
Tôi cũng không giữ một lập trường nào cả.

Bằng chứng từ Kinh tạng

Bây giờ, sau khi lý luận để chứng minh các pháp không sinh, tôi đưa ra chứng cứ trong kinh điển :

Hơn nữa, đức Thế tôn tuyên bố:
"Tưởng phân biệt chính là đại vô minh

Ném con người vào biển lớn sinh tử
Người nào an trú trong Định vô tướng
Tâm quán ấy trong sáng như bầu trời." (kệ 56)

Ngài cũng nói trong Kệ Tu Vô tướng:

"Khi một Pháp vương tử thiền định
Không tưởng phân biệt về Diệu pháp này,
Và đã vượt qua gian nan lối mòn tư tưởng
Vị ấy dần đạt đến vô phân biệt." (kệ 57)

Khi nhờ kinh điển và lý luận
Ta đã thâm nhập được bản chất phi nội tại
Của tất cả pháp không sinh
Thì hãy tu quán không tưởng phân biệt. (kệ 58)

Trích dẫn

Những bài kệ gốc của tôi cần được tham khảo cẩn thận ở điểm này. Đức Thế tôn dạy về đề tài này không chỉ trong các bài kệ trên, mà cả trong các kinh khác nữa. Ngài nói rõ về đề tài ấy trong Luận về Bản chất Vô phân biệt của các pháp :

“Nếu nói về cảnh giới của Thực tại theo luận lý có giá trị, thì nó không có ý nghĩa gì về mặt tục đế hay chân đế. (Ot.760-8).”

Và trong kinh Chương nói về Bồ tát, ngài nói: "Chỉ có một chân lý, đó là Diệt đế (hay Niết bàn)." Trong kinh Trang hoàng Tuệ giác... (Ot 760-12) ngài nói:

Chính đức Như lai là bất sinh
Và tất cả pháp đều như Như lai;
Hãy tịnh hóa những gì vốn phi hữu;
Chúng là vọng tưởng của tâm ngu si. (Ot. 768)

Và kinh Đèn Trăng nói:

"Chân lý tuyệt đối theo đó các pháp không tự tính (bản chất nội tại), có nghĩa là một pháp không có nền tảng, bản chất thực của nó không hiện hữu. Sự giải thích về duyên sinh là cốt ngăn ngừa chấp thủ vào các pháp, nhưng kỳ thực không có lời, không có lập ngôn nào để bàn về tính chất của một pháp (bất khả thuyết)". (Ot. 795)

Trong Biển Giới luật nói :

"Cực đoan về một cái có trước là trống rỗng (không thực,) cực đoan về một cái có sau cũng trống rỗng: tất cả Hữu trên bánh xe sinh tử đều trống rỗng ở mọi điểm, và cũng trống rỗng là mọi điểm biến dịch mà ngoại đạo đặt ra".
(Không tìm được xuất xứ tác phẩm này)

Kinh Nhập Lăng già nói :

Trên phương diện tục đế thì
các pháp hiện hữu

Nhưng theo chân đế thì
tự tính không hiện hữu
Những gì chúng ta giải thích là tục đế
Đều sai lầm đứng về mặt tự tính vốn phi hữu.

(Ot. 775)

Trong kinh Những Câu hỏi của Suvikràntavi-kràmì
(Ot.736) :

"Trí Như lai không thấy một pháp nào, bởi vì không có pháp nào hiện hữu để cho trí ngài thấy".

Và kinh Hành vi của đấng Chiến thắng (Ot 5029) nói :

"Khi đức Thế tôn mô tả cho các Bồ tát về sự thù thắng của cõi phật A súc bệ, chúng hội Bồ tát khẩn cầu ngài cho thấy cõi ấy. Và sau khi đã làm cho chúng Bồ tát thấy cõi phật ở phương đông ấy hiện lên rồi lại ẩn mất, ngài dạy: "Cũng như cõi Như lai A súc bệ biến mất khỏi tầm mắt; sắc, thọ... cũng biến mất như vậy."

Rồi ngài tiếp tục nói về các uẩn và những pháp khác.
Chương nói về Sadàprarudita và sự Trừ diệt hối hận cho vua A xà thế đều bàn đề tài này một cách minh bạch.

Thư tịch về Kinh

Dĩ nhiên cần phải tham khảo toàn thể Kinh tạng, nhưng những kinh sau đây đáng được chú ý đặc biệt, vì trong đó những đề tài ấy được nói rõ:

Kinh Cha Mẹ gặp gỡ, Kinh Chuỗi Ngón tay, Kinh Trí Ẩn, Kinh Như lai Bí mật, Kinh Vimalakirti khải thỉnh, Kinh Niệm Phật, Kinh Akàsavarna hàng phục, Kinh Tinh yếu Như lai, Kinh Ba mươi ba, Kinh Ca diếp vấn, Kinh Chỉ giáo về Bất sinh của các pháp, Kinh Đại bi của Như lai, Kinh Định vương, Kinh Ngồi trước Phật hiện tại, Kinh An lập Ba thân, Kinh Vimaladatta hỏi, Kinh Cô gái Sumati hỏi, Kinh Cô gái Vimalasuddha hỏi, Kinh Ánh sáng bất động về Tính Không của các pháp, Kinh Nhập Lăng già, Kinh An lập Hai sự thật, Kinh Hư Không tạng, Kinh Long vương Anavatapta hỏi, Kinh Long vương Sàgara hỏi, Kinh Những Bí mật bất khả tư nghì, và toàn bộ kinh Bát nhã ba la mật.

Tôi không thể dẫn hết ra đây tất cả những gì cần trích từ các kinh ấy, bởi thế bạn phải tinh cần tham cứu tất cả các kinh Đại thừa.

Tiểu sử các bậc thầy

Ngoài Kinh tạng, còn có những bộ luận do các bậc thầy đã dành cả cuộc đời họ để làm sáng tỏ ý nghĩa không lầm lạc về tinh yếu của Tuệ giác Bát nhã; những vị như các bậc thánh sư Long Thụ, Thánh Thiên, Nguyệt Xứng, Sàntideva, Bhāvaviveka, Mã minh và Candramitra. Hãy nghiên cứu kỹ

những luận giải của họ vì những vị này làm cho ý nghĩa các Kinh trở nên rất sáng sủa.

Thánh Long Thụ, mặc dù những bậc hiền trí của Ấn độ và những bộ kinh dài nói ngài là một Bồ tát Sơ địa, chính tôi đã thấy trong vài kinh nói ngài là một Bồ tát đệ bát địa. Thánh Thiên cũng thế, được nhắc đến như là một Bồ tát ở địa vị thứ tám, vì ngài nhận chỉ giáo từ Long Thụ. Nguyệt Xứng đã được Long Thụ ấn chứng và đạt đến sự thấy các pháp như huyễn. Ngài sống đến bốn trăm tuổi ở Ấn, chỉ làm việc cho lợi ích hữu tình. Sântideva cũng thế đã đạt địa vị kiến đạo. Bhavya nhờ sự chỉ giáo của Long Thụ đã trở thành một bậc thầy về lý luận đã nhập niết bàn ngay trong đời ngài. Mã minh và Candramitra cũng đã đạt đến địa vị kiến đạo.

Tu tập Tăng thượng Tri kiến

Khi bạn đã học những giáo lý ấy một cách rộng rãi từ các kinh điển và do luận lý, và đã minh xác được mục đích của những giáo lý này, thì hãy gạt bỏ tất cả hoài nghi mà đào luyện tư duy vô phân biệt gọi là "Tăng thượng tri kiến." Và làm thế nào để làm việc ấy ? Trước hết hãy nhớ các pháp gồm hai, có tướng và không tướng. Khi đã dẹp bỏ chúng với Bốn Bằng chứng, thì bạn có thể tu quán với tăng thượng tri kiến. Do vậy thầy tôi nói trong Chương về Hành trang của Định (Ot. 5444):

"Tất cả các pháp không ngoài tâm, và tâm chứa đựng trong thân; bởi thế bạn cũng phải dùng cái thân để làm việc cho Chân lý tối hậu. Đó là lời khuyên của tôi."

Nếu biết cách làm việc này, thì sẽ không có tư duy phân biệt ở bất cứ đâu, không chấp thủ vào các đối tượng; và bỏ lại đằng sau mọi ký ức, hoài niệm, hãy ở trong trạng thái ấy cho đến khi kẻ thù ấy, Tướng trong tâm, khởi lên lại. Như bậc thánh Long Thọ nói:

Tôi kính lễ cái tâm không xem xét
bằng ảnh tượng
Không đứng về một lập trường nào;
Cái tâm không ký ức, không phản chiếu,
Không có một đề mục nào, tôi kính lễ.

Và ngài lại nói:

Bậc trí còn không nhìn thấy
Tính Không là trống không...
Cái tâm không có đề mục,
An nghỉ trong đặc tính của không gian
Quán niệm không gian
Chính là quán niệm Không tính.

Bậc thầy Santideva nói:

Khi không có Hữu cùng Phi hữu
Hiện hữu ở trong tâm,

Thì do không còn cách nào,
Không có đối tượng, tâm thực là tịnh chỉ.

Sự tu tập như thế sẽ trở thành sức mạnh của ta, như ngài nói sau đó:

Nhờ tu tập Tính không
Người ta bỏ thói xem các pháp là thực.

Luận sư Srìgupta cũng nói:

Nhờ năng lực pháp quán đã tu tập
Mà một người nhận lấy bản chất
Tính phi thực của các pháp
Như cách họ nhìn thấy các pháp ấy.*

Đến đây kết thúc giáo lý về Tu tập Tăng thượng tri kiến.

Những giai đoạn của đạo lộ

Khi hành giả đã quán chân như
Và từng giai đoạn đạt Noãn vị vân vân

(Không tìm ra xuất xứ. Bài kệ này tôi hiểu như sau. Ví dụ một người đã đắc pháp quán Không, thì thấy tất cả mọi sự vật đều mang tính chất của hư không. Tri hải ghi.)*

Vị ấy sẽ đạt đến Hoan hỉ địa trở lên:
Trí toàn giác không còn xa lắm. (kệ 59)

Vậy, khi nhờ tu pháp quán xả mà bạn đã an lập trong đạo lộ Gia hạnh, bạn sẽ khởi hành lên đạo lộ các ba la mật theo ý nghĩa những kinh Đại thừa mà tôi đã giảng. Những bước tiến về Giác ngộ được kể trong tám chương của Trang hoàng cho Thực chứng (Ot.5184), bản luận do Maitreyañatha giảng và Vô Trước phổ biến rộng rãi ở Ấn. Vimuktisena và Haribhadra đã giải thích luận này, cần nên học lối giải thích của họ. Nếu không, Đạo và Quả có thể bị lẫn lộn.

Do vậy, thiền giả đã ở đạo lộ Tư lương và liễu tri Tính không của nó, sẽ tiến lên đạo lộ Gia hạnh và phát triển những đức căn bản gọi là Pháp Trợ đạo. Những từ "từng giai đoạn đạt Noãn vị vân vân" trong bài kệ 59 muốn nói đến bốn trợ duyên cho sự xác tín, đó là kiên trì qua (1) ba mức độ của Noãn vị, (2) ba mức độ Đánh vị, (3) ba mức độ của Nhẫn vị, và (4) ba mức độ của địa vị Thế đệ nhất.

"Vị ấy sẽ đạt đến Hoan hỉ địa trở lên" là ám chỉ sự tiến lên giai đoạn Kiến đạo với bốn loại Định của nó vân vân*. "Sự giác ngộ của Phật không còn xa lắm" có nghĩa trong khi viên mãn Mười địa vị, trí Vô thượng bồ đề phát sinh trong từng sát na của giai đoạn Kiến đạo**, chẳng bao lâu bạn sẽ nhanh chóng được Ba Thân và Năm Trí vân vân.

Ở đây tôi không viết chi tiết

Về con đường Gia hạnh và khởi đầu ở Noãn vị

Cũng không viết về Mười địa khởi từ Kiến đạo

Hay về Ba thân, vân vân, vì sẽ quá dài.

Hãy học những điều ấy

Trong kinh và Luận đã nói rõ.

Một lý do khác để nói "Phật quả không còn xa" là để khích lệ phần nào những bồ tát giải đãi. "Ba vô số kiếp" để đắc đạo mà trong kinh thường nói, không dài lắm đối với những Bồ tát vì tất cả chúng sinh mà ở lại trong sinh tử. Như Ambaràja đã nói:

Phần tôi, tôi không thích cũng không cầu
Giác ngộ thành Phật ở một tương lai xa xăm;
Mà cho đến tận cùng thời gian
Tôi sẽ tiếp tục làm lợi ích
dù chỉ một hữu tình.

*(** Bốn loại định ở đây thường gọi là thắng tri- abhsamaya- đối với bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong giai đoạn Kiến đạo. Ở địa vị Kiến đạo, mỗi loại "định" hay "thắng tri" nói trên lại chia làm bốn cấp bậc tiến triển trong cái thấy đối với mỗi một chân lý trong bốn Diệu Đế.)*

Và kinh Thời Hoàng kim nói :

Bậc trí ở lại trong sinh tử
Bao lâu họ có thể; bởi vì
Khi chọn không nhập Niết bàn
Họ có thể mưu lợi ích vô song cho hữu tình.

Và từ Nguyên của Long Thọ:

Bao lâu ở đây còn chúng sinh
Trong đó còn một kẻ chưa được cứu
Tôi sẽ vì chúng mà tiếp tục tra tằm
Dù tôi đã đạt đến Vô thượng giác.

Nếu bạn hỏi tại sao phải cứu độ chúng sinh lâu đến thế, đây là câu trả lời trong kinh điển:

"Nếu tất cả cõi đất trong vũ trụ đều hóa thành một biển nước, và một người trải qua một ngàn năm để nhúng một cọng tóc vào trong nước ấy, thì nước có thể vơi bớt phần nào. Nhưng về cảnh giới các hữu tình, thì không có sự vơi bớt như vậy."

Và trong kinh Phổ Hiền nói:

"Giới hạn của tất cả hữu tình cũng rộng lớn như giới hạn của không gian." (xem Chương 2, ghi chú số 1)

Ví dụ, một bồ tát được xem là giải đãi nếu nghĩ: "Sau khi tôi đã nghiền nát núi Tu di thành cát bụi (do phân tích để đạt Tính không), tôi sẽ đạt Giác ngộ." Và đấy là điều mà Ambaràja nói :

Cho đến đời kiếp cuối cùng
Trong vòng sinh tử vô thủy này
Tôi sẽ làm vô lượng thiện hành
Vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Tôi cũng thế, tôi không mong nhanh chóng đạt giác ngộ, nếu không vì mục đích làm vơi bớt khổ đau cho hữu tình trong cõi sinh tử, dù cõi ấy có tăng giảm hay không tăng giảm.

Hậu quả tất yếu của điều này là, một bồ tát lợi căn có dũng cảm lớn của một vị anh hùng và có tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, sẽ nhanh chóng đạt giác ngộ dù vị ấy không muốn thế.

Trong tác phẩm Ngọn đèn cho Ba Phương pháp, luận sư Tripitakamàla nói:

Về chiều sâu và rộng
Của ước nguyện và thực hành,
Đại thừa thù thắng hơn rất nhiều
Vì nó đạt đến kết quả không biến đổi...

Cỗ xe các Ba la mật (Ba la mật thừa) cao quý hơn Thanh văn thừa rất nhiều. Hãy ghi khắc điều này trong tâm bạn. (Ot.4530)

Đến đây kết thúc giáo lý về Cỗ xe các Ba la mật.

Chương 7

Mật điển

Mật thừa

Bây giờ tôi phải nói về mật tông. Đây cũng là một cỗ xe lớn, thuộc về Đại thừa cao nhất. Khi nói rằng Mật thừa thù thắng hơn Bát nhã thừa, tôi cũng lại căn cứ thẩm quyền của các ngài Vô Trước và Tripitakamàla:

"Giáo lý mật tông rất thù thắng
Khi được nắm vững bởi một người lợi căn
Do nhiều Phương tiện nó đưa ra, không khắc khổ
Miễn Mục đích duy nhất được duy trì,
không trở ngại*.

(* Ở cuối chương trước, Tripitakamàla được trích dẫn để kết thúc phần giải thích Cỗ xe Ba la mật; do đó ở đây nói "tôi lại căn cứ"... "Mục đích duy nhất" chung cho cả Ba la mật thừa và Mật thừa là đạt Giác ngộ. Mục đích ấy phải "không bị trở ngại" có nghĩa, Mật thừa cũng phải được theo một cách chính xác, có thứ lớp tuần tự như Ba la mật thừa.)

Bởi thế, bồ tát nào muốn hành trì mật tông trước hết phải phát tâm bồ đề theo nghĩa tuyệt đối*.

Nhưng đây tôi sẽ không nói đến những luận giải về đề tài này. Trong bản văn gốc cũng như ở đây tôi chỉ nêu lên vài ý nghĩa về việc tích lũy hai hành trang (phước đức và trí tuệ), cho một bồ tát ở giai đoạn Chuẩn bị ** mà thôi.

Nghi thức

Nhờ Mật tông mà Hai Hành trang có thể được kiện toàn một cách nhanh chóng. Chính với ý nghĩ này mà tôi đã viết bài kệ:

Nhờ nghi thức "Trấn tịnh" và "Sung mãn"

Vân vân, có hiệu lực do thần chú

Và do năng lực của tám pháp gia trì

Khởi từ "Bửu Bình" và các pháp khác.(kệ60)

(Tâm bồ đề theo nghĩa tuyệt đối - trái với tương đối- là tu tập Tính không. Giáo lý của Trung luận về Tính không chính là nền tảng của Mật thừa.) (*Trong sự thực hành Tối thượng Du già, có hai giai đoạn được nói đến là Giai đoạn Chuẩn bị và Giai đoạn Thành tựu. Giai đoạn đầu ám chỉ các pháp học, pháp hành, pháp gia trì trong ba bậc dưới của Mật tông, cũng như trong Tối thượng Du già. Giai đoạn hai là pháp gia trì và kinh nghiệm tu tập cuối cùng trong Tối thượng Du già.)*

Khi nói "có hiệu lực do thần chú" là tôi ám chỉ các pháp tổng trì dhàranì nói chung*, nhưng cũng bao gồm cả năng lực của những thần chú tụng thâm ** rút từ bất cứ mật điển nào- như những đà la ni của Mật điển Hành động. Những nghi thức ấy là gì? Đó là những lễ để "Hàng phục" và "Phá hoại" để "Trấn tịnh và Sung mãn" và những gì còn lại trong tám loại nghi thức***.

Các thần thông

"Tám năng lực lớn, khởi từ Bửu bình và những thứ khác" là ám chỉ (1) Năng lực của bình báu; (2) Năng lực chân đi nhanh; (3) Kiểm báu vô địch; (4) Ra lệnh; (5) Độn thổ; (6) Tàng hình; (7) Cây Ước;

(Đà la ni là âm giọng thực thụ của một thần chú, thường không có nghĩa gì ngoài biểu tượng được dùng. Danh từ Mạn trà chỉ rõ hơn về thứ loại. Đà la ni là những mạn trà hay thần chú của những vị thần đặc biệt và của các thần Kim cương tát đỏa được tìm thấy trong những mật điển riêng của họ. **Tụng thâm, japa hay thì thảo bên tai. *** Atisha nói có tám nghi thức, nhưng chỉ kể ra bốn là: Trấn tịnh, sàntikam- làm cho an; Sung mãn, paustikam - làm cho tịnh vượng giàu có; Hàng phục, va'sikaranam- làm thuần; Phá hoại, àbhicàrikam, làm tiêu hủy.)*

(8) Tối thắng*. "Và những thứ khác" nghĩa là mọi nghi thức liên hệ đến sự chấm dứt một việc gì, và tiếp theo tám thứ năng lực đã đề cập, ví dụ thuốc chữa mắt, bay trên

không, mưa ngũ cốc, hóa phép bằng một hột cải, thần thông xem điềm mà đoán trước những việc chưa xảy đến, và Bốn thần thông. Khi nhờ nhả thần chú và tập trung mà người ta làm được Tám Pháp Thuật thuộc thế gian kể trên và bốn việc Hàng phục- Phá hoại- Trấn Tĩnh- Sung Mãn, thì nhờ đó người ta kiện toàn Hai Hành trang Phước và Trí một cách nhanh chóng không cần nỗ lực.

Kinh điển Mật tông

Bảy loại mật điển

Gì là "Mật thừa" từ đấy những năng lực phát sinh dễ dàng nhanh chóng như thế ? Tôi nói :

Người ta bảo rằng Hành trang Giác ngộ
Được kiện toàn một cách dễ dàng;

(Có nhiều liệt kê khác nhau về tám thần thông. Theo Atisha tám thứ là :1.Bửu bình, golabhadra; 2. Chân đi nhanh, pàdelepa; 3. Kiếm, khadga; 4. Ra lệnh, presaka; 5. Độn thổ, pàtālasiddhi; 6. Tầng hình, antardhāna; 7. Cây Ước, kalpa vrksa; Vương vị, rājya)*

Và nếu muốn thực hành mật chú như được cho
Trong các mật điển Hành động, vân vân (61)

Những mật điển ấy là: 1. Hành động, 2. Tu tập, 3. Thiện xảo, 4. Phối hợp, 5. Du già, 6. Đại du già và 7. Tối thượng Du già (*) Phạm vi của mỗi thứ này vô lượng, như đức Thế tôn đã nói:

"Có bốn ngàn mật điển Hành động; tám ngàn mật điển Tu tập; sáu ngàn mật điển Phối hợp; mười hai ngàn Mật điển Đại du già. Nếu kể chung toàn thể các mật điển, thì có vô lượng. (Ot.84)"

Thư tịch Mật điển

(1) Bốn ngàn mật điển Hành động gồm trong những kinh như: Tất cả các pháp đà la ni (Ot.141), Tuệ giác tối thượng (Ot. 402), Vũ công Trác tuyệt (Ot.424), Người Làm Phép Lạ chân thật (Ot. 431),

(*) Atisha khai triển từ bốn loại mật điển chính là: 1. *Tối thượng du già, anuttarayoga: cho những người thích hoàn toàn tập trung vào nội tâm; 2. Du già, yoga: cho những người thích tập trung vào nội tâm nhiều hơn nghi lễ bên ngoài; 3. Tu tập, carya: cho những người thích vừa nghi lễ bên ngoài vừa tập trung bên trong, cả hai ngang nhau. 4. Hành động, kriya: cho những người thích nghi lễ bên ngoài nhiều hơn tập trung nội tâm).*

Subàhu thỉnh vấn (Ot.428), Đại Mật điển Căn bản của Văn Thù (Ot. 162), Mật điển bí yếu của Văn Thù (Toh.544-52), Những người mang vương miện kim cương (Toh.590-603), Mật điển của Amoghapaśa (Ot.365), và Những Mật điển Đại Chiến Thắng (Toh.604-13).

(2) Tám ngàn Mật điển Tu tập được nói trong Mật điển Toàn Giác của đức Đại Nhật (Ot.126).

(3) Bốn ngàn bản kinh về Mật điển Thiện xảo gồm Mật điển Tàra Xuất hiện (Ot.390), Mật điển phát khởi Ba lời Nguyện (Ot.134) và Toát yếu những Thiện xảo.

(4) Sáu ngàn Mật điển Phối hợp được nói trong Như Huyền (Ot.102) và Chúa tể Những Vũ công Hoa sen.

(5) Mật điển Du già có vô số bản kinh như Toát yếu về Chân như (Ot. 112), Thời đại Vàng son (Ot.119), Chinh phục Ba cõi (Ot.115), Đỉnh Kim cương (Ot.113).

(6) Mười hai ngàn mật điển Đại Du già đề cập trong các kinh như Sự Hợp nhất Quang vinh (Ot 81) và các Sở giải về mật điển ấy (Toh.443-53), Kẻ Hủy Diệt Thân Chết (Ot.103), Chư thần Hội tụ, Bí quyết của Mọi sự (Ot.114), Kỹ Luật Không Lỗi Lầm, Toát yếu Kim cương Trí (Ot. 84), Những Phép Lạ của đức Đại Nhật Như Lai (Ot. 126), vân vân.

(7) Mười bốn ngàn Mật điển Tối thượng Du già nói trong các kinh như Một trăm ngàn Bài kệ của đức Phật như Không gian (Ot.30;59) Bốn Tòa Kim cương (Ot. 68), Đại Huyền (Ot.64), Pháp hành như Phật (Ot.8), ...và Năm Trăm Ngàn Bài kệ về thần Hevajra (Ot.10).

Còn nhiều không kể xiết. Tính mệnh mông của mỗi loại mật điển làm cho Mật thừa cực kỳ quảng đại, vô biên. Các bậc thầy bảo rằng tất cả đà la ni, như đà la ni khiến miệng

quỷ phun lửa ngọn, và đà la ni Như chim Công, là những mật điển thuộc loại Hành động.

Gia trì

Sự cho phép

Trong câu "Nếu một người muốn thực tập một câu thần chú đã được cho" (kệ 61), bạn có thể hỏi "đã được cho" có nghĩa gì, nên tôi nói :

Khi ấy, muốn được pháp Đạo sư Gia trì
Trước hãy tìm ân sủng một vị thầy thánh thiện,
Bằng cách hầu hạ, cúng dường báu vật
Và bằng cách tuân lời vị ấy. (kệ 62)

Nghĩa là, nếu bạn muốn thực hành các mật điển Hành động vân vân trong Mật thừa, tôi bảo bạn không những chỉ cần quyết tâm và tu tập để đạt giác ngộ, mà còn phải thọ pháp gia trì "Bình báu" - một phép cốt yếu trong nghi thức Đạo sư gia trì - vì nếu không, tức bạn đang tự lực tu mật tông. Đó là lý do các Mật điển nói:

Chưa được ân sủng một bậc thầy,
Cũng chưa thọ pháp gia trì
Thì việc khởi sự học mật điển
Tự nó cũng đã vô hiệu quả.

Và :

Tu mật tông khi chưa thọ pháp gia trì
Chính là tự lực tu mật chú

Tự lực tu mật chú nghĩa là làm các nghi thức tụng đà la ni mà vẫn theo phương pháp của Bát nhã thừa theo nghĩa nói trong kinh đại thừa - không được phép của một bậc Kim cương sư - tức bậc thầy trong mật tông- để đi vào mandala*và nhập môn.

Là tự lực tu mật tông khi một người luyện tập các phép quán**như quán thần Tàrà, lẩm nhẩm thần chú, dâng cúng lửa hay dâng cúng thực phẩm hay dâng cúng mandala vân vân, mà không có sự cho phép của một bậc thầy. Sự cho phép này phải được một bậc thầy nói rõ như sau: "Vị thần của bạn là vị này. Bạn phải niệm thần chú này."

Do đó các Mật điển nói:

Tự lực học mật tông
Chỉ đưa người ta xuống địa ngục
Thần chú không hiệu nghiệm
Và chỉ phí thân xác thêm não phiền.

(Mandala là một biểu tượng cho cảnh giới hiện hữu của một vị thần, thường là một đồ hình trình bày mọi khía cạnh của toàn vũ trụ. "Đi vào mandala" là sự xây dựng bằng thiền quán, hình ảnh cảnh giới ấy trong tâm ta, trong khi thấy và chứng nghiệm Tính*

không của vạn pháp. Pháp thiền quán như vậy vừa thuộc Sự Cúng dường gồm Bảy phần, cũng vừa là một pháp Gia trì của mật tông.)

*(**Các phép quán, sàdhana, là tiến trình tu tập thiền quán để gọi lên hình ảnh vị thần trong tâm ta hoặc trước mặt ta. Có hàng trăm pháp quán như thế trong mật điển Tanjur; ví dụ Atisha theo pháp quán nữ thần Tara, như ngài nói trong đây.)*

Đây là ý nghĩa tôi nói trong câu "như được cho" trong bài kệ 61. Và tất cả các mật điển cùng những bậc thầy mật tông đều bảo sự cho phép phải rõ ràng minh bạch. Nếu người nào nghe người khác kể những giấc mộng và điềm triệu họ thấy về một vị thần nào, mà bảo rằng người ấy đã tu mật tông đời trước, nên nay không cần thọ pháp, thì hãy áp dụng một phương pháp để xem trình độ chứng đắc của họ. Nếu bằng những pháp quán như quán đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, quán Lâu đài Châu báu lớn ...thấy họ đã sạch tội, đã tích lũy hành trang Phước và Trí, và có điềm lành xuất hiện, thì người ấy quả được phép vào Mật thừa, nhưng không nhất thiết họ là những người đã tu tập đời trước. Hơn nữa, không nên cho phép họ giảng dạy Mật điển, nghe, nghiên cứu và thực hành, chỉ vì họ đã thọ Ba quy y và quyết tâm đạt giác ngộ và làm những bước tiến về hướng ấy. Những Đạo lộ tu tập mỗi lúc một khác, và không nên lẫn lộn những phương pháp giải thoát của các Thừa (Cỗ xe) khác nhau. Sở dĩ đức Thế tôn giảng dạy những Cỗ xe khác nhau vì Ngài biết khả năng của từng hạng người, khuynh hướng tính tình của họ. Bởi thế mà tôi viết trong bản văn gốc :

Nếu một người muốn hành trì mật tông...

Rồi được sự gia trì của một bậc thầy...

Nghĩa là, nếu muốn hành trì các pháp Ba la mật trong cỗ xe Ba la mật thì bạn phải học tập về Ba loại Giới mà tôi đã giải thích trên kia. *(Xem kệ 32 và luận giải)* Nhưng nếu muốn hành trì Mật tông và thực hành các pháp quán như quán Tara (hay Quan âm), thì bạn phải xin thọ pháp gia trì "Bình báu" thiết yếu của pháp Đạo sư già trì (hay Nhập môn Bậc Thầy.) Đây là ý nghĩa bài kệ tôi viết.

Được ân sủng một bậc thầy

Bây giờ, nếu bạn hỏi có thể xin một pháp gia trì được không, khi bạn không có tài sản hay quà tặng nào quý báu để dâng cúng bậc thầy. Câu "Bằng cách hầu hạ một bậc thầy và cúng dường châu báu" chỉ rõ là không thể. Thế thì những người quá nghèo khó, không tài sản ở thế gian phải làm sao? Họ nên "Tuân lời bậc thầy." Vì ngay cả những người có nhiều phương tiện cũng phải xả thân mà cúng dường- sự cúng dường này siêu việt tất cả bảy báu của vua Chuyển luân. Ví dụ, vua Devapàla sau khi dâng cúng cả vương quốc cho bậc thầy Buddhajñānapāda, còn cúng luôn cả hoàng hậu và bản thân vua. Và về sau ông thầy còn dụ vua cúng một số lượng vàng ròng cân bằng sức nặng của vua và hoàng hậu. Người nghèo thì đành phải cúng nhiều lần bằng sự tuân phục và hầu hạ, bằng mandala và hoa, theo cách ấy trước tiên họ "phải được ân sủng một bậc thầy".

Khi bậc thầy đã hài lòng và đã ban phép gia trì, và bạn đã giải thoát khỏi mọi tội lỗi về thân lời và ý, lúc đó bạn sẽ xứng đáng thành tựu tất cả Năng Lực thuộc thế gian và siêu thế, nhờ đã sạch tội.

Hiểu lầm về mật tông

Sau khi đã nói rằng, nhờ thực hành phù hợp với mật thừa, người ta có thể đạt đến toàn giác nhanh chóng không khó khăn, và đã chứng minh rằng đây là phương tiện để kiện toàn lợi ích an lạc cho người khác, bây giờ tôi sẽ bác bỏ hai ngộ nhận về mật thừa trong bài kệ 64 Đền soi nẻo Giác :

Những pháp gia trì "Bí mật" và "Tuệ giác"

Không thể trao cho tu sĩ độc thân,

Vì đó là điều tuyệt đối cấm

Trong đại mật điển của đức Phật Tối sơ *

(kệ 64)

Những ngộ nhận về mật tông ở đây gồm hai cực đoan: hoặc nói quá đáng, hoặc phủ báng bôi nhọ. Nói quá đáng nên chấm dứt; phủ báng nên bảo vệ.

*(*Đại mật điển của đức Phật Tối sơ, tức Kalachakra hay Bánh Xe Thời gian.)*

Quá đáng

Một số người chưa hiểu được nội dung của những mật điển với thần chú nhiều bất tận, và vì tin tưởng những bậc thầy, bạn đạo chưa nắm vững mật tông, nên họ y cứ vào cách giải thích của những người ấy trong khi chưa học thực chất của thần chú. Họ tuyên bố "chúng tôi thực hành mật chú, chúng tôi làm tất cả các pháp tu với sự chính xác lớn lao, và chúng tôi sẽ nhanh chóng đạt được ngay cả năng lực Đại Thủ Ấn !" Nhưng những người tiếp tục ba hoa như vậy chính họ đang hưởng về những cõi xấu ác. Họ tích tụ sự khinh lờn đối với Pháp của đức Như lai, và làm cho giáo lý Phật suy tàn do đời sống phạm hạnh bị hoen ố của họ. Họ đã thi thố năng lực phá hoại của họ để hại người khác và do sự liên hệ với phụ nữ, họ đã phạm trọng tội đáng trục xuất. Bậc hiền trí Trí Xứng nói về những người này như sau:

Họ còn rêu rao: "chúng tôi đã được phép từ chính đức Phật để hành pháp Du già này !" Họ lại còn làm tất cả các nghi thức một cách chính xác. Nhưng than ôi, họ chỉ hưởng đến những ác đạo địa ngục súc sinh .

Và thầy tôi vị tăng Paindapàtika đã nói như sau:

"Nếu hai pháp gia trì (tức là gia trì Bí mật và gia trì Tuệ Giác) mà người xuất gia được thọ, thì cả thầy lẫn trò đều đi xuống địa ngục."

Đức Thế tôn đã nói trong Đại mật điển liễu nghĩa:

Người tu Mật tông không được chỉ dẫn
Là luyện voi mà không có gậy bịt sắt;
Thì mặc dù tự xưng hành giả mật tông
Kỳ thực họ đang lừa Phật đối Pháp.

Họ cử hành các nghi lễ để sinh nhai
Như tụng thần chú và bắt ấn quyết;
Và chỉ để trừu tượng những xúc phạm nhỏ nhặt,
Họ cũng xử dụng năng lực phá hoại lớn lao.

Chỉ biết được một vài phép quán
Họ đã giải thích toàn thể Mật Điển;
Và bất cứ lúc nào có thể kiếm lợi
Họ cũng sẵn sàng giảng dạy Diệu Pháp

Ngài tiếp tục nói nhiều nữa theo cách ấy. Padmavajra cũng nói nhiều về những hình phạt đối với loại hành vi ấy như sau.

"Lối tu tập của họ và chính bản thân họ
Đều đầy những hoạt động tội lỗi;
Họ theo một con đường không thánh thiện,
Và đang tiến nhanh đến địa ngục.

Còn nhiều nữa tôi không thể trích hết. Tóm lại là với tâm đại bi chúng ta nên chấm dứt những sự quá đáng này.

Bôi nhọ phỉ báng

Có những người bảo: "Tại sao phải bận tâm về Mật tông, khi không ai biết được nó có hiệu lực ra sao? Tại sao không giản dị đi theo con đường sáng sủa của Cổ xe Các Ba La Mật, hay Cổ xe Thanh văn Duyên Giác ? Nếu Mật tông dùng phụ nữ và những năng lực Phá hoại thô bạo - hai trọng tội dâm dục sát sinh, đáng trục xuất khỏi đời sống phạm hạnh- thì quả không nên đi vào Cổ xe ấy." Nhưng những người nói như vậy là phỉ báng thần chú Mật tông, không biết ý nghĩa chân thực. Mật tông rất sâu rộng, đó là phạm vi hoạt động của những bậc thượng thừa có khả năng sắc bén, và đó chính là trái tim của giáo lý Phật. Người nào lên án Pháp ấy, một lĩnh vực hoạt động của bậc thượng thừa, thì chính họ đang đi xuống địa ngục, vì xem thường lời nói của đức Như lai và chối bỏ Giáo pháp sâu xa của ngài. Kinh Khéo Dệt đã nói về nghiệp hủy báng Pháp như sau:

"Nói rằng Pháp này hay, Pháp khác dở, người nào nói vậy chính là hủy báng Pháp."

Bởi vì khi nói thế, là người ấy không thấy Pháp một cách chân chính. Bậc thầy Paindapàtika nói:

Bởi thế, chớ khinh Mật thừa
Bảo đấy là câu chuyện của ma quỷ,
Vì thế cũng là bác bỏ luôn tất cả các Thừa.
Quả vậy, chính nhờ Mật thừa mà đạt Đại ấn.

Cũng vậy, đối với những người hủy báng Pháp như thế, ta phải đề cao Mật tông với thái độ từ bi.

Hủy báng có hai: hủy báng Pháp và hủy báng người. Không nên hủy báng Pháp, như kinh Ca diếp vẫn nói :

"Khi một người đi vào Giáo lý các đức Như lai dạy, mà tâm không hiểu được tất cả những chỗ sâu xa của Pháp vì Phật trí là vô biên và thị hiếu của chúng sinh vô tận sai khác, và người ấy nghĩ: 'Tuy rằng ta không hiểu nổi điều này, nhưng Phật hiểu, chỉ có Ngài thấy rõ' thế là người ấy không mang tội hủy báng Pháp."

Hãy đọc kinh ấy, vì đây là một điểm tôi thường thấy nói trong tất cả kinh và mật điển.

Về sự không hủy báng người, thì như Phật dạy trong các kinh Khuyến Phát Đại nguyện và kinh Chỉ giáo về sự Bất sinh của các pháp :

"Trừ đức Như lai và các đấng giác ngộ, một người nào phê phán người khác là điều có hại cho bản thân." (Ot.760)

Và kinh điển thường nói đến sự tai hại của những phê phán như thế.

Những pháp gia trì bị cấm chỉ

Những pháp gia trì Bí mật và Tuệ giác

Không nên cho người xuất gia thọ,

Vì các pháp ấy đặc biệt bị cấm
Trong đại mật điển của đức Phật Tối sơ.

(kệ 64)

Nếu một người thọ những pháp gia trì ấy
Trong khi sống đời phạm hạnh xuất gia
Nó sẽ làm người ấy phạm giới
Khi phải thực hành những điều cấm chỉ.

(kệ 65)

Những sự phạm giới khi xảy ra
Sẽ đánh bại người giữ giới xuất gia;
Và do chắc chắn sa đọa vào ác đạo
Việc tu mật tông người ấy cũng không thành.

(kệ 66)

Ý nghĩa 12 câu trên tôi đã căn cứ vào chỉ giáo của Suvarnavāra và bậc thầy của tôi về thần chú là vị tăng Paindapātika.

Cư sĩ và xuất gia

Trong tác phẩm Trao pháp Gia trì, vị thầy ấy nói:

"Có hai loại gia trì: gia trì cho người tại gia và gia trì cho người xuất gia. Gia trì cho người tại gia là tất cả các pháp

gia trì được kể trong nhiều mật điển. Gia trì cho người xuất gia là tất cả các pháp ấy, trừ hai pháp gia trì Bí mật và gia trì Tuệ giác. Vì sao hai pháp này bị loại ? Vì tất cả những điều tốt đẹp do Giáo pháp đem lại đều nhờ Giáo lý của Phật còn tồn tại. Và sự tồn tại của Giáo lý chỉ tùy thuộc vào đời sống xuất gia phạm hạnh; thế mà hai pháp gia trì này lại nhắm đến những trạng huống không phù hợp với phạm hạnh xuất gia. Kết quả là những pháp gia trì này khiến cho đời sống xuất gia thanh khiết phải tiêu vong. Khi đời sống phạm hạnh tiêu vong thì giáo lý Phật cũng suy tàn. Vì giáo lý suy tàn, nên sự tích tập công đức sẽ chấm hết. Chính vì nó sẽ đưa đến vô lượng mất mát như thế cho nên hai pháp gia trì ấy bị loại đối với người xuất gia."

Xuất gia phạm hạnh

Những pháp gia trì được phép

Bạn có thể bảo, nếu sự tình là thế, thì người xuất gia không nên dây dưa tới mật tông. Nhưng tôi nói :

Sau khi đã thọ pháp Đạo sư Gia trì

Thì được phép nghe và giải thích

tất cả mật điển như

Thi triển sự Dâng lửa, Cúng dường, vân vân :

Không gì sai quấy trong tuệ giác về thực tại.
(kệ 67)

Tất cả Mật điển và nghi thức làm Mandala đều nói rõ rằng, nếu một vị xuất gia (độc thân) theo Mật tông mà muốn nghe Mật điển, học và giải thích cho người, làm các lễ Cúng lửa, Dâng cúng Quà tặng và Nhảm thần chú, thì vẫn được không sao cả, miễn là vị ấy đã thọ pháp gia trì Bửu bình của pháp "Đạo sư gia trì." Bậc thầy Paindapatika cũng nói như thế:

"Bạn có thể bảo, nếu sự tình là thế, thì những vị xuất gia hành mật tông, mặc dù là đại thừa, cũng đang phản lại đại thừa. Nhưng theo tôi, nói vậy là hiểu sai vấn đề. Bất cứ ai đã được một bậc thầy cho phép, và đã thọ pháp gia trì Bửu bình, thì chính vì họ đã được gia trì để thực hành, học, nghe và giải thích những mật điển ấy, nên hoàn toàn đúng với đại thừa. Nhưng nếu thế thì, cũng không cần gì đến những pháp gia trì "Bí mật" và "Tuệ giác" ấy, ngay cả đối với cư sĩ- bạn có thể bảo. Đúng thế, tôi nói, điều ấy quả không cần thiết, và cư sĩ cũng không nên thọ.

Trí về Chân như

"Không gì sai quấy trong tuệ giác về thực tại." (kệ 67)

Các bậc thầy của tôi đã chỉ giáo đặc biệt cho tôi nhiều về vấn đề này như sau:

(a) "Nếu một bồ tát do tâm đại bi, biết gì là lợi ích cho hữu tình, và được dẫn đạo bởi tâm đại bi trong tất cả những gì ông làm, thì không có gì quấy trong mật tông của vị ấy, và kết quả là, công đức của ông càng tăng trưởng."

Lối giải thích này có nghĩa, đã đạt mức độ Nhẫn -dù còn yếu - thì hành mật tông không lỗi.

(b) Theo những vị thánh thiện khác, thì không bao giờ có thể có điều gì sai quấy nơi một hành giả đã liễu tri vạn pháp như huyễn, và có tuệ về thực tại Tính không.

Hành giả nào biết rõ các pháp
Chỉ như trăng đáy nước,
Sẽ không bao giờ khoác lấy
Những chuyện như tội và phúc.
Mọi pháp trong tâm cũng như ngoài
Đối với vị ấy đều như huyễn, duy tâm tạo :
Vị ấy không còn vẽ vời những Bằng chứng
Như Phi thường, Phi đoạn
Hoặc cả hai ;
Không bị vấy bởi độc tố chấp pháp,
Ai thấy được người như vậy?
Trong trí Như huyễn của người ấy
Điều quấy không hiện hữu."

(Lối giải thích này có nghĩa, người đạt đến mức Thế Đệ Nhất dù còn yếu hành mật tông cũng không lỗi.)

(c) Theo giải thích của Paindàpatika, thì hành mật tông không lỗi, ngay cả đối với một vị Bồ tát mới ở giai đoạn Thập trú.

(d) Lại có những vị khác nói:

"Không có gì sai quấy trong việc hành mật tông theo những phương pháp trong các bản kinh như Ca diếp vấn, kinh Những giáo sắc về Cách xử với Phụ nữ, Mật điển Thời nguyên thủy quang vinh, Giới luật Không Lỗi và những Mật điển khác liên hệ, và trong những luận của Long Thụ và Thánh thiên. Điều này có nghĩa, người nào đã liễu tri chân như (Tính không) thì không sai lầm, nếu đã đạt đến "Đảnh vị."

(e) Lại có người nói:

Sai lầm không hiện hữu nơi người có tâm Bồ đề theo nghĩa tuyệt đối, là thấy các pháp không sinh, và điều này luôn tăng trưởng trong dòng tâm thức vị ấy. Vì không thể có sai quấy khi một người liễu tri tính Như thị của vạn pháp.

Giải thích này có nghĩa không có sai lầm nơi người đang trên trình độ Kiến đạo. Do vậy, hành giả cần phải học để biết điều gì quấy điều gì không, đối với bản thân mình*.

(Tầm quan trọng của sự học để biết rõ gì là quấy gì là không quấy trong sự tu hành (phạm, không phạm), được nhấn mạnh trong tất cả các đạo lộ và Thừa, từ tri kiến Thanh văn với Giới luật Biệt giải thoát cho đến giới "Biệt giải thoát" của Bồ tát về giới hạnh của mình. Và với Mật thừa ở đây cũng vậy.)

Kệ kết thúc

- (1) Viên ngọc ước Hoá thân Phật
Đã nhập diệt, và cũng không còn
Những Hiền trí như bậc thánh Long Thụ
Trong thời đại Giáo lý sắp suy tàn
Xuất hiện nhiều người
Có quan điểm sai lầm của kẻ điên.
- (2) Họ thấy những tử sách kinh và luận,
Nhưng đã mất truyền thống Đạo sư;
Như những người mù, họ dẫn mình vào
Biển nghĩa lý bao la của kinh điển
Mà không hiểu giáo lý Đại thừa thù thắng.
Bởi thế không nên theo sự lầm lạc của họ.
- (3) Vì không có thầy làm mắt sáng
Nên họ đã không thấy,
và sẽ không thấy được
Thứ tự chân thật của Con đường đại thừa.
- (4) Đại thừa sâu như biển
Và bao la như bầu trời
Nhưng vì thiếu thầy, họ giảng theo ý thích,
Họ thỏa mãn vì gặp được Kinh và Luận, nhưng không
nướng tựa bậc thầy.

- (5) Nếu những bước tiến của đạo đại thừa
Họ còn không biết,
Thì làm sao thấy được ý nghĩa rộng sâu ?
- (6) Người nào có khuynh hướng Đại thừa,
Đã được chọn bởi một bậc thầy thánh thiện
Hãy theo vị ấy, dù họ là ai.
- (7) Đây là thời đại biến chuyển lớn
Lúc Giáo lý suy tàn,
Vậy hãy tìm hỏi xứ nào phương nào
Còn có người thuộc truyền thống Đạo sư
Biết úy phục chánh giải
của các bậc thầy mình-
Và khi đã tìm được, hãy phục vụ ông
nhiều năm tháng
Nhờ hầu hạ chu đáo, bạn sẽ được lòng ông.
- (8) Dù người ấy xử sự rất tệ
Trong cung cách về thân và lời
Cũng đừng để ý, mà hãy nhận Diệu pháp
Như con ong khi chọn được một bông hoa
Thì chỉ mang đi mật ngọt
Người trí cũng xử sự như thế :
Hãy nghe chỉ giáo, không nhìn phong cách.

(9) Khi tâm đã khéo luyện nhờ chỉ giáo của thầy,
Thì muốn đạt giác ngộ ngay trong đời này
Hãy xin chỉ giáo trong truyền thống Đạo sư
Về thần chú Cakrasamvara và tướng tự*

Nếu bạn không học phương pháp mật tông
Trừ hai pháp Gia trì (Bí mật và Tuệ giác)
Thì bạn còn bị trói buộc vì tư duy tản mạn
Và không thể nhanh chóng đạt giác ngộ.

Lại nữa, tôi nói:

(1) Ánh sáng Thánh giáo tàn dần
Diệu Pháp của Bạc Đạo sư đang diệt vong
Đệ tử Phật cũng đang phá hủy Pháp
Nói gì đến những người ngoài ?

(2) Sự phá hủy chính yếu là do tín đồ:
Người theo Mật tông
Tu hành sai và dạy người lầm lạc;
Kể lại không hiểu nghĩa Bất nhã
Dạy người bỏ phăng tục đế nhân quả
Chỉ nói về Tự tính sáng trong**.

(3) Một số khác thì bỏ bê Giới luật
Chung đụng với đời làm ruộng đi buôn
Kinh doanh ngay trong chốn thiền môn

Người đắp y cũng cho việc này vô ngại
Trong tương lai sẽ xảy ra việc ấy
Thực ô nhục cho nền Giáo lý
Vào cuối thời "Đấu tranh kiên cố"
Người ta sẽ không tu Diệu Pháp."(Ot.775)

Và bậc hiền trí Thế Thân cũng nói:

(1) "Bậc Đạo sư, con mắt thế gian, đã tịch;
Những bậc thầy về giáo lý cũng ra đi
Pháp Phật bị lu mờ
Vì những người chưa thấy chân như
Cứ hành trì theo ý thích.

(2) Đức Như Lai đã nhập Niết bàn ;
Những người trân trọng nền Giáo lý
Nay không còn đáng Đạo sư.
Sự đòi trụ được thả lỏng,
Phá hủy thiện hành và tha hồ phóng túng.

*(*Tức là pháp Tối thượng Du già. Kim cương tát đỏa, vị thân của pháp này cũng chính là vị mà Atisha kính lễ ở đầu sách.)*

*(**Tuệ giác Bát nhã không dừng lại ở bình diện tương đối - hay tục đế- là thấy tính không của các pháp như nhân và quả, mà còn phải tiến đến bình diện tuyệt đối hay chân đế, là tính không của không.)*

(3) Bởi thế giáo lý tốt đẹp này của bậc thánh

Như đang thở ra những hơi tàn.
Vào thời pháp nhược ma cường
Người cầu giải thoát hãy nên thận trọng.

Lời ghi cuối sách

(chúc lành)

Mong sao chỉ giáo về Người Thù Thắng
Được trình bày đầy đủ trong sách này
Sẽ tồn tại bao lâu Pháp Phật trường tồn,
Mong người có tâm Giác ngộ đầy bi mẫn
Ngày đêm tu tập pháp ấy một cách hăng say.
(ghi chú của dịch giả Phạn-Tạng)

Luận giải này về Đền Soi Nẻo Giác chấm dứt ở đây, được soạn bởi Dìpamkarasrījñāna thuộc dòng dõi quý tộc ở Bengal. Ngài là một bậc tăng sĩ đại hiền trí của dòng Thích, người đã sống như một Bồ tát.

- (1) Bồ tát đã sống như một cây thánh:
Hạt giống Giới gieo trong đất Tin;
Mầm Từ được tắm sương Thiên định
Gốc tâm Đại bi, thân cây là trí tuệ;
Cành Ba la mật và lá Nhiếp pháp,
Hoa Bảy thánh tài, quả Sáu niệm
Cây tỏa hương Mười Nghiệp Lành;
Đệ tử như đàn chim tụ lại.

- (2) Dìpamkara'srípàda là Ngài,
người sinh ở Bengal,
Sứ giả dòng họ Phật đến với chúng ta,
Ngài sinh ra như Mặt trời giữa loài người,
Nổi danh về tiếng tốt,
thông tuệ trong chính giáo.
Là bậc học giả có tài năng giới đức,
Ngài xứng bậc Thầy những người có hạng.
- (3) Được chư Phật thương yêu như con một,
Tâm nguyện như vàng ròng và trắng non,
Ngài là bậc Thầy khế cơ
Đối với những người hiểu sai giáo lý.
Ngài không bao giờ nghĩ
nên tránh những người thiếu đức tin này
Như tránh độc dược.
Mà chỉ gạt bỏ những thói xấu của họ,
Năng lực từ bi của ngài luôn sẵn sàng.
- (4) Do nghiệp lành, ngài sinh vào xứ văn minh
Tái sinh thù thắng trong gia đình hoàng tộc
Thuộc truyền thống tốt chủng tính Đại thừa
Do đại nguyện, ngài sinh làm Thích tử.

(5) Bạc Thầy Bồ tát Dìpamkarasrìjnàna là như thế
Người có tâm đại bi thương xót hữu tình
Và đệ tử mong làm hạng người thù thắng
Là tu sĩ dòng Thích, Tsgul-khrims rgyal-ba.

(6) Vị đệ tử ấy, sau khi tận tụy cung kính
Phục vụ bậc thầy, đã nói rằng bản văn này
Là tinh túy lời thề long trọng của Atisha :
"Đây là cốt tủy của mật pháp Cakrasamvara
Cũng như của tám muôn bốn ngàn giáo lý.
Hãy ngày đêm siêng năng tu tập."

(7) Chưa bao giờ có đệ tử Tây tạng nào khác
Ngoài tôi, Nag-tsho, được ngài chỉ giáo riêng
Tận tình đến thế.

Tôi sẽ luôn kính lễ Bạc thầy
Bằng cả thân lời ý của tôi.

Sách này được đệ tử Tshul-khrims rgyal-ba dịch từ
Sanskrit ra Tạng ngữ, với sự nhuận sắc của chính Atisha, bậc
Hiền trí Ấn độ.

(Chúc lành lần hai)

Bậc Thầy thánh thiện nổi danh
Uyên bác về truyền thống đại thừa,
Ngài như Mặt trời,

chỉ làm việc vì lợi ích tha nhân;
Đã canh tân ba lĩnh vực trong nền Diệu Pháp.

Khi Byang-chub-od và Tshul-khrim rgyal-ba
Thành tâm cầu khẩn ngài viết Luận giải
Về Đền soi nẻo Giác,
ngài đã soạn ra Luận này,
Bằng tất cả trí tuệ và từ bi là trọng điểm.
Ngài dạy, "đừng cho ai xem,
hãy xếp vào mật điển"

Vì sách này cốt yếu để thực hành,
Mong tôi và mọi người hiểu toàn ý nghĩa
Của luận này một cách chính xác,
Và nhanh chóng đạt đến hàng ngũ Pháp vương
Mong cho hữu tình thành tựu
vô lượng điều lành.

Biểu đồ I: Năm Đạo lộ

Thuộc thế gian:

- I. Tư lương - (Phát tâm)
Tín, tấn, niệm, định, tuệ
- II. Gia hạnh: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất.

Thuộc Siêu thế:

- III. Kiến đạo: Nhẫn và Trí về Bốn đế trong cả ba cõi: Bồ tát sơ địa - Hoan hỉ
- IV. Tu tập (Loại trừ dần các chướng ngại; tăng trưởng các ba la mật trong cõi Dục; đắc tám giải thoát thuộc Sắc và vô sắc giới) : chín địa vị Bồ tát từ thứ hai đến thứ 10: Vô cấu, Phát quang, Diệm huệ, Nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện huệ và Pháp vân.
- V. Cứu cánh: Phật địa, với ba thân là Pháp thân, Báo thân, Hóa thân.

Biểu đồ 2: Pháp Gia trì trong Bốn loại mật điển

(Trước đây phải có phép của bậc thầy và được vào mandala)

I. Mật điển Hành động: 1. Gia trì bằng Tràng hoa, phreng- 2. Bằng Nước, chu- 3. Bằng Vương miện, cod-pan.

Gia trì Năm trí (2-6) rig-pa'idbang

II. Mật điển Tu tập: 4. Gia trì bằng chùy Kim cương; 5. Bằng Chuông, 6. Bằng Tên

III. Mật điển Phối hợp hay Du già, và Mật điển Tối thượng Du già:

7. Đạo sư gia trì

(sau khi thọ gia trì Năm trí): 1. Kim cương chùy, 2. Chuông, 3. Ấn. Ấn gồm hai thứ: tâm ấn, và ấn cụ thể là:
a. Bửu bình; b. Bí mật,
c. Tuệ giác, d. Chủng tự.

Phân luận giải

Chương Một: Quy y Tam Bảo

- I. Ba quy y
- II. Cầu nguyện gồm 7 thành phần
- III. Các loại cúng dường
- IV. Trái tim của giác ngộ (Tâm bồ đề)
- V. Không thối chuyển
- VI. Quy y

Chương hai: Tâm Bồ Đề

- I. Phát tâm bồ đề
- II. Nguyện Bồ Đề
- III. Tâm hạnh bồ đề

Chương Ba: Đời tu sĩ

- I. Pháp khí đại thừa
- II. Các hàng ngũ xuất gia
- III. Mười tám tông phái Phật giáo
- IV. Đời phạm hạnh
- V. Các pháp Yết Ma
- VI. Học giới

VII. Tóm tắt giới luật

Chương 4: Giới Bồ tát

- I. Giới bồ tát
- II. Giải thích
- III. Thanh lọc thân lời ý
- IV. Kiện toàn sự trang bị
- V. Bồ tát sơ phát tâm
- VI. Các hạng sơ phát tâm

Chương năm: Các thắng trí (thần thông)

- I. Liên hệ giữa Giới và Định
- II. Các thắng trí
- III. Tịnh chỉ

Chương Sáu: Tuệ giác và Phương tiện

- I. Viên mãn Tuệ

Chương Bảy: Mật điển

- I. Mật thừa
- II. Kinh điển Mật tông
- III. Pháp gia trì
- IV. Hiểu lầm về mật tông
- V. Những pháp gia trì bị cấm

VI. Kệ kết thúc

VII. Lời cuối sách